

# Hướng dẫn chi tiết cách tạo một bài giảng điện tử bằng iSpring Suite

Dưới đây là cách tạo một bài giảng chi tiết, các thầy cô có thể tham khảo để có hiệu quả nhất khi soạn bài giảng điện tử bằng iSpring.

## Quy trình chung cho một bài E-Learning

Quy trình này là ( cá nhân) đưa ra và nếu không thích thầy cô hoàn toàn có thể tự đưa ra một quy trình khác miễn sao phù hợp với thầy cô là được:

- **Bước 1:** Soạn một bài giảng bằng chương trình PowerPoint như bình thường.
- **Bước 2:** Tiến hành ghi âm ghi hình và đồng bộ.
- **Bước 3:** Chèn bài tập trắc nghiệm, tương tác, hoạt cảnh, quay màn hình, chèn YouTube và Web Object nếu cần.
- **Bước 4:** Thiết lập thông tin giáo viên và nhà trường.
- **Bước 5:** Thiết lập thuộc tính cho slide.
- **Bước 6:** Thiết lập các tùy chọn trong player.
- **Bước 7:** Preview để xem trước và kiểm tra lại toàn bộ bài giảng lần cuối.
- **Bước 8:** Publish để xuất bản bài giảng ra các định dạng đầu ra theo yêu cầu.

## Cách ghi âm trong iSpring Suite và đồng bộ dữ liệu với Slide

### I. Ghi âm

#### 1. Ghi âm trực tiếp trên iSpring Suite

Cách ghi âm trực tiếp sẽ giúp thầy cô tiết kiệm được nhiều thời gian bởi vì trong quá trình ghi âm chúng ta sẽ đồng bộ luôn không cần phải đồng bộ lại.

Tuy nhiên cách này có một số nhược điểm như sau:

- Nếu máy tính để bàn của thầy cô không có Microphones thì không thể sử dụng cách này được.
- Đối với các máy tính Laptop thường có Microphones tích hợp nhưng chất lượng ghi âm không được tốt cho máy.

Vì vậy nếu có thể thầy cô nên đầu tư một cái Microphones rời thì chất lượng âm thanh sẽ tốt hơn.

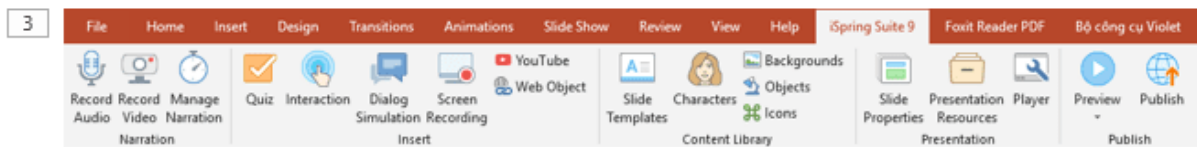
#### Các bước thực hiện như sau:

+ **Bước 1:** Chọn slide cần ghi âm.

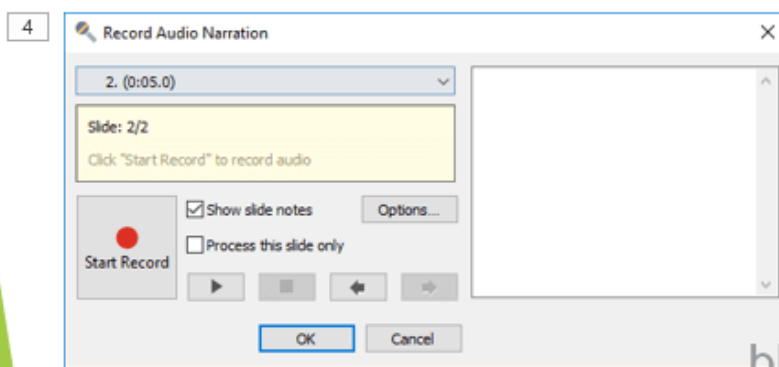


**+ Bước 2:** Tạo hiệu ứng xuất hiện cho các đối tượng trong slide.

- 1 Bước 1 chọn Slide cần ghi âm
- 2 Bước 2 tạo hiệu ứng xuất hiện cho các đối tượng trong Slide
- 3 Bước 3 vào thẻ iSpring Suite 9 => chọn Record Audio

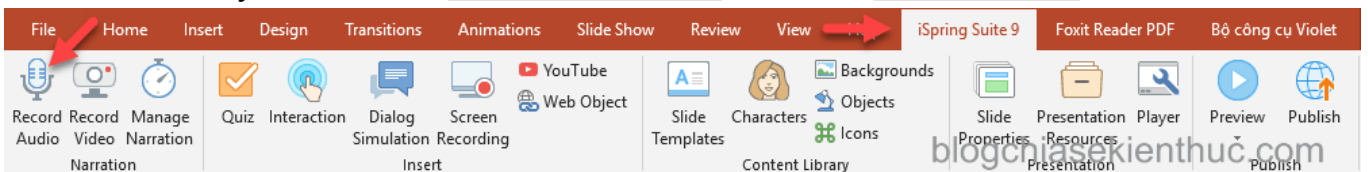


- 4 Bước 4 hộp thoại Record Audio Narration xuất hiện với giao diện như hình bên dưới

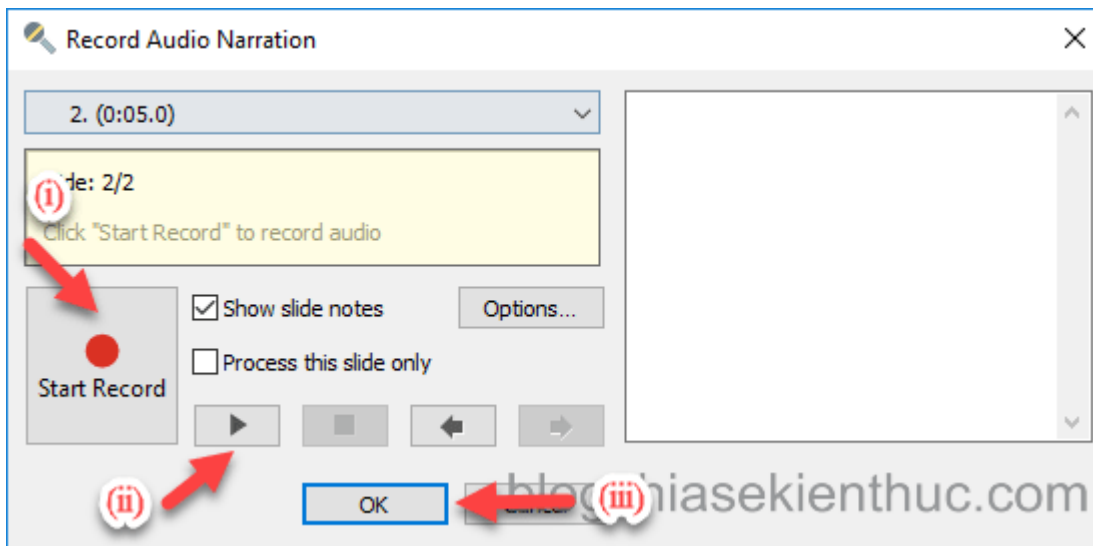


- 4 Để tiến hành ghi âm bạn chọn Start Record => chọn Next Animation => chọn Stop => chọn OK

**+ Bước 3:** Thầy cô vào thẻ iSpring Suite 10 => chọn Record Audio



**+ Bước 4:** Hộp thoại Record Audio Narration xuất hiện với giao diện như hình bên dưới.



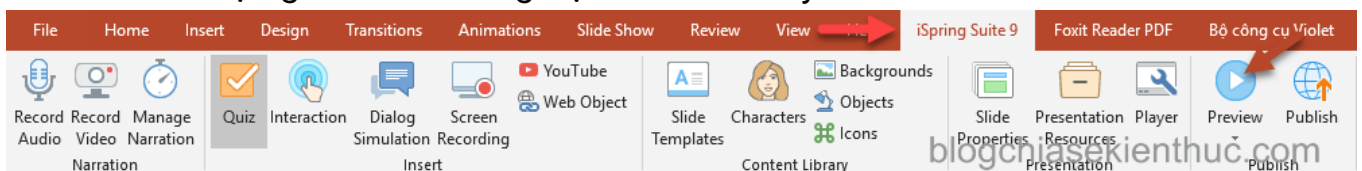
Để tiến hành ghi âm thầy cô chọn **Start Record** => chọn **Next Animation** => chọn **Next Animation** => chọn **OK**

### Chú ý:

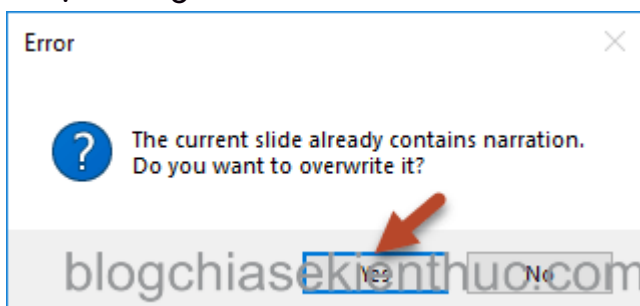
- Khi chọn vào **Next Animation** thì hiệu ứng sẽ xuất hiện và thầy cô cũng bắt đầu giảng. Giảng xong lại bấm vào **Next Animation** thì hiệu ứng tiếp theo trong slide sẽ xuất hiện và thầy cô lại tiếp tục giảng, cứ lặp lại như vậy cho đến hết.
- Số lần bấm **Next Animation** cũng chính là số hiệu ứng mà thầy cô đã thiết lập trong slide.

Để kiểm tra và nghe lại phần ghi âm của mình thì thầy cô vào **iSpring Suite 10** => chọn **Preview** => chọn **Preview selected slides**.

Nếu có vấn đề thì sẽ tiến hành ghi âm lại còn không thì xem như thầy cô đã hoàn thành việc ghi âm và đồng bộ cho Slide này rồi.



**Chú ý:** Để ghi âm lại thầy cô bắt đầu thực hiện lại từ bước 3 và nếu có hộp thoại thông báo như hình bên dưới xuất hiện thì thầy cô cứ chọn **Yes** là được.



## 2. Ghi âm gián tiếp

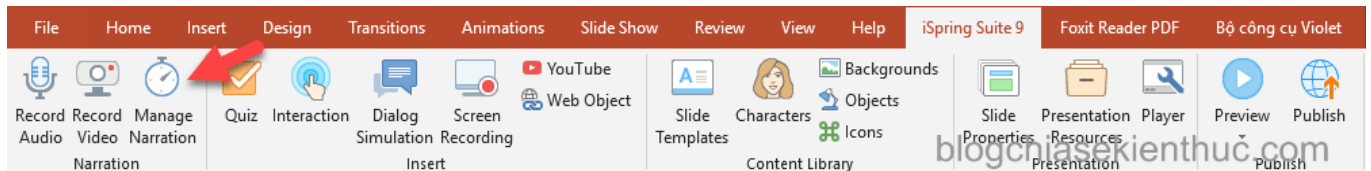
Cách ghi âm này được sử dụng khi thầy cô không có laptop hoặc máy tính để bàn của thầy cô không có microphones hoặc vì một lí do nào đó mà thầy cô không thể hoặc không muốn sử dụng cách thứ nhất ghi âm trực tiếp.

Cách này tuy là tốn thêm thời gian để đồng bộ lại lời giảng tuy nhiên nó cũng có ưu điểm là thầy cô có thể tùy chỉnh lại lời giảng to hơn hoặc nhỏ hơn, cắt bỏ một số phần không cần thiết, lọc tiếng ồn...

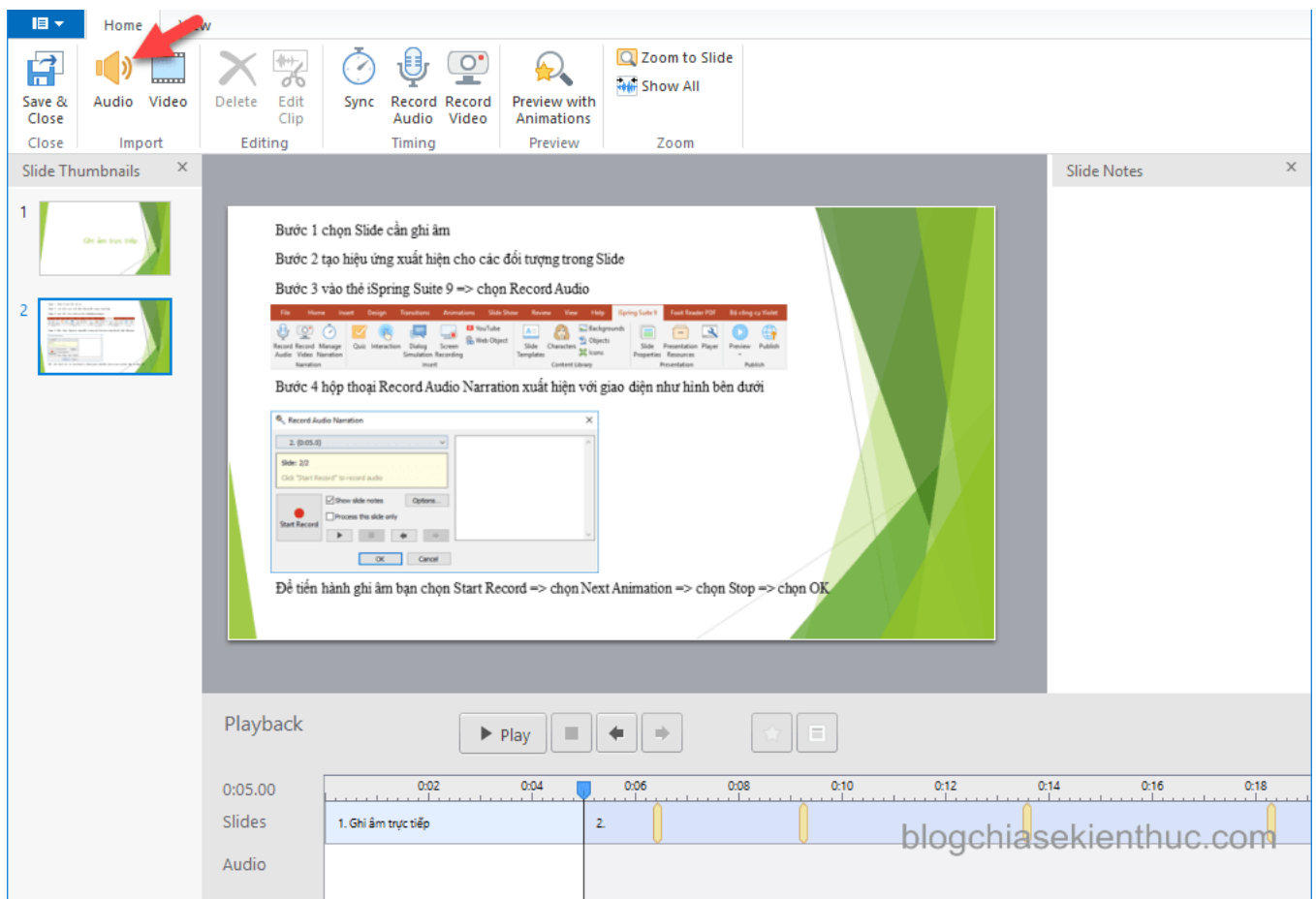
### Các bước thực hiện như sau:

+ **Bước 1 và Bước 2** thầy cô làm tương tự như cách thứ nhất ghi âm trực tiếp.

+ **Bước 3:** Vào tab **iSpring Suite 10** => chọn **Manage Narration**

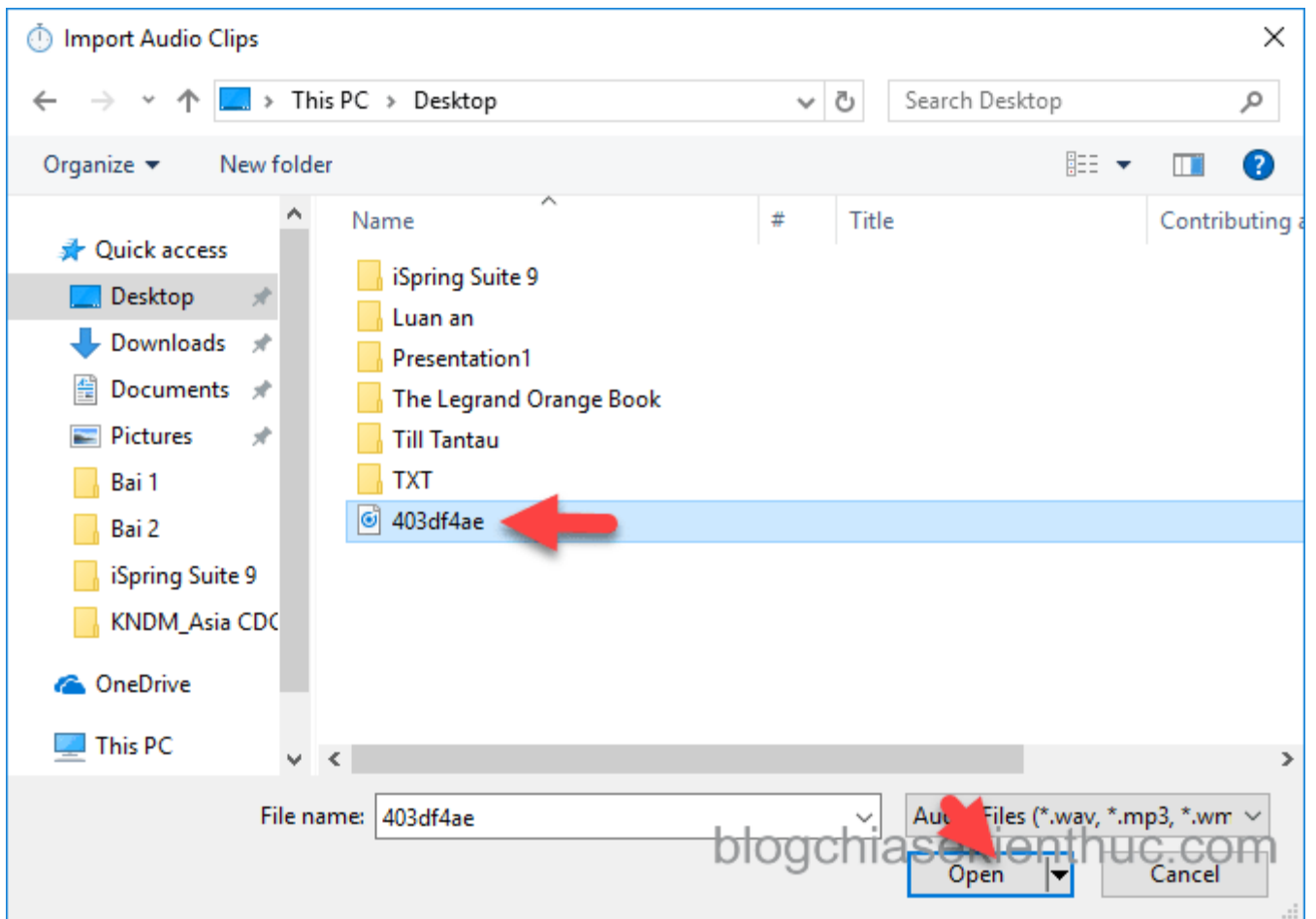


+ **Bước 4:** Hộp thoại **iSpring Narration Editor** xuất hiện với giao diện như hình bên dưới.

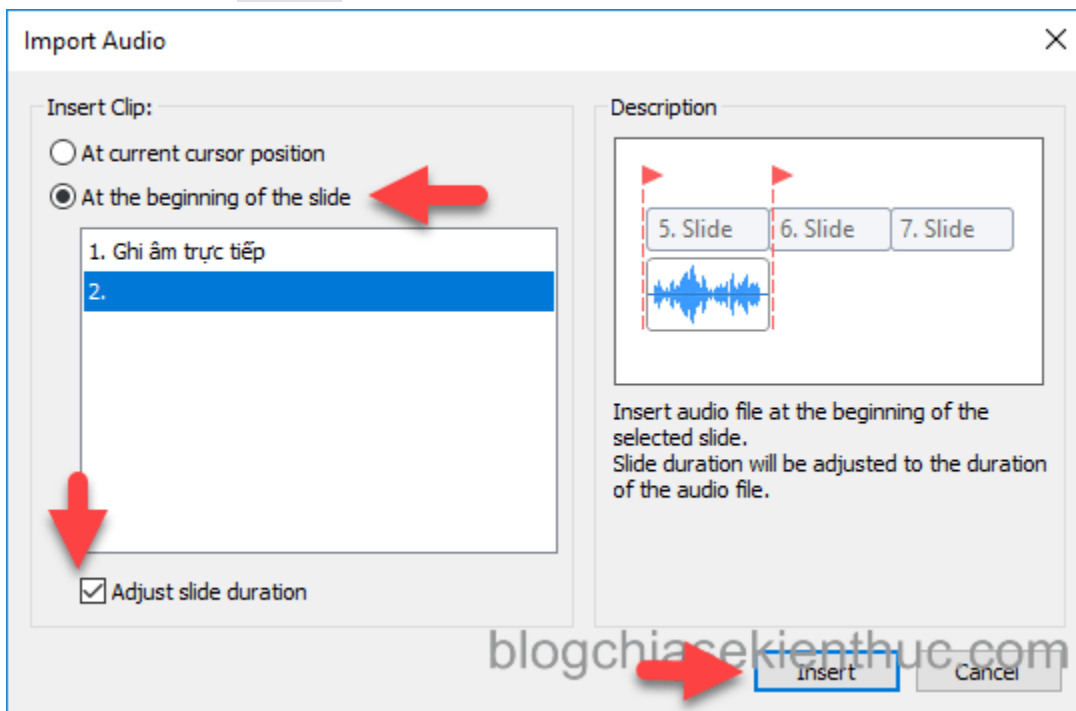


Để chèn lời giảng vào thầy cô chọn **Audio** => hộp thoại **Import Audio**

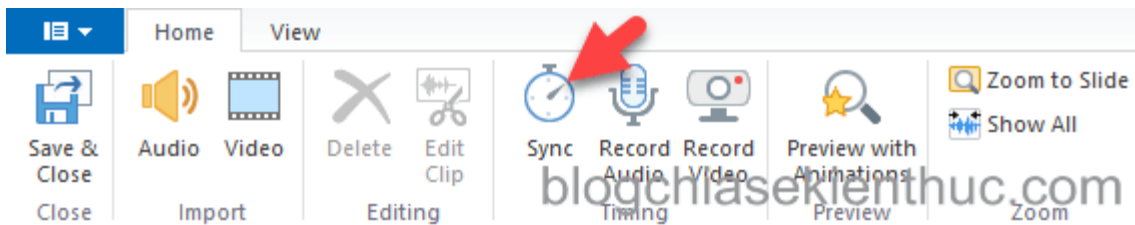
**tips** xuất hiện thầy cô chọn tệp tin cần chèn vào => chọn **open**



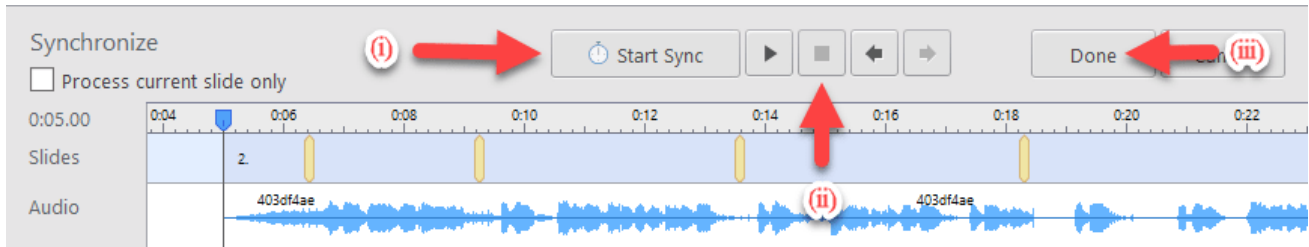
+ **Bước 5:** Hộp thoại `Import Audio` xuất hiện thầy cô tùy chọn như hình bên dưới rồi chọn `Insert`



+ **Bước 6:** Chọn `Sync`.



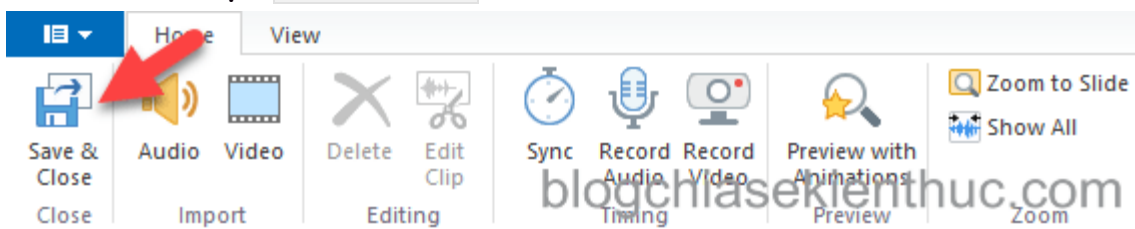
+ **Bước 7:** Chọn Start Sync => chọn Next Animation => chọn  => chọn Done



### Chú ý:

Bước này tương tự như **bước 4** của các thứ nhất ghi âm trực tiếp, chỉ khác ở chỗ là thầy cô không cần giảng chỉ cần nghe và bấm mà thôi.

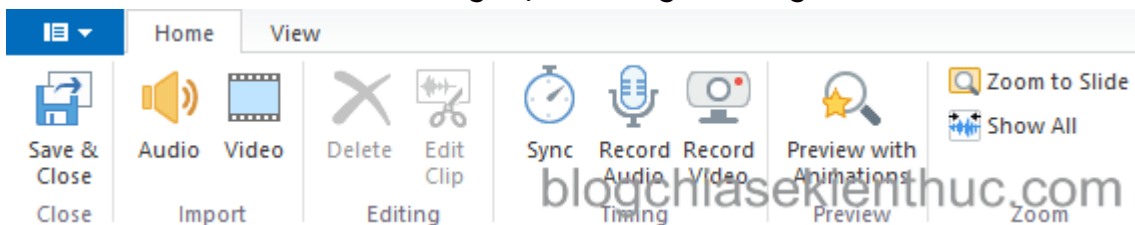
+ **Bước 8:** Chọn Save & Close.



## II. Quản lý Media trong bài thuyết trình với Manager Narration

Tính năng **Manager Narration** là một những tính năng quan trọng của **ispring suite**.

Với **Manager Narration** thầy cô có thể: Chèn, xóa, chỉnh sửa và đồng bộ audio, chèn, xóa, chỉnh sửa và đồng bộ video, ghi âm, ghi hình...

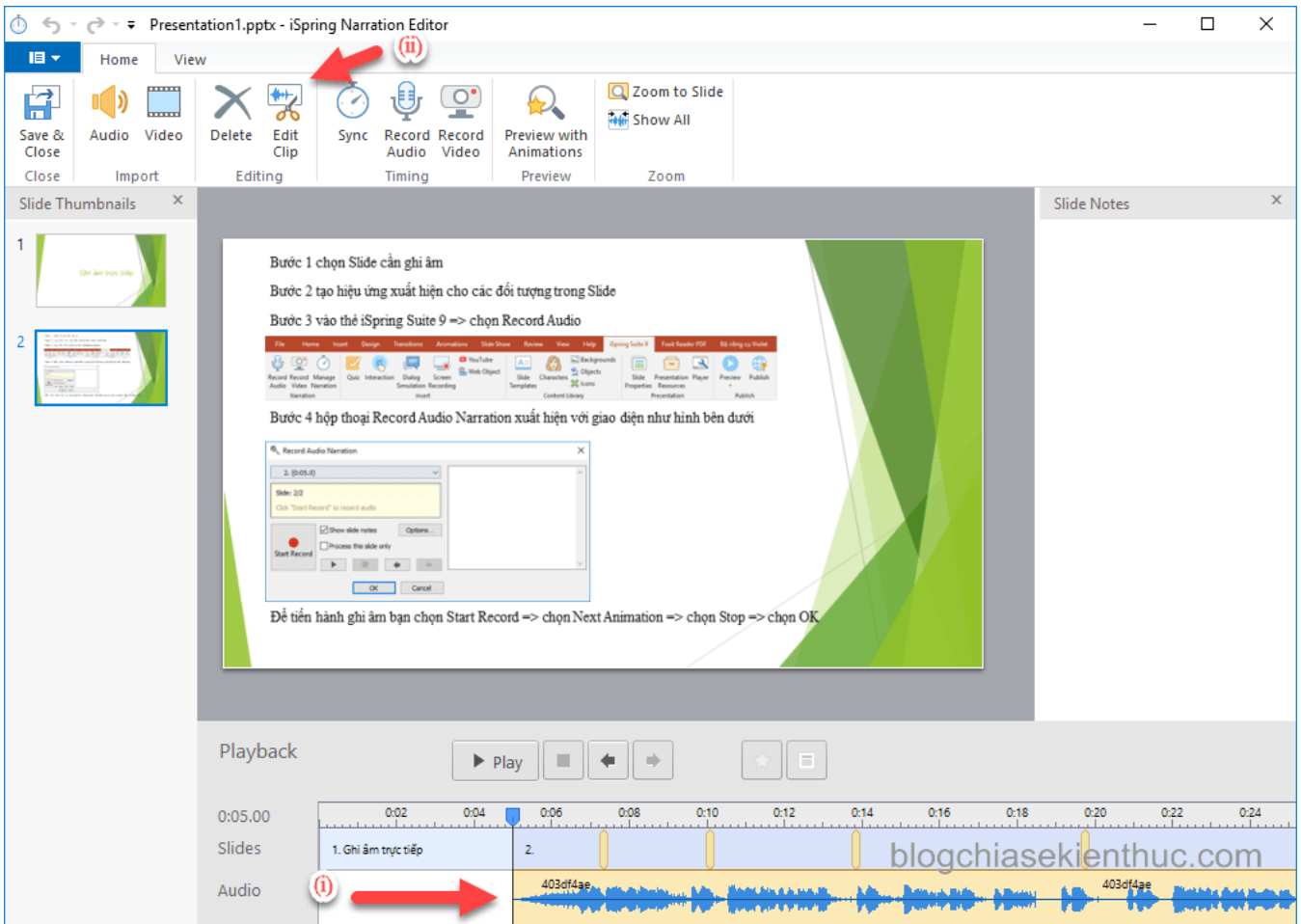


- **Audio:** Chèn âm thanh.
- **Video:** Chèn đoạn phim.
- **Delete:** Xóa.
- **Edit Clip:** Chỉnh sửa.
- **Sync:** Đồng bộ.
- **Record Audio:** Ghi âm.
- **Record Video:** Ghi hình.
- **Manager Narration:** Xem trước với các hiệu ứng.

- **Zoom to Slide:** Phóng to slide.
- **Show All:** Hiển thị tất cả.

Trong phạm vi của bài viết này sẽ hướng dẫn các thầy cô cách chỉnh sửa một đoạn âm thanh hoặc đoạn phim, chi tiết các bước được trình bày bên dưới:

**+ Bước 1:** Chọn đoạn âm thanh hoặc đoạn phim cần chỉnh sửa

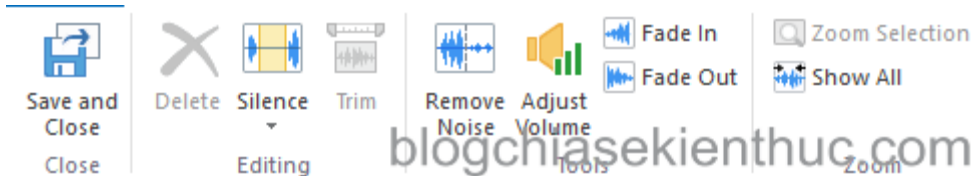


**+ Bước 2:** Chọn vào `Edit clip`, hộp thoại `iSpring Audio Editor` xuất hiện.



Hộp thoại này có những tính năng giống với các chương trình biên tập âm thanh nhưng chỉ ở mức cơ bản với các tính năng đơn giản.

Nếu muốn chỉnh sửa chuyên nghiệp thì thầy cô có thể dùng thử chương trình Audition của hãng Adobe.



- **Delete:** Xóa bỏ đoạn âm thanh được chọn.
- **Silence** => chọn `Silence Selection` thì phần âm thanh được chọn sẽ im lặng.
- **Trim:** Cắt bỏ các phần âm thanh không được chọn.
- **Remove Noise:** Loại bỏ tiếng ồn.
- **Adjust Volume:** Tăng hoặc giảm âm lượng.
- **Fade In:** Hiệu ứng âm thanh lớn dần.
- **Fade Out:** Hiệu ứng âm thanh nhỏ dần.

## Cách ghi hình trong iSpring Suite và đồng bộ dữ liệu với Slide

**Ghi hình Slide bài giảng** là một trong những thao tác quan trọng không kém gì so với thao tác ghi âm trong việc tạo một bài giảng điện tử E-Learning.

Một bài giảng vừa có ghi âm vừa có ghi hình sẽ giúp bài giảng trở nên sinh động, hấp dẫn và quan trọng hơn cả là giúp học sinh dễ dàng tiếp thu được kiến thức của bài học.

Các bước để **ghi hình trong iSpring Suite** cũng gần tương tự với ghi âm thôi. Tuy nhiên, ở đây sẽ hướng dẫn các thầy cô 2 cách để ghi hình.

## I. Ghi hình bài giảng trực tiếp bằng iSpring Suite

Yêu cầu máy tính phải có Webcam, và nếu được thì nên là một webcam rời để có được chất lượng hình ảnh tối ưu nhất, các bước thực hiện như sau:

**+ Bước 1:** Thầy cô chọn slide cần ghi hình.

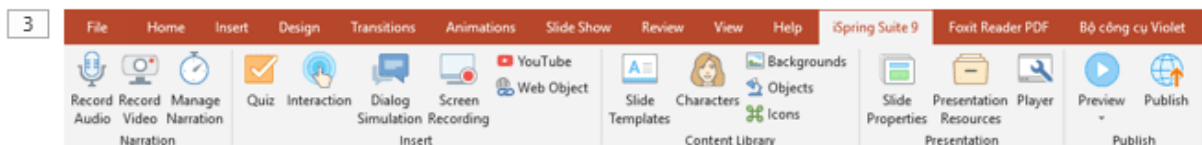


**+ Bước 2:** Tạo hiệu ứng xuất hiện cho các đối tượng trong slide.

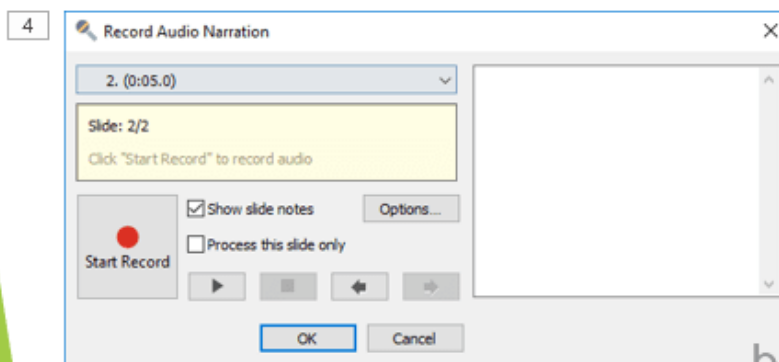
1 Bước 1 chọn Slide cần ghi âm

2 Bước 2 tạo hiệu ứng xuất hiện cho các đối tượng trong Slide

3 Bước 3 vào thẻ iSpring Suite 9 => chọn Record Audio

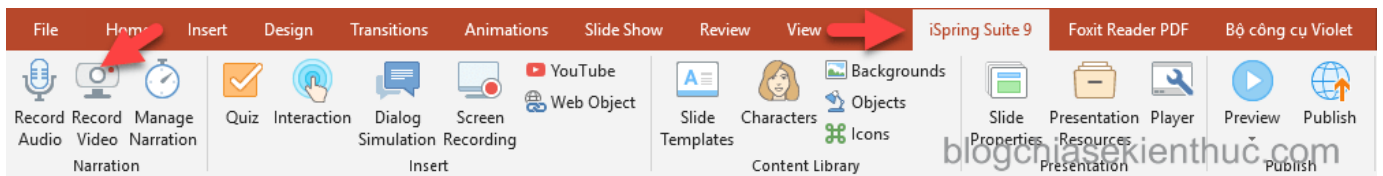


4 Bước 4 hộp thoại Record Audio Narration xuất hiện với giao diện như hình bên dưới

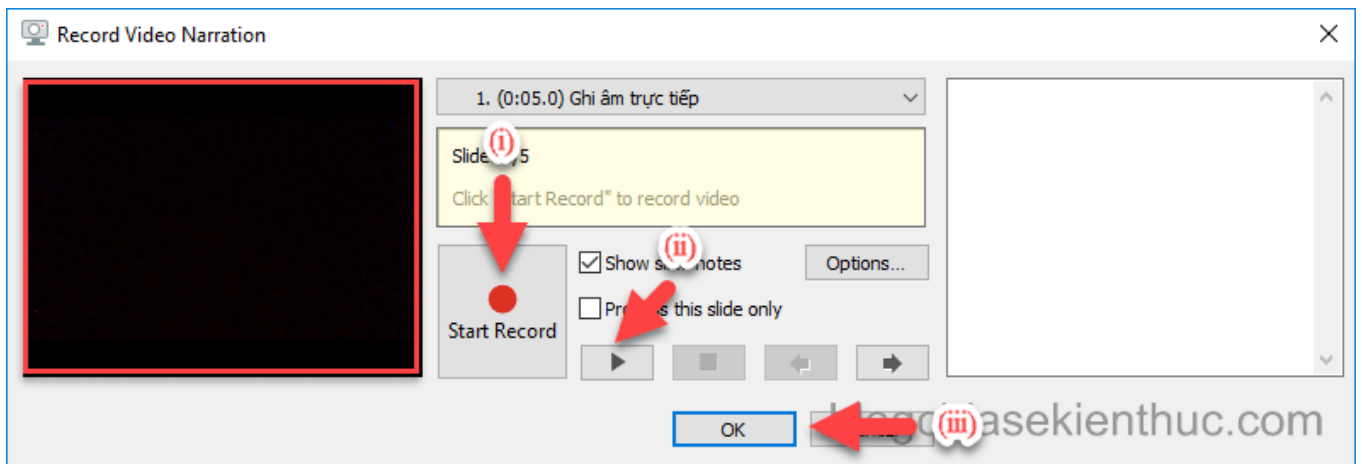


4 Để tiến hành ghi âm bạn chọn Start Record => chọn Next Animation => chọn Stop => chọn OK

**+ Bước 3:** Thầy cô vào tab iSpring Suite 10 => chọn Record Video



+ **Bước 4:** Hộp thoại Record video Narration xuất hiện với giao diện như hình bên dưới.



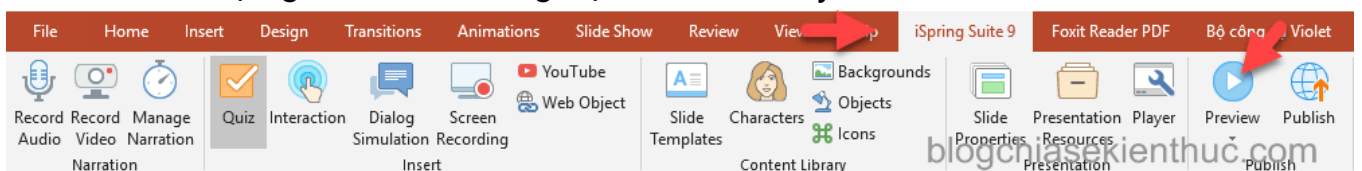
Để tiến hành ghi hình thầy cô chọn Start Record => chọn Next Animation => chọn [Next Animation] => chọn [Next Animation] => chọn OK

### Chú ý:

- Khi chọn vào **Next Animation** thì hiệu ứng sẽ xuất hiện và thầy cô cũng bắt đầu giảng. Giảng xong lại bấm vào **Next Animation** thì hiệu ứng tiếp theo trong slide sẽ xuất hiện và thầy cô lại tiếp tục giảng, cứ lặp lại như vậy cho đến hết.
- Số lần bấm **Next Animation** cũng chính là số hiệu ứng mà thầy cô đã thiết lập trong slide.

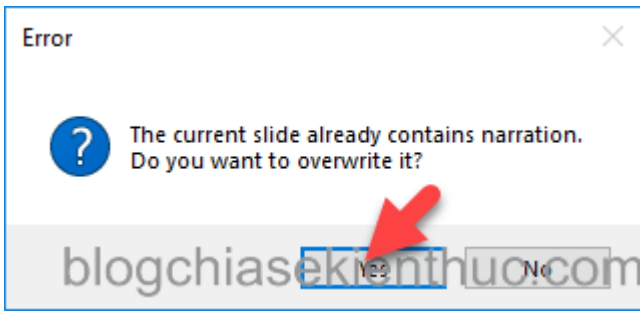
Để kiểm tra và nghe lại phần ghi hình của mình thì thầy cô vào iSpring Suite 10 => chọn Preview => chọn Preview selected Slides.

Nếu có vấn đề thì sẽ tiến hành ghi hình lại còn không thì xem như thầy cô đã hoàn thành việc ghi hình và đồng bộ cho slide này rồi.

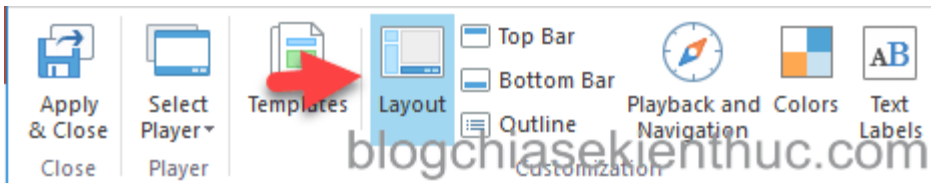


### Lưu ý:

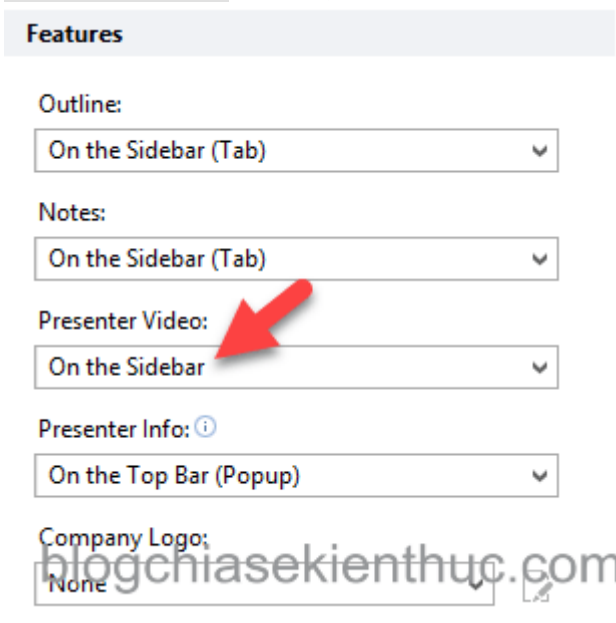
Để ghi hình lại thầy cô bắt đầu thực hiện lại từ bước 3 và nếu có hộp thoại thông báo như hình bên dưới xuất hiện thì thầy cô cứ chọn **Yes** là được.



Trong trường hợp đoạn ghi hình không hiện ra khi thầy cô chọn **Preview Selected Slides** thì thầy cô có thể làm như sau để khắc phục (i) vào **iSpring Suite 10** => chọn **Player** => chọn **Layout**



(ii) tùy chọn **LAYOUT** xuất hiện, tại thẻ **Presenter videos** thầy cô chọn **On the sidebar** là được.



Cuối cùng thì thầy cô sẽ được kết quả như hình, đoạn ghi hình của thầy cô sẽ xuất hiện ở vị trí ô màu đỏ trong hình bên dưới.



## II. Ghi hình gián tiếp với iSpring Suite

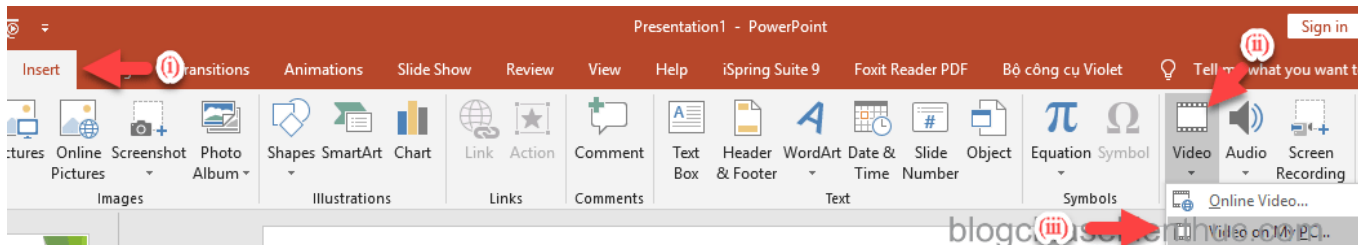
# 1. Sử dụng công cụ của PowerPoint

Cách này có ưu điểm là thầy cô có thể tùy chỉnh lại vị trí, kích thước, định dạng khung hình một cách dễ dàng.

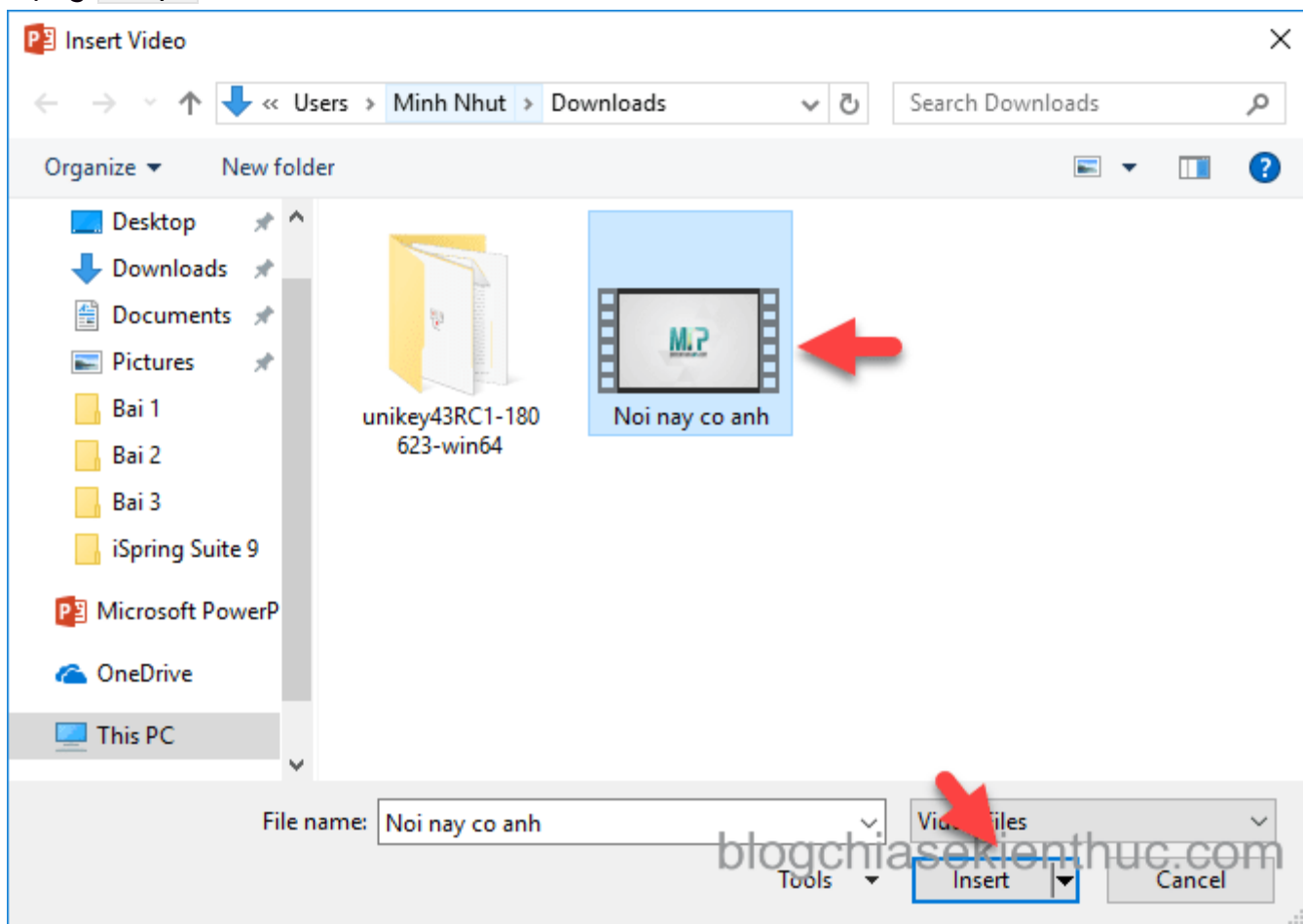
## Các bước thực hiện:

+ **Bước 1, bước 2** thầy cô làm tương tự như cách ghi hình trực tiếp.

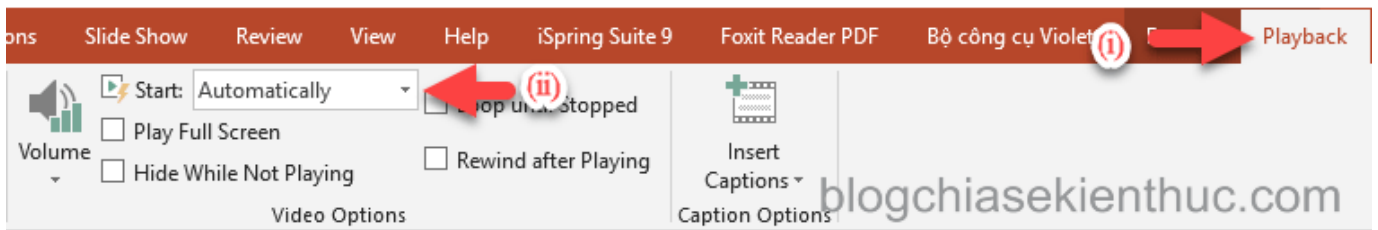
+ **Bước 3:** Thầy cô vào **Insert** => chọn **video** => chọn **video on My PC...**



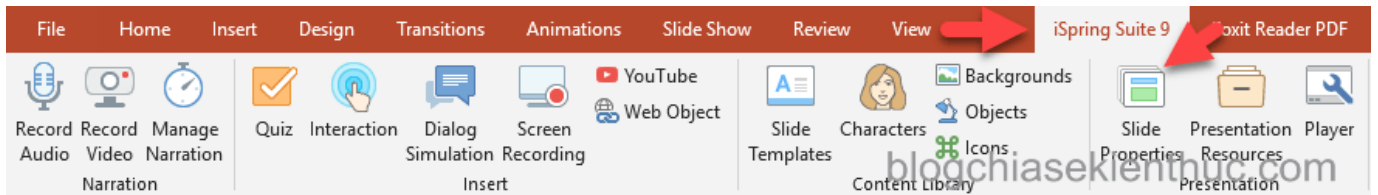
+ **Bước 4:** Hộp thoại **Insert video** xuất hiện, thầy cô chọn đoạn ghi hình cần chèn => chọn **Insert**. Đoạn ghi hình cần chèn tốt nhất là ở định dạng **\*.mp4**



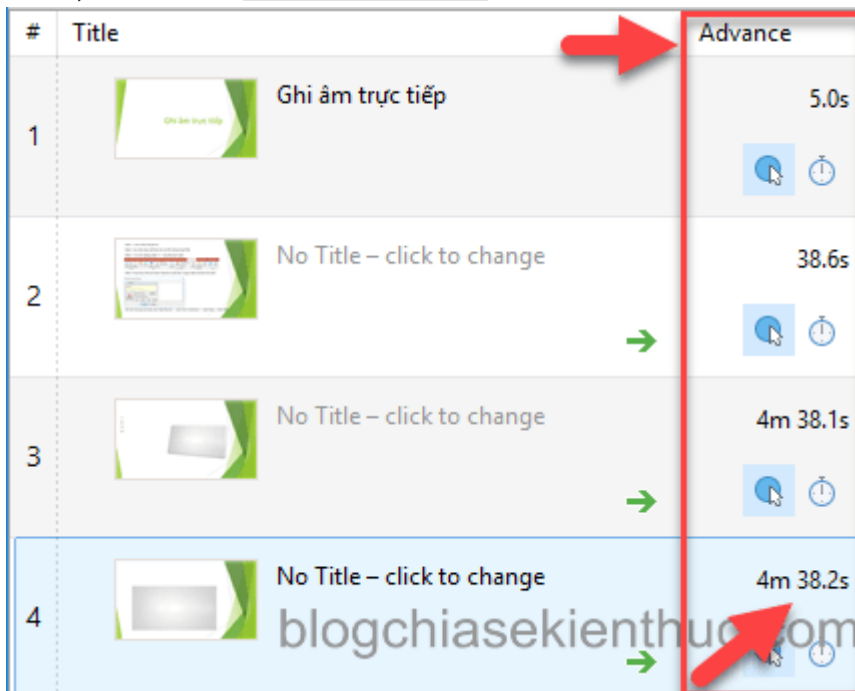
+ **Bước 5:** Thầy cô vào **Playback** => tại tùy chọn **start** thầy cô chọn là **Automatically**



+ **Bước 6:** Vào iSpring Suite 10 => chọn Slide Properties



Hộp thoại Slide Properties xuất hiện. Tại thẻ Advance thầy cô chỉnh lại thời gian sau cho phù hợp (thường là cùng độ dài với độ dài của đoạn ghi hình) => chọn save & Close để lưu và thoát.

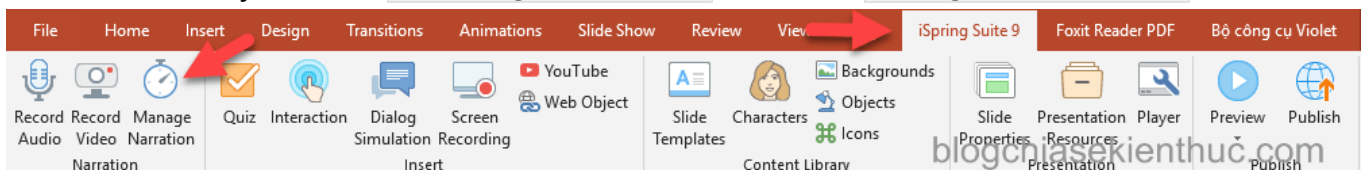


+ **Bước 7:** Tiến hành đồng bộ đoạn ghi hình bằng tính năng Manage Narration tương tự như cách đồng bộ đoạn ghi âm.

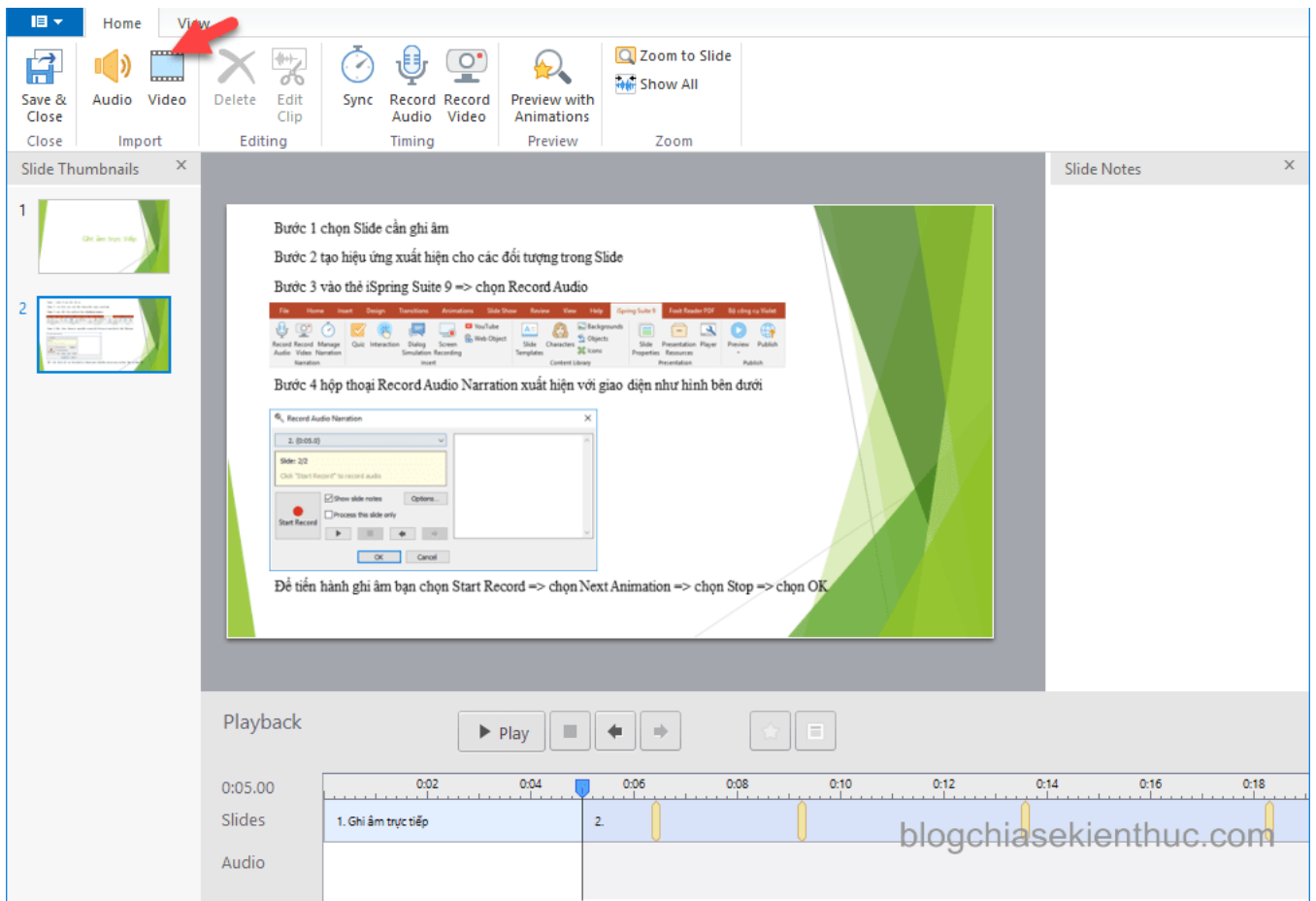
## 2. Sử dụng công cụ của iSpring Suite 10

+ **Bước 1, bước 2** tương tự như cách ghi hình trực tiếp.

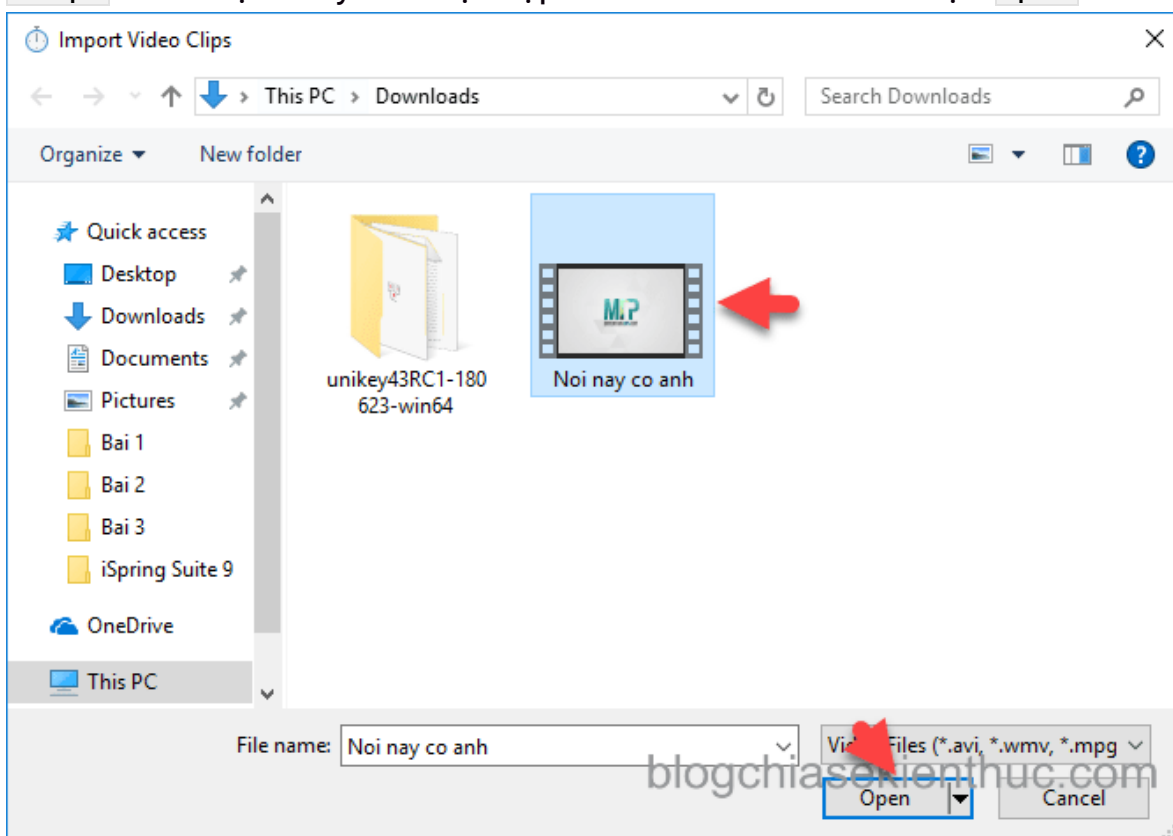
+ **Bước 3:** Thầy cô vào iSpring Suite 10 => chọn Manage Narration



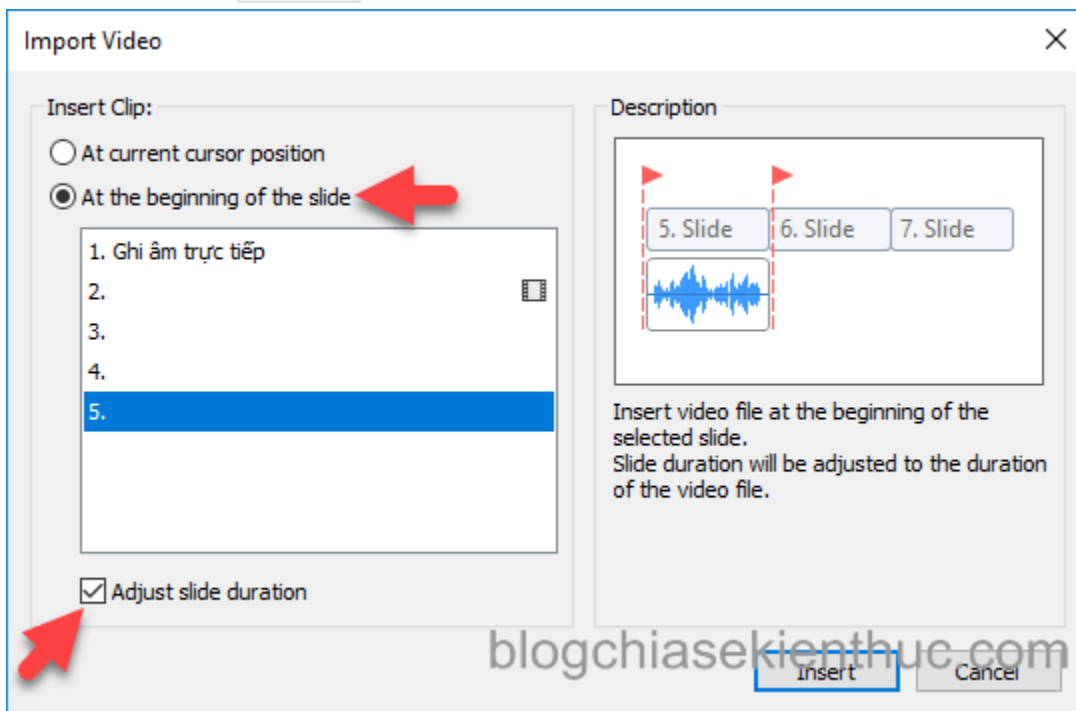
+ **Bước 4:** Hộp thoại iSpring Narration Editor xuất hiện với giao diện như hình bên dưới.



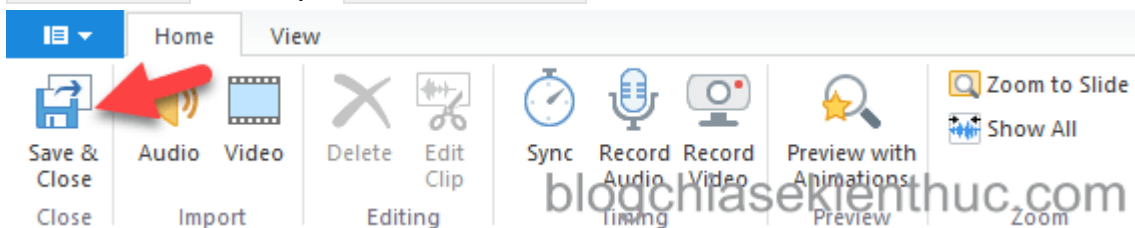
Để chèn đoạn ghi hình vào thầy cô chọn video => hộp thoại Import Video Clips xuất hiện thầy cô chọn tệp tin cần chèn vào => chọn open



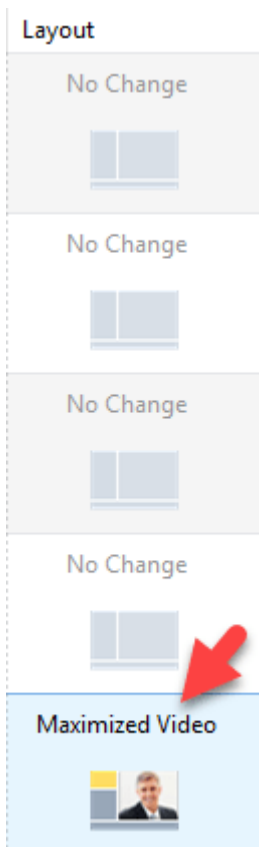
+ **Bước 5:** Hộp thoại **Import video** xuất hiện thầy cô tùy chọn như hình bên dưới rồi chọn **Insert**.



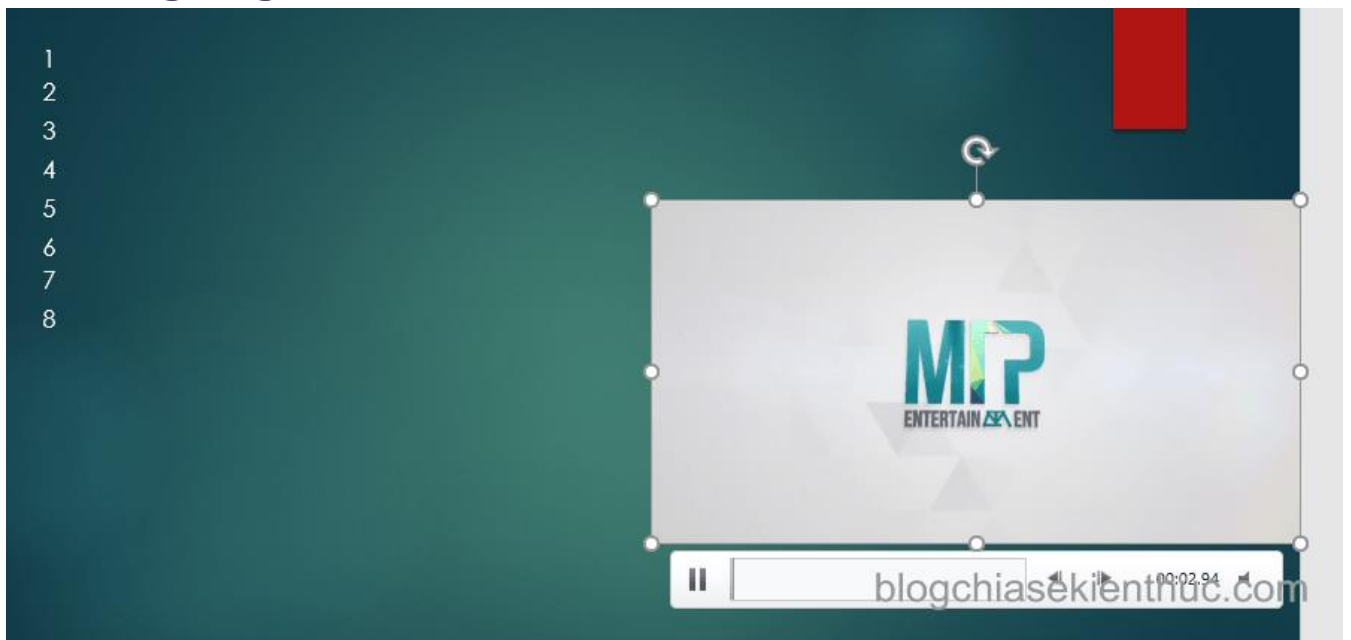
+ **Bước 6:** Thầy cô tiến hành đồng bộ đoạn ghi hình bằng tính năng **Manage Narration** => chọn **Save & Close**



+ **Bước 7:** Vào **Slide Properties** hộp thoại **Slide Properties** xuất hiện. Tại thẻ **Layout** thầy cô chọn tùy chọn **Maximized Video**



### III. Thủ thuật chèn đoạn ghi hình và giữa Slide và đồng bộ với lời giảng



Về mặt lí thuyết mà nói thì chương trình iSpring Suite chưa thể làm được điều này bao gồm cả phiên bản mới nhất.

Tuy nhiên với một chút thủ thuật thì thầy cô hoàn toàn có thể làm được một cách dễ dàng, các bước thực hiện như sau:

**+ Bước 1:** Chọn Slide và thiết lập hiệu ứng xuất hiện cho các đối tượng trong Slide

+ **Bước 2:** Vào **Insert** => chọn **Video** => chọn **Video on My PC...** để chèn đoạn ghi hình vào.

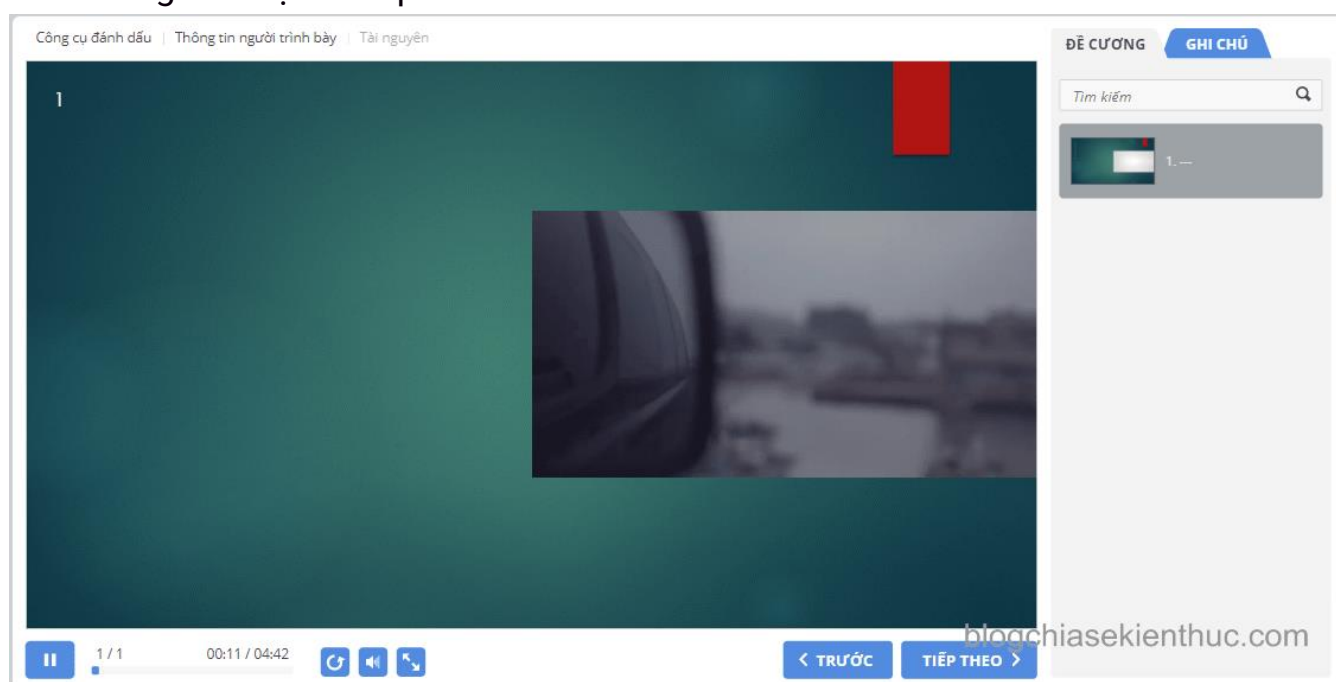
+ **Bước 3:** Tiếp theo, thầy cô vào **Playback**, tại tùy chọn **Volume** thầy cô chọn **Mute** và tại tùy chọn **Start** thầy cô chọn **Automatically**

+ **Bước 4:** Vào **Slide Properties**, tại thẻ **Advance** tùy chỉnh lại thời gian cho phù hợp

+ **Bước 5:** Sau đó, thầy cô vào **iSpring Suite 10** => chọn **Manager Narration** => chọn **Audio** để chèn đoạn ghi âm vào.

Đoạn ghi âm này có được bằng cách chuyển đoạn ghi hình **\*.mp4** thành đoạn ghi âm **\*.mp3** hoặc tách âm thanh ra khỏi đoạn ghi hình.

+ **Bước 6:** Tiến hành đồng bộ đoạn ghi âm bằng tính năng **Manage Narration**. Cuối cùng ta được kết quả như hình bên dưới:



## Thiết lập thuộc tính cho bài tập trắc nghiệm Quiz trong iSpring Suite

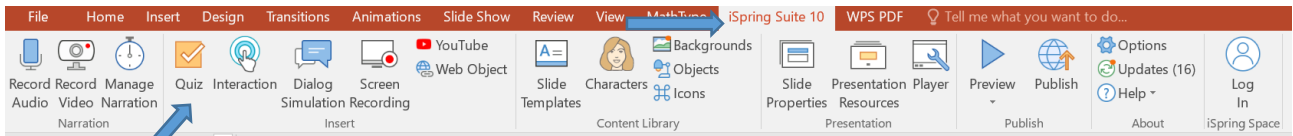
Trước khi bắt đầu tạo một bài tập trắc nghiệm Quiz thì thầy cô cần phải thiết lập thuộc tính cho nó trước. Chủ yếu chúng ta sẽ thiết lập các thuộc tính sau:

- Thông tin phần giới thiệu.
- Thuộc tính cho Quiz.
- Thuộc tính cho Player.

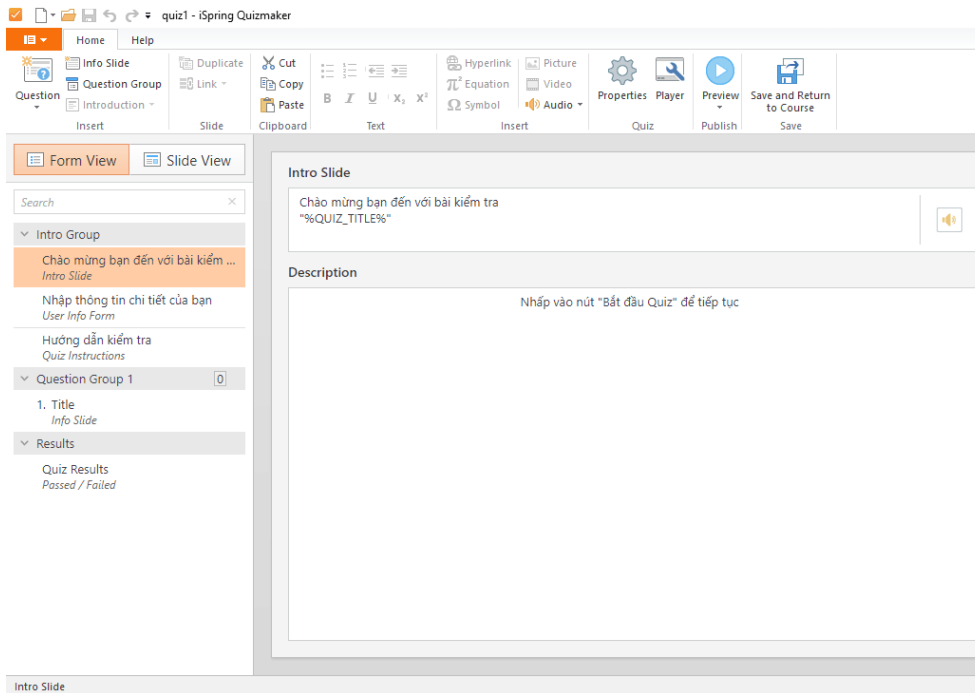
Để thiết lập thuộc tính cho bài tập trắc nghiệm Quiz thầy cô thực hiện như sau:

### Thực hiện:

Đầu tiên vào **iSpring Suite 10** => chọn **quiz**

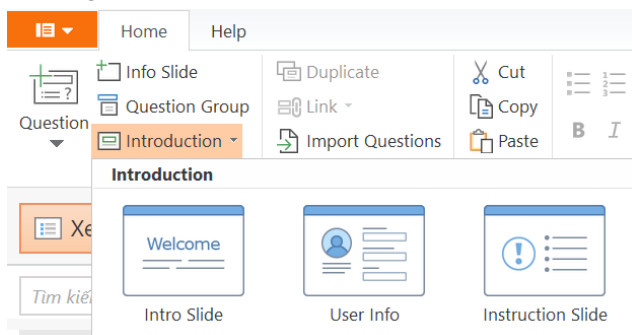


Cửa sổ **iSpring Quizmaker** xuất hiện. Thầy cô tiến hành thiết lập các thuộc tính theo yêu cầu, chi tiết về chức năng và cách thiết lập các thuộc tính được trình bày bên dưới:



## I. Thiết lập thông tin cho phần giới thiệu

Thông tin cho phần giới thiệu được thiết lập thông qua chức năng **Introduction** của **Quiz**. **Introduction** cho phép thầy cô thiết lập ba thông tin cơ bản sau:



- **Intro Slide:** Tức là thông tin về slide chứa bài tập trắc nghiệm **Quiz**.
- **User Info:** Tức là thông tin về người học, ở đây thầy cô có thể yêu cầu người học cung cấp các thông tin như tên, thư điện tử...
- **Instruction Slide:** Cho phép thầy cô hướng dẫn về cách làm bài tập trắc nghiệm.

Bên dưới là demo mẫu thiết lập thông tin của ba phần **Intro Slide**, **User Info**, **Instruction slide** và thầy cô có thể thiết lập như mẫu hoặc tự thiết lập lại theo ý muốn.

# 1. Intro Slide

## Chú ý:

"%QUIZ\_TITLE%" thầy cô giữ nguyên không thay đổi gì hết, thông tin về tên của bài kiểm tra chúng ta sẽ thiết lập trong phần **Properties** và chương trình sẽ tự động cập nhật vào.

### Giới thiệu trang trình bày

Mời bạn thực hiện bài kiểm tra "%QUIZ\_TITLE%"



### Mô tả

Nhấp vào nút "Bắt đầu kiểm tra" để tiếp tục

# 2. User Info

- **Field Name:** Thầy cô có thể viết hoa cho phù hợp, chẳng hạn **Name** thành **Tên** và **Email** thành **Thư điện tử**..
- **Condition:** Có ba tùy chọn là: **Mandatory**, **Optional** và **Don't ask..**
- **Mandatory:** Người học bắt buộc phải cung cấp thông tin, nếu không cung cấp thì không được làm bài kiểm tra..
- **Optional:** Người học có thể không cung cấp nếu không muốn và vẫn có thể làm bài kiểm tra.
- **Don't ask:** Không hỏi thông tin này và thông tin này cũng không xuất hiện trong slide.
- **Field Type:** Kiểu cho trường tương ứng, có ba kiểu là Text, Choice, Email..

### Biểu mẫu thông tin người làm bài

Nhập thông tin cá nhân

### Các trường dữ liệu

Tên trường	Điều kiện	Loại trườ...	Giá trị ban đầu	Biến	
⋮ Họ và tên	Bắt buộc	Văn bản		USER_NAME	×
⋮ Địa chỉ email	Bắt buộc	Địa ch...		USER_EMAIL	×
⋮ Tổ/Lớp/Nhóm	Đừng hỏi	Văn bản		COMPANY	×
⋮ Thuộc Sở	Đừng hỏi	Văn bản		DEPARTMEN	×
⋮ Nghề nghiệp/	Đừng hỏi	Văn bản		JOBTITLE	×
⋮ Điện thoại	Đừng hỏi	Văn bản		PHONE	×
⋮ Địa chỉ	Đừng hỏi	Văn bản		ADDRESS	×

Nhập để thêm trường mới

### 3. Instruction Slide

#### Chú ý:

Cần xem xét là bài kiểm tra có cần các thông tin này không, nếu không cần thiết thì có thể bỏ chọn **Display quiz instructions** hoặc không cần thiết lập các thông tin này cũng được.

Hướng dẫn trả lời câu hỏi

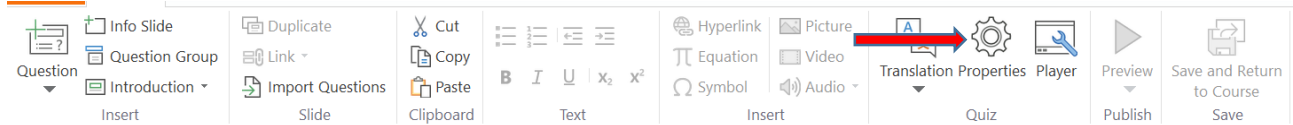
Hướng dẫn trả lời câu hỏi

Mô tả

- Trước khi làm bài, đọc kỹ nội dung câu hỏi.
- Sau đó chọn câu trả lời đúng.
- Nhấp vào "**NỘP BÀI**" để xác nhận câu trả lời của bạn.
- Sử dụng **Danh sách câu hỏi** ở góc trên bên trái để chuyển đến một câu hỏi nhất định.

## II. Thiết lập thuộc tính cho Quiz

Để thiết lập thuộc tính cho Quiz tại cửa số **ispring Quizmaker** thầy cô chọn vào **Properties**.



### 1. Main Properties (Tùy chọn chính)

- **Quiz title:** Tên của bài kiểm tra Quiz.
- **Slide size:** Kích thước của slide và thầy cô nên để như mặc định.

☑ Tùy chọn bài kiểm tra

Tùy chọn chính

Ghi điểm chấm điểm

Tùy chọn câu hỏi

Danh sách câu hỏi

Báo cáo

Kiểm tra các tùy chọn chính

Tên bài kiểm tra và kích cỡ

Tên bài kiểm tra: Tên bài kiểm tra

Kích cỡ trang: Mặc định (720x405)

Rộng: 720

Cao: 405

Giữ tỷ lệ khung hình

Thời gian trả lời

Thời gian để hoàn thành bài kiểm tra: 60:00 mm:ss

Lưu Hủy

## 2. Quiz Scoring (Ghi điểm chấm điểm)

- **Scoring in:** Ghi ở dạng *phần trăm* hoặc *điểm* nếu chọn **Percent** là ghi ở dạng phần trăm ngược lại là ở dạng điểm.
- **Passing score:** Số phần trăm hoặc số điểm sẽ vượt qua.

Tùy chọn bài kiểm tra

Tùy chọn chính

Ghi điểm chấm điểm

Tùy chọn câu hỏi

Danh sách câu hỏi

Báo cáo

Tùy chọn chấm điểm

**Kiểu chấm điểm**

Chấm điểm

Không chấm điểm

**Điều kiện vượt qua bài kiểm tra**

Định dạng kiểu điểm:

Điểm tối thiểu vượt qua bài kiểm tra:  %

Lưu Hủy

## 3. Question Properties (Tùy chọn câu hỏi)

Tùy chọn bài kiểm tra

Tùy chọn chính

Ghi điểm chấm điểm

Tùy chọn câu hỏi

Danh sách câu hỏi

Báo cáo

**Điểm**

Điểm cộng:

Điểm trừ:

Giảm điểm cho câu hỏi sau mỗi lần làm lại:

Trừ điểm cho các câu hỏi chưa được trả lời

**Hạn chế**

Số lần làm bài:

Thời gian trả lời:  mm:ss

Trộn câu trả lời

Cho phép trả lời một phần. Đếm vị trí trả lời đúng và nhận %điểm từ câu hỏi

Cho phép bỏ qua các câu hỏi khảo sát

**Phản hồi**

Hiển thị phản hồi cho câu hỏi trắc nghiệm

Hiển thị phản hồi cho câu hỏi khảo sát

Đúng:

Không đúng:

Một phần sai:

Làm lại:

Đã trả lời:

Áp dụng cho tất cả...

Lưu Hủy

- **Points for a correct answer:** Điểm cho một câu trả lời đúng.
- **Penalty for an incorrect answer:** Điểm trừ cho một câu trả lời không chính xác.
- **Number of attempts:** Số lần làm bài.
- **Limit time to answer the question:** Thời gian để làm bài. *Chú ý: Nếu thầy cô chọn vào `Limit time to answer` thì `Number of attempts` sẽ bị vô hiệu*
- **Correct, Incorrect và Try again:** Các thông báo tại các mục này có thể việt hóa lại như ảnh trên.

## 4. Question List (Danh sách câu hỏi)

Tùy chọn bài kiểm tra
×

Tùy chọn chính

Ghi điểm chấm điểm

Tùy chọn câu hỏi

Danh sách câu hỏi

Báo cáo

Thiết lập hiển thị danh sách câu hỏi

**Kiểu trình bày các câu hỏi trong bài kiểm tra**

Câu hỏi từ tất cả các nhóm trong bài kiểm tra

Hạn chế câu hỏi từ một số nhóm ngẫu nhiên:

Câu hỏi từ các nhóm được chọn:

Tên nhóm	Lựa chọn ngẫu nhiên	Số câu hỏi
<input checked="" type="checkbox"/> Nhóm câu hỏi 1	<input type="checkbox"/>	0

Trộn các câu hỏi từ các nhóm được chọn

Lưu
Hủy

*Shuffle questions in the quiz:* Nếu được chọn thì thứ tự của các câu hỏi sẽ hiển thị một cách ngẫu nhiên.

## 5. Reporting (Báo cáo)

👍 Tùy chọn bài kiểm tra
✕

Tùy chọn chính

Ghi điểm chấm điểm

Tùy chọn câu hỏi

Danh sách câu hỏi

Báo cáo

Báo cáo kết quả kiểm tra

**Gửi kết quả bài kiểm tra đến email**

Gửi kết quả bài kiểm tra qua email:

Điều kiện gửi khi bài kiểm tra:  ▾

Gồm câu trả lời của người làm bài

Gửi kết quả bài kiểm tra tới email người làm bài

Gửi bao gồm:

Câu trả lời của người làm bài

Câu trả lời đúng

Phản hồi

> Tiêu đề báo cáo

**Khác**

Gửi kết quả bài kiểm tra đến máy chủ:

(?) [Tìm hiểu thêm về gửi kết quả tới máy chủ](#)

Thực thi JavaScript

Nếu thầy cô muốn biết điểm của học sinh sau khi học sinh làm xong bài tập trắc nghiệm Quiz thì thầy cô hãy chọn và thiết lập các tùy chọn như sau

### 5.1. Send quiz results to email

- **Send report to instructor:** Gửi kết quả của bài tập trắc nghiệm, thầy cô hãy nhập email của mình vào.
- **Send when quiz is:** Gửi khi kết quả là.
- **Passed or Failed:** Gửi tất cả.
- **Passed:** Chỉ gửi những bài kiểm tra có kết quả là “đạt”.
- **Failed:** Chỉ gửi những bài kiểm tra có kết quả là “chưa đạt”.
- **Include user’s answers in the report:** Nếu được chọn thì sẽ gửi luôn phần trả lời cho từng câu hỏi của người học.
- **Send report to user’s email:** Gửi kết quả làm cho người học.

### 5.2. Report title

- **From:** Ở đây thầy cô có thể nhập tên của thầy cô.
- **Subject:** Ở đây thầy cô có thể nhập kết quả bài kiểm tra.

### Chú ý chỉ thay đổi Quiz results

- **Comment:** Thầy cô có thể viết hóa lại hoặc tự nhập lại theo ý của mình miễn sao hợp lí là được.

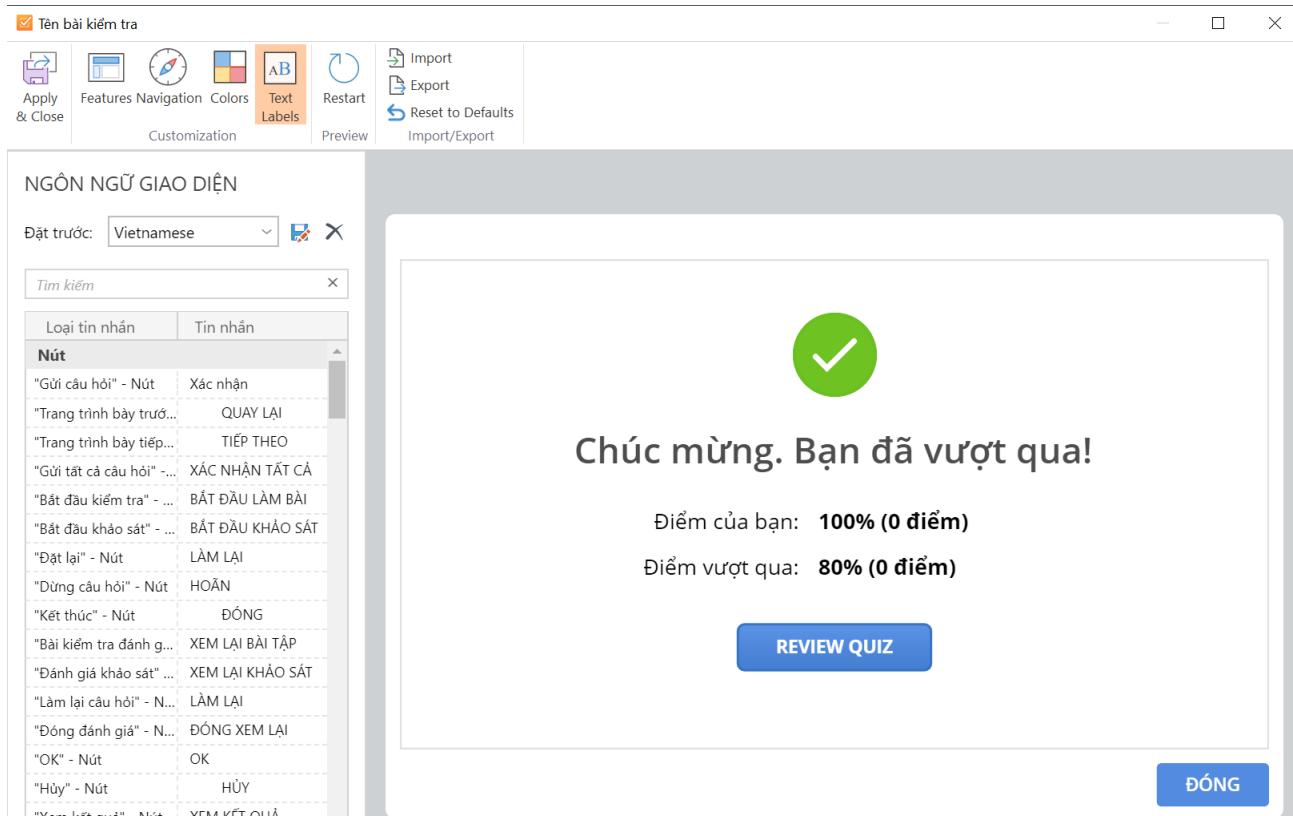
### III. Thiết lập trong Player

Tương tự như trong **Properties** trong phần **Player** cũng có khá nhiều tùy chọn khác nhau.

Trong phạm vi của bài chỉ hướng dẫn các thầy cô mục **Text Labels** các mục còn lại có thể tự tìm hiểu thêm.



Với **Text Labels** thầy cô có thể việt hóa lại như hình bên dưới



#### Chú ý:

- Nghĩa của từ được việt hóa phải phù hợp với ngữ cảnh
- Không việt hóa các cụm trong dấu % chẳng hạn **%USER\_POINTS%**
- Không có dấu khoảng cách, chẳng hạn như thế này **%USER\_POINTS%** chứ không phải là thế này **% USER\_POINTS %**

# Tạo bài tập trắc nghiệm Quiz bằng phần mềm iSpring Suite

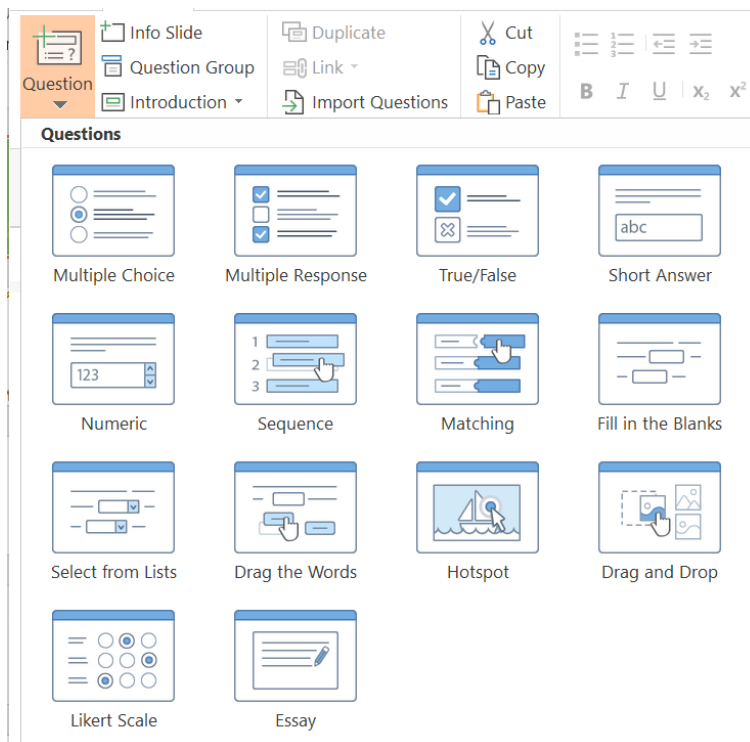
Chương trình iSpring Suite 10 hỗ trợ cho chúng rất nhiều dạng bài tập khác nhau và việc sử dụng dạng bài tập nào phụ thuộc vào tình huống cụ thể, ý tưởng của người soạn thảo.

## Chú ý:

Cần phải thiết lập các thuộc tính cho bài tập trắc nghiệm Quiz trước khi bắt đầu tạo nhé.

## I. Hệ thống các dạng bài tập trắc nghiệm

Chương trình iSpring Suite cung cấp cho chúng ta rất nhiều dạng bài tập trắc nghiệm khác nhau. Tổng cộng có tất cả 14 dạng bài tập, chi tiết được liệt kê bên dưới:



1. **Multiple Choice:** Là dạng bài tập chọn một đáp án đúng, loại bài tập này có nhiều lựa chọn để trả lời nhưng chỉ có một đáp án là câu trả lời đúng nhất.
2. **Multiple Response:** Là dạng bài tập chọn nhiều đáp án đúng, loại bài tập này có nhiều lựa chọn để trả lời và cũng có nhiều đáp án đúng.
3. **True/False:** Là dạng bài tập đúng sai, đối loại bài tập này người học cần lựa chọn một trong hai phương án là đúng hoặc sai.
4. **Short Answer:** Là dạng bài tập trả lời ngắn, loại bài tập này cho phép người soạn thảo soạn ra một hoặc nhiều câu trả lời có thể chấp nhận

được và người học có thể trả lời bằng cách nhập câu trả lời ngắn gọn của mình vào.

5. **Numeric:** Là dạng bài tập số học, loại bài tập này thiên về toán học, điền số và dấu,...
6. **Sequence:** Là bài tập sắp xếp theo trình tự, loại bài tập này yêu cầu người học sắp xếp phương án, đối tượng theo trình tự trước sau.
7. **Matching:** Là dạng bài tập ghép đôi, loại bài tập này người học cần kéo ghép phương án trả lời ở cột trái với cột bên phải tương ứng.
8. **Fill in the Blanks:** Là dạng bài tập điền khuyết, loại bài tập này câu hỏi mang nội dung điền khuyết vào chỗ trống và người học sẽ hoàn thành loại bài tập này bằng cách nhập đáp án trả lời vào ô trống.
9. **Select from Lists:** Là dạng bài tập lựa chọn phương án, loại bài tập này có nhiều lựa chọn để trả lời nhưng chỉ có một đáp án là câu trả lời đúng nhất và đặc biệt ở dạng bài tập này danh sách đáp án sẽ có dạng thả xuống.
10. **Drag the Words:** Là dạng bài tập kéo thả từ, loại bài tập này người học sẽ chọn phương án có sẵn bên dưới và kéo thả vào chỗ trống sao cho đúng nhất.
11. **Hotspot:** Là dạng bài tập xác định điểm nóng, loại bài tập này các câu hỏi xác định vị trí trên hình ảnh. Với bài tập này người soạn thảo sẽ xác định trước vị trí đúng, người học chỉ cần nhấn chọn đúng vị trí đã thiết lập là hoàn thành bài tập.
12. **Drag and Drop:** Là dạng bài tập kéo và thả, loại bài tập này yêu cầu người học kéo hình ảnh hoặc hình dạng và thả vào vị trí thích hợp.
13. **Likert Scale:** Người học được yêu cầu cho biết mức độ đồng ý hoặc không đồng ý với các câu đã cho
14. **Essay:** Người học cần viết một văn bản tự do.

## II. Tạo các dạng bài tập trắc nghiệm

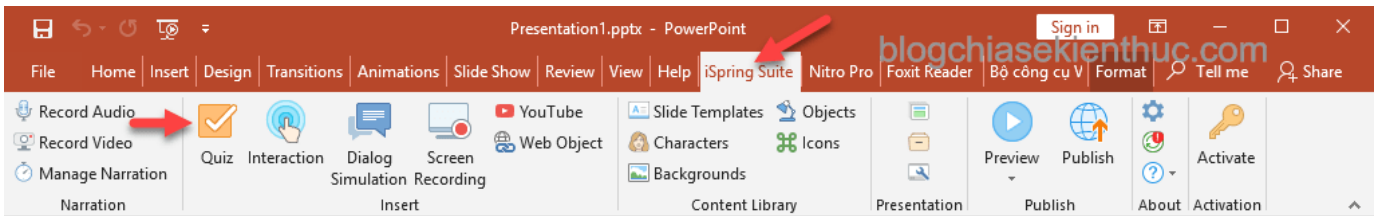
### Chú ý:

Thầy cô cần lưu tệp tin PowerPoint trước khi thực hiện các thao tác với iSpring Suite, chẳng hạn như ghi âm, ghi hình, tạo bài tập trắc nghiệm,...

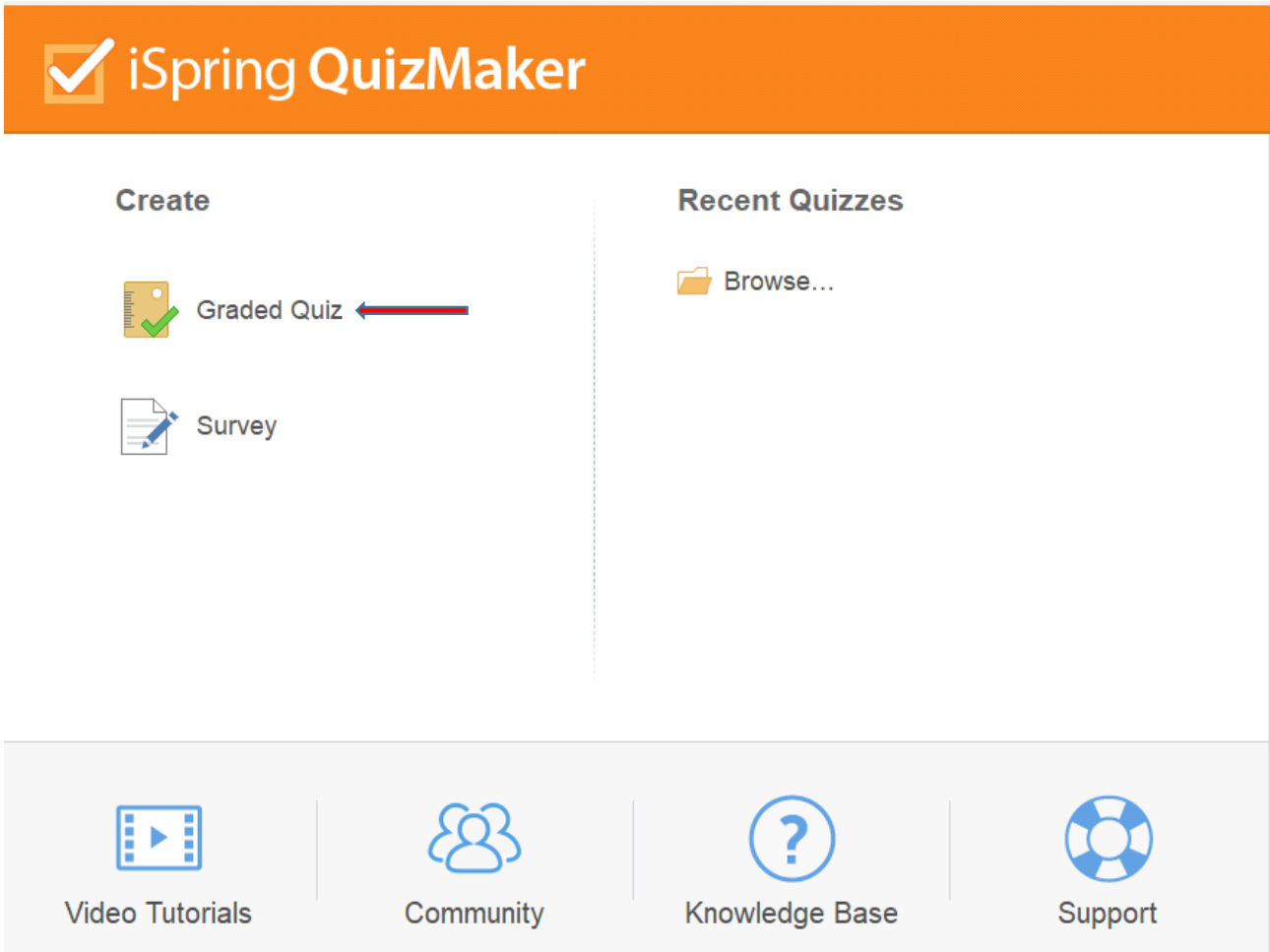
Phạm vi của bài viết này chỉ hướng dẫn chi tiết cho thầy cô 4 loại bài tập được sử dụng nhiều nhất, đó là bài tập trắc nghiệm dạng đúng sai, đa lựa chọn, ghép đôi, sắp xếp theo trình tự. Các dạng bài tập khác cũng thực hiện tương tự.

### 1. Cách tạo bài tập trắc nghiệm True/ False

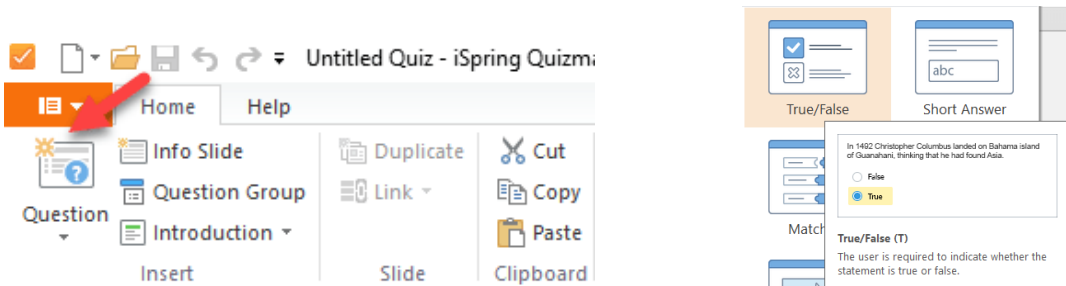
+ **Bước 1:** Chọn thẻ `ispring suite 10` => chọn tiếp `Quiz`



+ **Bước 2:** Chọn tiếp **Graded Quiz**.



+ **Bước 3:** Chọn **Question** => và chọn **True/ False**



+ **Bước 4:** Hộp thoại **True/ False question** xuất hiện với giao diện như hình bên dưới:

### Câu hỏi dạng Đúng - Sai

Nhập nội dung câu hỏi lệnh đúng - sai



### Phần trả lời câu hỏi

Đúng	Danh sách các mục
<input checked="" type="radio"/>	Đúng
<input type="radio"/>	Sai

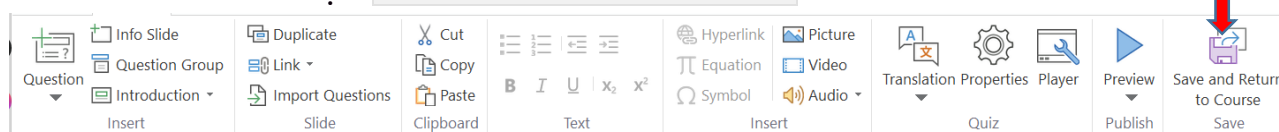
### Phản hồi và rẽ nhánh

	Phản hồi	Rẽ nhánh	Điểm
Đúng:	Đúng rồi! Bạn chọn câu trả lời chính xác.	→	10
Không đúng:	Sai rồi! Bạn cần cố gắng nhiều hơn nhé.	→	0

- **Choose whether the statement is true or false:** Nhập câu hỏi vào thường đối với dạng bài tập này một mệnh đề.
- **True** dịch thành chữ **Đúng**
- **False** dịch thành chữ **Sai**
- **That's right! You selected the correct response** dịch thành chữ **Đúng rồi! Thầy cô đã chọn câu trả lời chính xác**
- **You did not select the correct response** thầy cô dịch thành chữ **Sai rồi! Thầy cô đã chọn câu trả lời chưa chính xác**

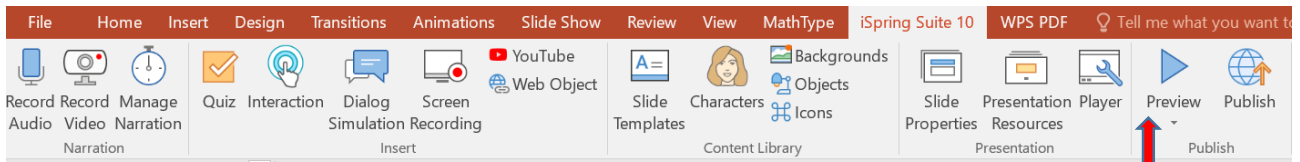


- Ngoài ra, có thể chọn vào biểu tượng tương ứng để chèn hình, chèn phim và chèn âm thanh. Nếu muốn xem trước kết quả thì hãy chọn vào **slide view**.
- **+ Bước 5:** Chọn **Save and Return to Course**



### Chú ý:

- Thầy cô không thể thực hiện bài tập này bằng cách trình chiếu PowerPoint được, muốn thực hiện bài tập thì thầy cô phải chọn vào **Preview** trên thanh công cụ của chương trình **iSpring Suite** nhé.



## 2. Cách tạo bài tập trắc nghiệm Multiple Choice

+ **Bước 1:** Vào **Question** => chọn **Multiple Choice**

+ **Bước 2:** Tiến hành soạn thảo bài tập, xem ảnh demo bên dưới.

*Chú ý để thêm phương án trả lời thầy cô nháy chuột tại dòng **Type to add new choice** rồi nhập thêm phương án khác*

**Dạng câu hỏi chọn một đáp án**

1+0 =

**Phần trả lời câu hỏi**

Đúng	Danh sách các mục	
<input checked="" type="radio"/>	1	×
<input type="radio"/>	0	×
<input type="radio"/>	-1	×
<i>Nhập để thêm phương án mới</i>		

**Phản hồi và rẽ nhánh**

	Phản hồi	Rẽ nhánh	Điểm
Đúng:	Đúng rồi! Bạn chọn câu trả lời chính xác. <input type="text" value="..."/>	→	10
Không đúng:	Sai rồi! Bạn cần cố gắng nhiều hơn nhé. <input type="text" value="..."/>	→	0

## 3. Tạo bài tập Matching

+ **Bước 1:** Vào **Question** => chọn **Matching**.

+ **Bước 2:** Tiến hành soạn thảo bài tập, xem ảnh demo bên dưới.

### Câu hỏi dạng ghép từng đôi một

Ghép nội dung ở cột 1 và cột 2 để được câu hoàn thiện.



### Nội dung và kết quả ghép nối đúng

Cột 1	Cột 2	
⋮ Nội dung câu 1	Nội dung ghép 1	×
⋮ Nội dung câu 2	Nội dung ghép 2	×
⋮ Nội dung câu 3	Nội dung ghép 3	×

▼ Bổ sung phương án ghép nối nhiều

Nhập để thêm nội dung ghép mới

### Phản hồi và rẽ nhánh

	Phản hồi		Rẽ nhánh	Điểm
Đúng:	Đúng rồi! Bạn chọn câu trả lời chính xác.	⋮	→	10
Không đúng:	Sai rồi! Bạn cần cố gắng nhiều hơn nhé.	⋮	→	0

## 4. Tạo bài tập Sequence

+ **Bước 1:** Vào **Question** => chọn **Sequence**.

+ **Bước 2:** Tiến hành soạn thảo bài tập, xem ảnh Demo bên dưới.

### Câu hỏi dạng sắp xếp trình tự

Bằng cách kéo thả chuột để sắp xếp các mục sau đây theo thứ tự đúng để trả lời câu hỏi.



### Câu trả lời theo trình tự đúng

Danh sách các mục	
⋮ Nội dung trả lời 1	×
⋮ Nội dung trả lời 2	×
⋮ Nội dung trả lời 3	×
⋮ Nội dung trả lời 4	×

Nhập để thêm phương án mới

### Phản hồi và rẽ nhánh

	Phản hồi		Rẽ nhánh	Điểm
Đúng:	Đúng rồi! Bạn chọn câu trả lời chính xác.	⋮	→	10
Không đúng:	Sai rồi! Bạn cần cố gắng nhiều hơn nhé.	⋮	→	0

Trong một bài tập trắc nghiệm thầy cô có thể chèn nhiều câu hỏi với nhiều dạng trắc nghiệm khác nhau.

Cách thực hiện như sau rất đơn giản sau khi soạn xong câu thứ nhất thì thầy cô lại vào **Question** => chọn kiểu bài tập mà thầy cô cần sau đó soạn câu hỏi và câu trả lời là xong ta được câu thứ hai, câu thứ ba, thứ tư,.....

## Định dạng bài tập trắc nghiệm Quiz có trong iSpring Suite

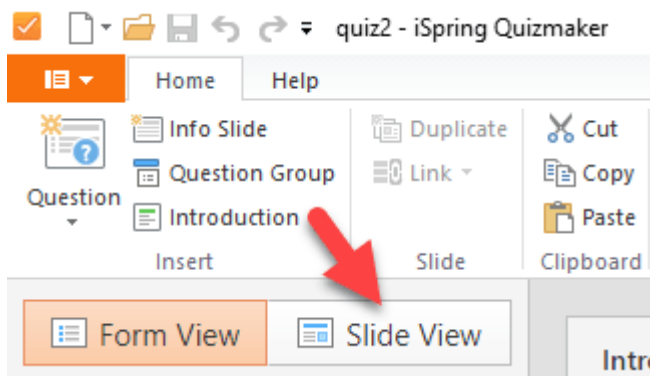
Bài viết này mình sẽ hướng dẫn thầy cô **cách để định dạng bài tập trắc nghiệm Quiz** để nó đẹp hơn và sinh động hơn.

### Chú ý:

Muốn định dạng slide nào thì thầy cô hãy chọn slide đó trước thầy cô nhé.

### I. Định dạng slide Intro Slide

Để bắt đầu định dạng cho slide **Intro slide** hoặc bất kì một slide nào thì thầy cô đều phải chọn chế độ hiển thị là **Slide view** (Dạng trang) trước.



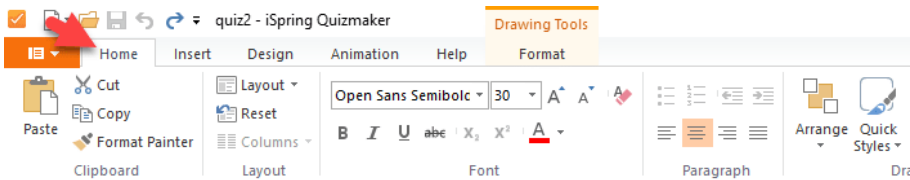
**+ Bước 1:** Viết hóa tất cả các văn bản có trong slide nếu nó chưa được Việt hóa.

Chào mừng em đến với bài tập  
"%QUIZ\_TITLE%"

Nhập vào nút "Bài đầu Quiz" để bắt đầu làm bài

**+ Bước 2:** Thẻ **Home** cho phép thầy cô định dạng lại văn bản theo ý muốn và thầy cô có thể định dạng lại:

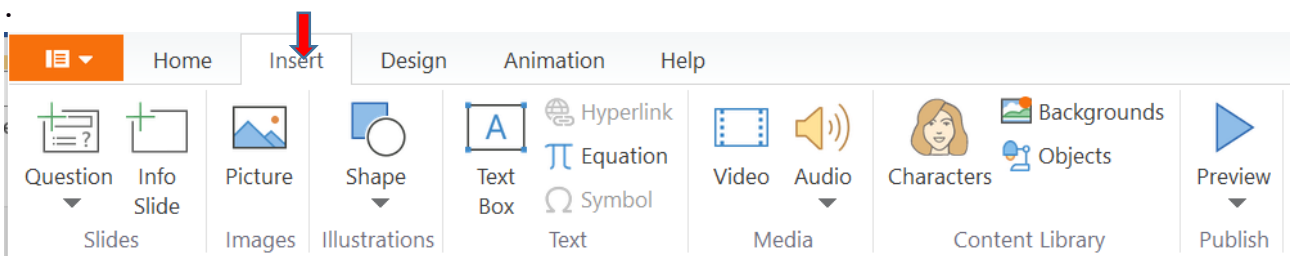
- [Phông chữ](#)
- Cỡ chữ
- Kiểu chữ
- Màu chữ...



Cách định dạng tương tự như trong chương trình Microsoft PowerPoint

+ **Bước 3:** Thẻ **Insert** cho phép thầy cô chèn vào bài kiểm tra trắc nghiệm **quiz** các đối tượng như sau:

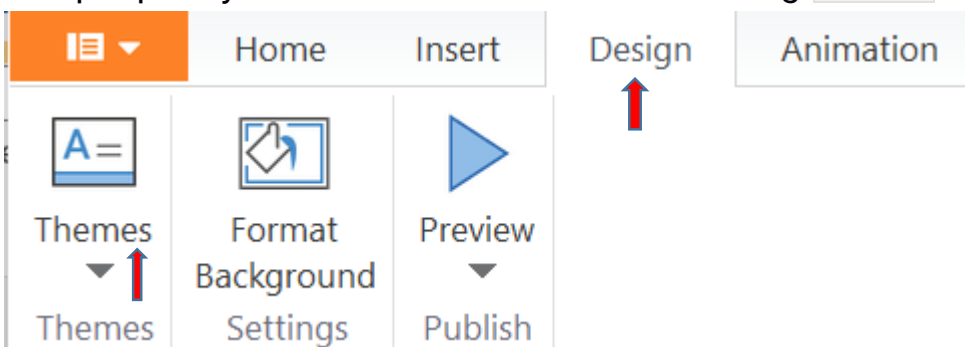
- Question
- Info Slide
- Picture
- Shape...

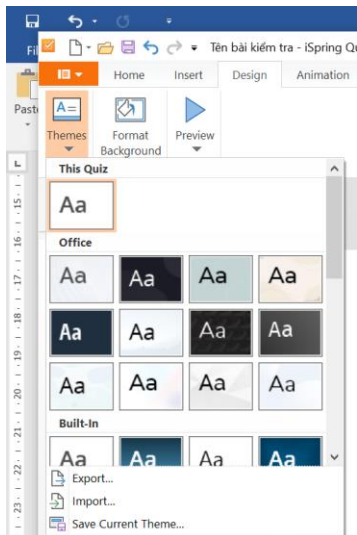


Chẳng hạn thầy cô có thể chèn hình và định dạng như ảnh bên dưới.



+ **Bước 4:** Thẻ **Design** cho phép chọn **Themes**, định dạng lại nền cho slide và cho phép thầy cô xem trước slide với chức năng **Preview**.





Để chọn Themes cho slide thầy cô chỉ cần chọn vào Themes rồi chọn mẫu themes cần là được hoặc có thể tự thiết kế bằng cách chọn vào Format Background.

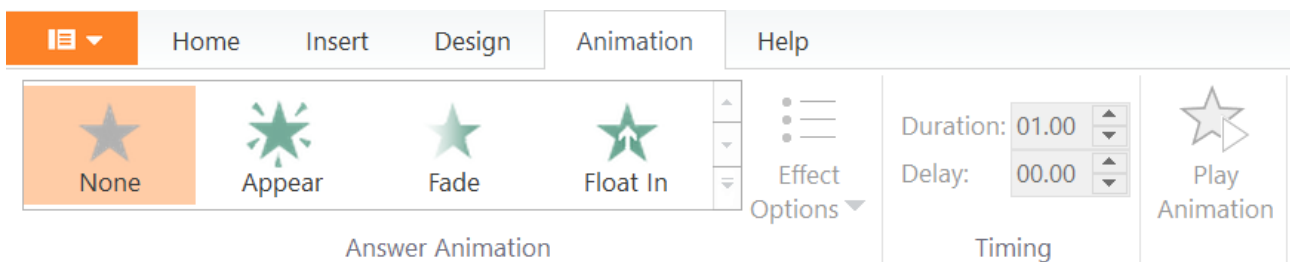
Chẳng hạn hình bên dưới là mẫu themes Corner Light Blue Abstract.



## II. Định dạng slide Multiple Choice

+ **Bước 1:** Thực hiện lại các bước như trong phần định dạng cho Intro slide.

+ **Bước 2:** Thẻ Animation thầy cô thiết lập hiệu ứng cho các đối tượng trong slide.



+ **Bước 3:** Chọn Correct Feedback để định dạng cho phần thông báo sau khi hoàn thành mỗi câu hỏi. Ở đây là thông báo khi học sinh trả lời “đúng”.

+ **Bước 4:** Chọn Incorrect Feedback để định dạng cho phần thông báo sau khi hoàn thành mỗi câu hỏi. Ở đây là thông báo khi học sinh trả lời “sai”

### III. Định dạng slide Multiple Response

Thực ra về bản chất mà nói thì đây cũng là một slide trong nhóm **Question Group** mà thôi vì vậy thầy cô cứ thực hiện tương tự như là định dạng cho slide **Multiple Choice**.

#### Chú ý:

Từ giờ về sau miễn là các slide nằm trong **Question Group** thì thầy cô cứ định dạng như vậy cho dù có bao nhiêu slide cũng như vậy thôi, về bản chất không có gì khác hết.

### IV. Định dạng slide Passed/ Failed

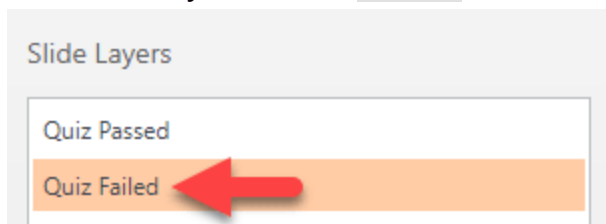
Trước khi bắt đầu định dạng xin nói sơ qua về **Passed/ Failed**

- **Passed:** Là phần thông báo sau khi học sinh hoàn thành các câu hỏi trong bài tập và kết quả là “**đạt**”
- **Failed:** Là phần thông báo sau khi học sinh hoàn thành các câu hỏi trong bài tập và kết quả là “**chưa đạt**”

Đầu tiên thầy cô chọn **Passed** rồi tiến hành định dạng tương tự như định dạng cho phần **Intro Slide**.

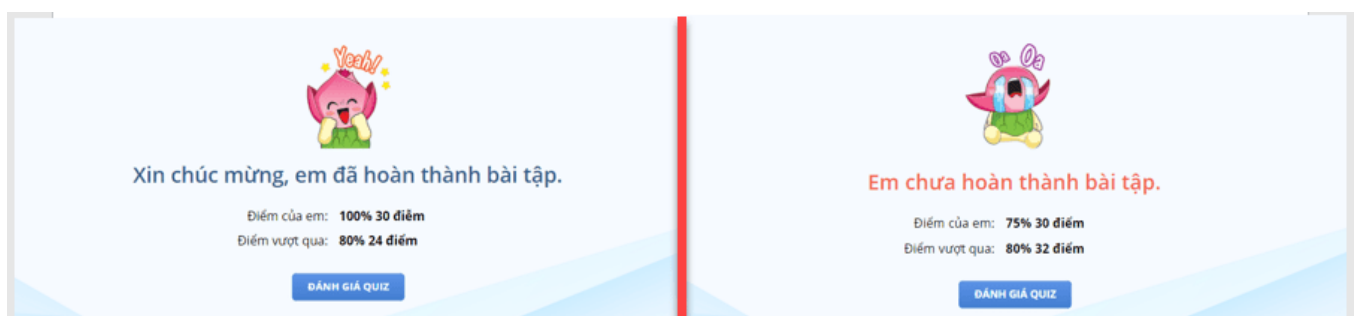


Sau đó thầy cô chọn **Failed** rồi tiến hành định dạng tương tự như trên.



Thầy có thể xem ảnh đã định dạng bên dưới để tham khảo thêm. Định dạng như thế nào không quan trọng mà quan trọng là sau khi định dạng slide có giao diện thân thiện với học sinh là được.

Còn về phần hình minh họa thì thầy cô nên chọn hình có định dạng nền rộng **\*.png** (nền trong suốt) để thuận tiện cho việc định dạng nha các thầy cô.



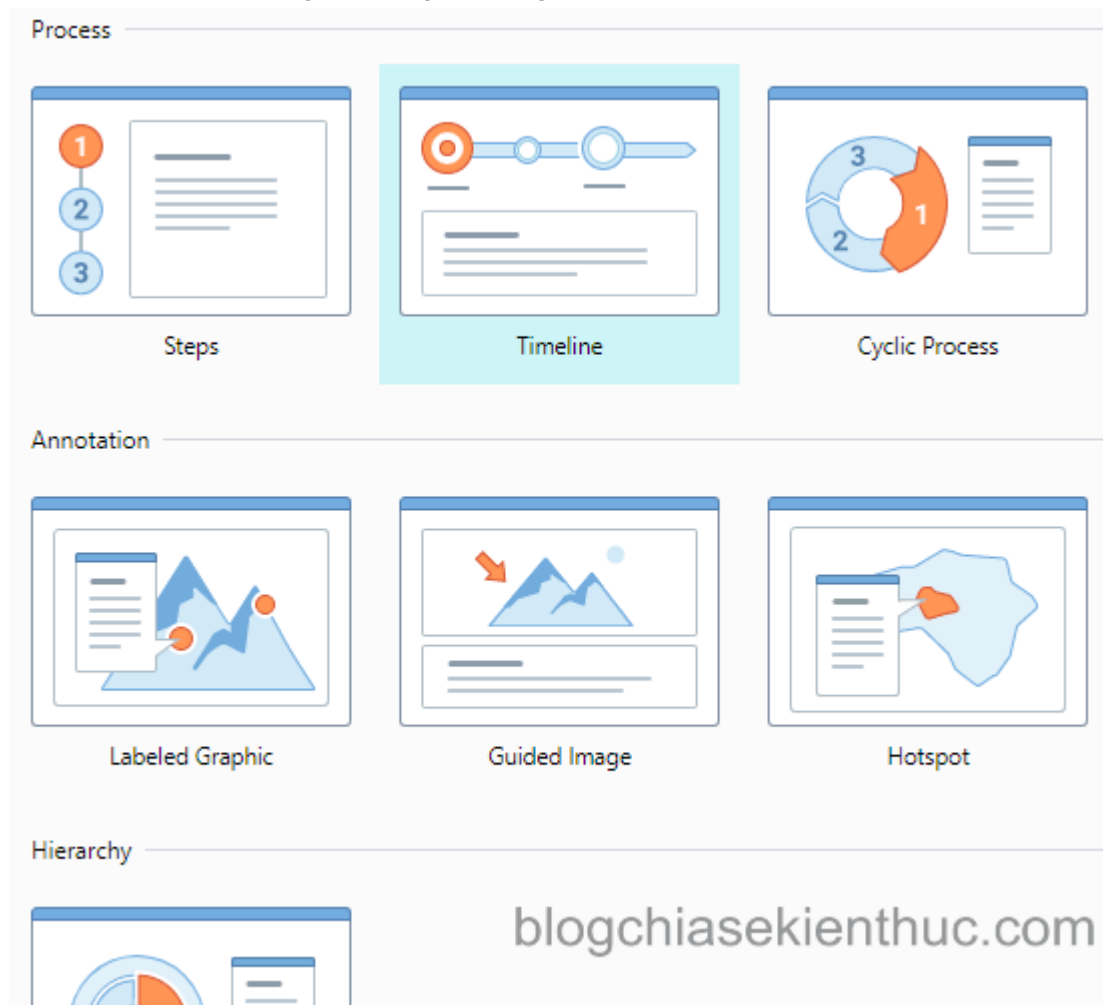
# Cách tạo bài tập tương tác Interaction bằng iSpring Suite

Ngoài dạng [bài tập trắc nghiệm Quiz](#) ra thì chương trình iSpring Suite còn cung cấp một dạng bài tập khác nữa đó là **bài tập tương tác Interaction**. Ở trong bài viết này sẽ hướng dẫn các thầy cô các bước để tạo ra một bài tương tác cơ bản. Còn về việc nó có hay có hấp dẫn sinh động hay không là phải xem ở ý tưởng và cách thiết kế của thầy cô.

## I. Các dạng bài tập tương tác trong iSpring Suite

Ở phiên bản hiện tại thì iSpring Suite cung cấp cho chúng ta tất cả 12 dạng bài tập tương tác. Tùy thuộc vào yêu cầu cụ thể mà thầy cô sẽ lựa chọn dạng bài tập tương tác sau cho phù hợp.

Chi tiết về 12 dạng bài tập tương tác được liệt kê bên dưới.



- **Steps:** Tạo các hướng dẫn từng bước từng bước một và thầy cô có thể thêm các hình minh họa hoặc đoạn phim nếu muốn.

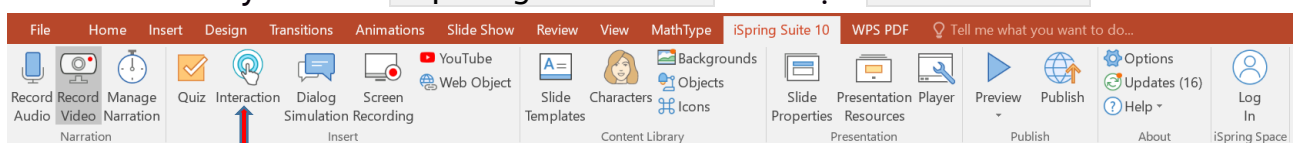
- **Timeline:** Cho phép hiển thị một cách trực quan các sự kiện theo thứ tự thời gian. Một khoảng thời gian lớn có thể được chia thành các giai đoạn nhỏ bao gồm các sự kiện liên quan.
- **Cyclic Process:** Cho phép thầy cô tạo ra một sơ đồ tuần hoàn và kèm theo đó là các mô tả chi tiết.
- **Labeled Graphic:** Cho phép thầy cô thêm chú thích vào các đối tượng trong một bức ảnh, bản đồ hoặc sơ đồ và thầy cô có thể đặt thêm tên, thêm nhận xét cho từng đối tượng.
- **Guided Image:** Cho phép thầy cô làm nổi bật các đối tượng trong một bức ảnh và thêm mô tả chi tiết cho các đối tượng này.
- **Hotspot:** Cho phép thầy cô vẽ các điểm lên hình có sẵn và điểm đó sẽ được tô sáng khi thầy cô di chuột qua nó. Thầy cô có thể thêm mô tả cho mỗi vùng, chọn hình dạng và màu sắc theo ý muốn.
- **Circle Diagram:** Cho phép xây dựng mối quan hệ giữa các đối tượng và các khái niệm trong một sơ đồ hình tròn. Thầy cô có thể chia một sơ đồ thành các lớp, phân đoạn và chọn các màu khác nhau cho từng loại.
- **Glossary:** Cho phép thầy cô tạo ra một bảng thuật ngữ hoặc hướng dẫn hoặc danh mục.
- **Media Catalog:** Cho phép thầy cô tạo các danh mục để người học có thể nhanh chóng tìm thấy các thông tin cần thiết. Mỗi thẻ bao gồm một lời giải thích rõ ràng và các ví dụ minh họa.
- **FAQ:** Cho phép thầy cô tạo ra danh sách các câu hỏi thường gặp và câu trả lời cho một chủ đề cụ thể nào đó.
- **Accordion:** Cho phép thầy cô trình bày thông tin một cách bắt mắt dưới dạng accordion và thầy cô có thể dễ dàng chèn thông tin bên trong các bảng được thiết kế theo kiểu accordion.
- **Tabs:** Cho phép thầy cô trình bày thông tin dưới dạng Tab

## II. Các bước tạo một bài tập tương tác với iSpring Suite


Trong phạm vi của bài viết này chỉ hướng dẫn các thầy cô chi tiết các bước để tạo dạng bài tập tương tác **Steps**.

Các dạng bài tập khác thầy cô có thể tự tìm hiểu được vì bản chất các bước thực hiện cũng không có nhiều sự khác biệt.


+ **Bước 1:** Thầy cô vào **iSpring Suite 10** => chọn **Interaction**.



## Create

 New Interaction

## Recent Interactions

 Browse...

Video Tutorials



Community



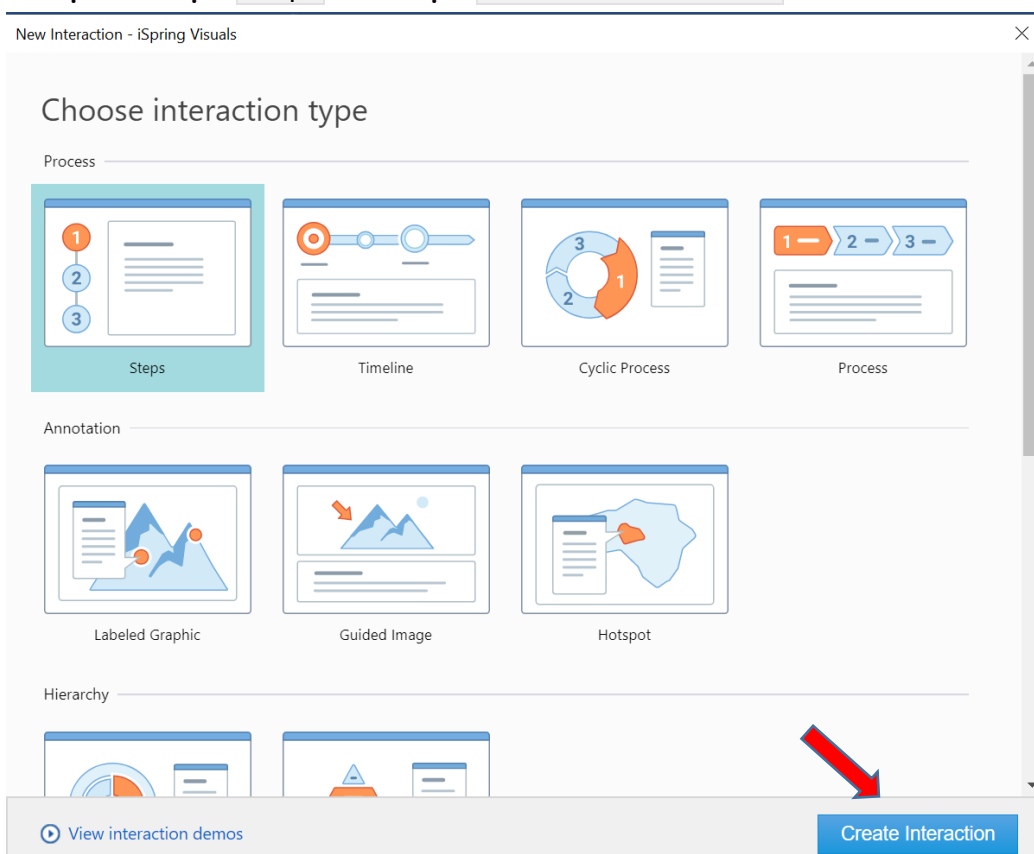
Knowledge Base



Support

+ **Bước 2:** Hộp thoại iSpring Visuals xuất hiện thầy cô chọn New Interaction.

+ **Bước 3:** Chọn kiểu bài tập tương tác mà thầy cô muốn tạo, trong bài viết này ví dụ sẽ chọn steps => chọn create Interaction.

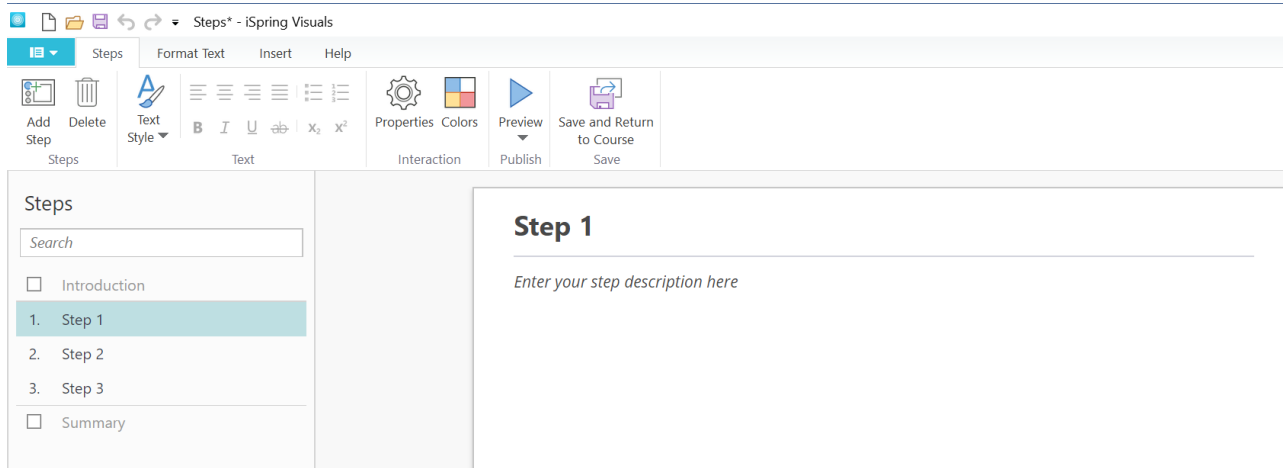


+ **Bước 4:** Nhập nội dung của bài tập tương tác (nhập các bước và nội dung từng bước).

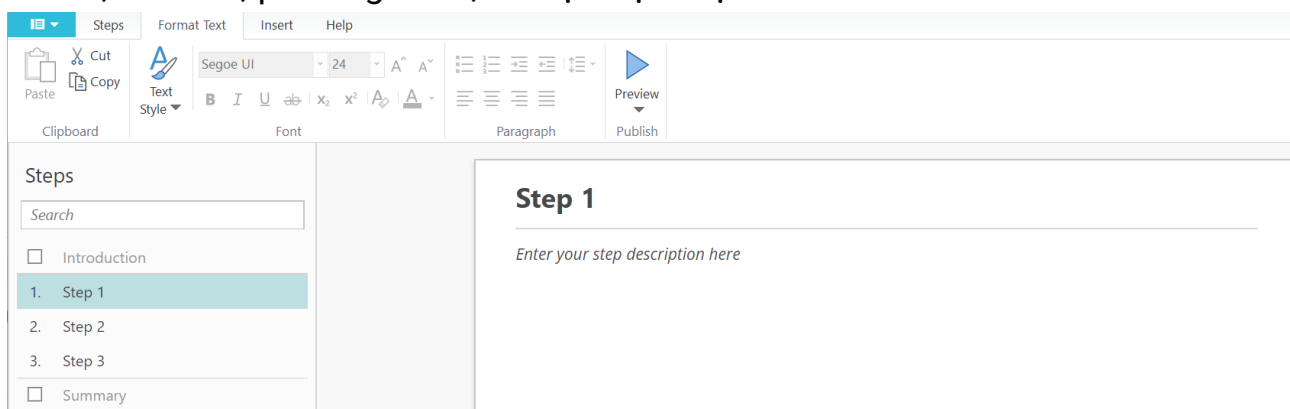
Sau khi nhập xong thầy cô có thể thêm bước, định dạng lại phông chữ, cỡ chữ, kiểu chữ, màu chữ, canh lề... Ý nghĩa của các thực đơn và các nút chức năng được trình bày ngay bên dưới.

- **Add Step:** Để thêm bước..

- **Properties:** Để tùy chỉnh lại các thuộc tính như Size, Colors, Text Labels...
- **Preview xem:** Trước bài tập tương tác.



Ngoài ra thầy cô có thể vào thực đơn **Format Text** để định dạng lại kí tự và đoạn văn bản hoặc vào **Insert** để chèn hình ảnh, đoạn phim, đoạn âm thanh, liên kết, phương trình, kí hiệu đặc biệt...



**+ Bước 5:** Chọn **Save and Return to Course**

Đến đây xem như thầy cô đã tạo thành công một bài tập tương tác.

### III. Khắc phục lỗi treo chương trình PowerPoint và iSpring Suite khi sử dụng Interaction

Trong khi chờ iSpring khắc phục lỗi treo chương trình PowerPoint khi sử dụng chức năng **Interaction** của iSpring Suite 9 thì thầy cô có thể làm theo tuần tự các bước bên dưới để khắc phục.

**+ Bước 1:** Truy cập

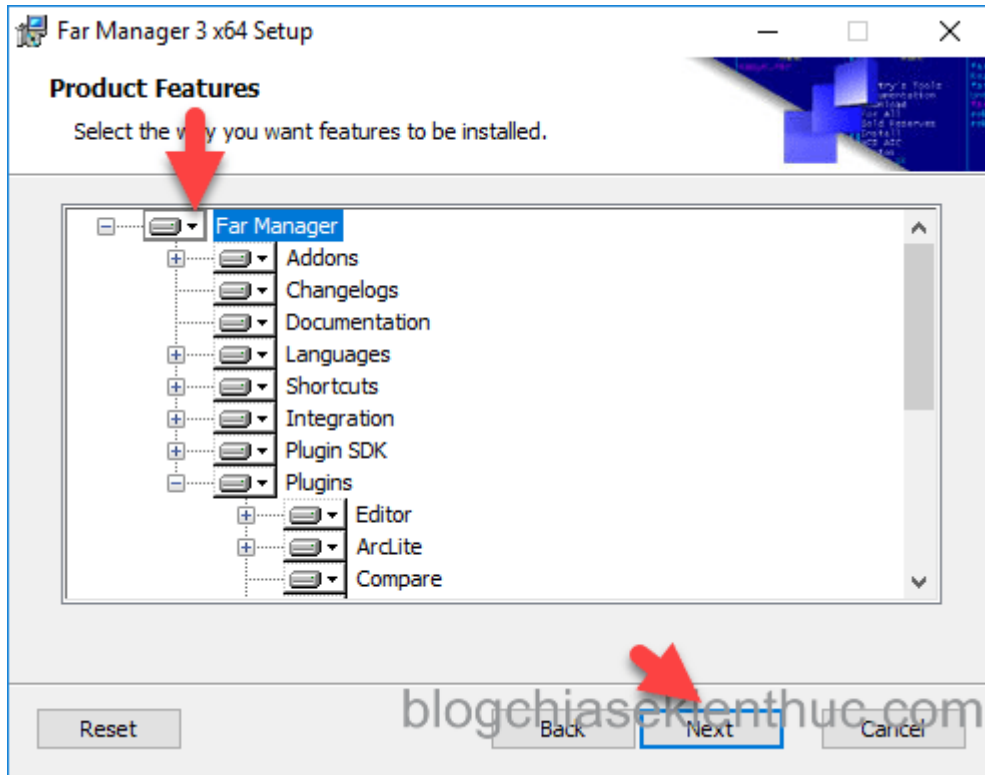
vào <https://www.farmanager.com/download.php> hoặc [tại đây](#) để tải chương trình **Far Manager** về máy tính

**Chú ý:**

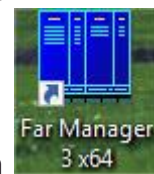
Thầy cô cần chọn phiên bản của chương trình **Far Manager** đúng với phiên bản của hệ điều hành là [Windows 32 bit hoặc 64 bit](#).

Nếu là Windows 32 bit thì thầy cô chọn tải về tệp **Far30b5300.x86.20181029**.  
Nếu là Windows 64 bit thì thầy cô chọn tệp **Far30b5300.x64.20181029**. Còn  
file **Far30b5959.ARM64.20220202** thì dành cho máy sử dụng chip ARM

**+ Bước 2:** Tiến hành cài đặt chương trình. Đầu tiên chọn **Next** => chọn **I accept...** rồi chọn **Next** => chọn **Install for all users of this machine**  
Tiếp tục chọn **Next** => chọn **Next** => nháy chuột vào nút tam giác màu đen  
tại mục **Far Manager** rồi chọn **Entire...** sau đó chọn **Next**.

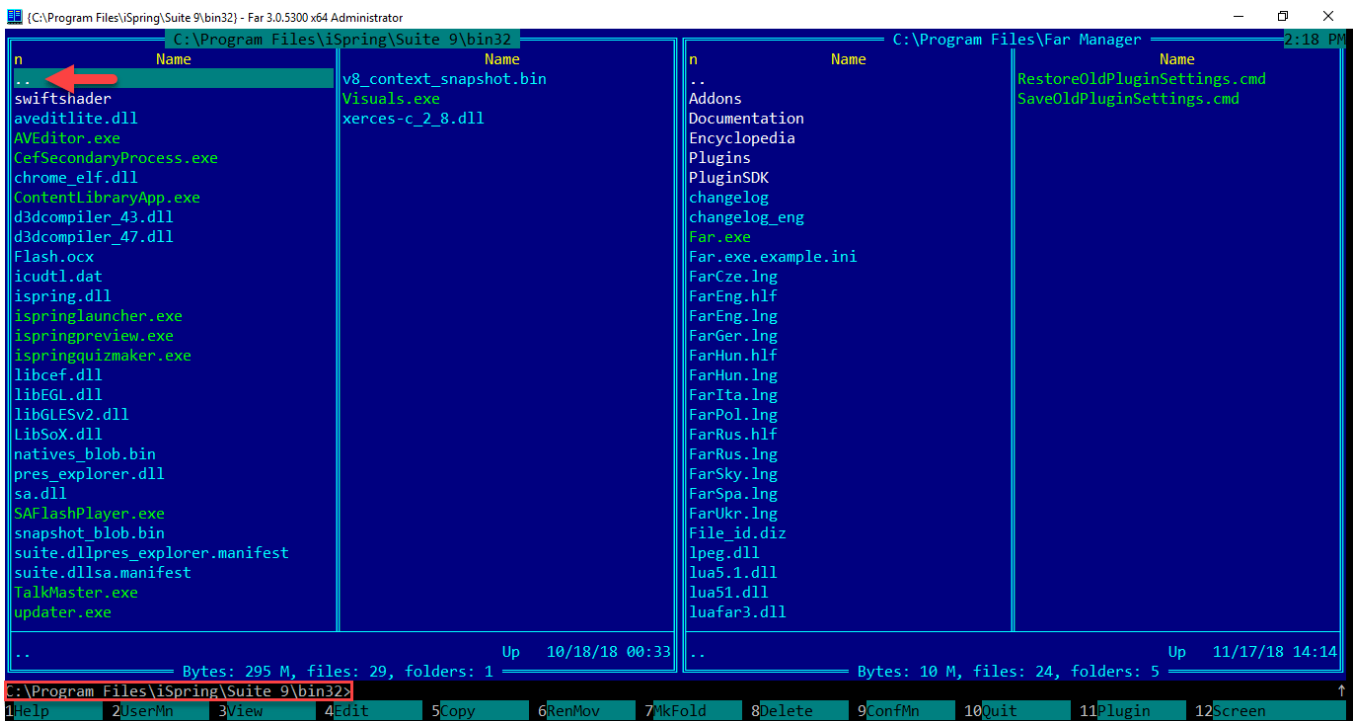


=> Chọn **Install** => chọn **Finish**. Quá trình cài đặt chương trình kết thúc.

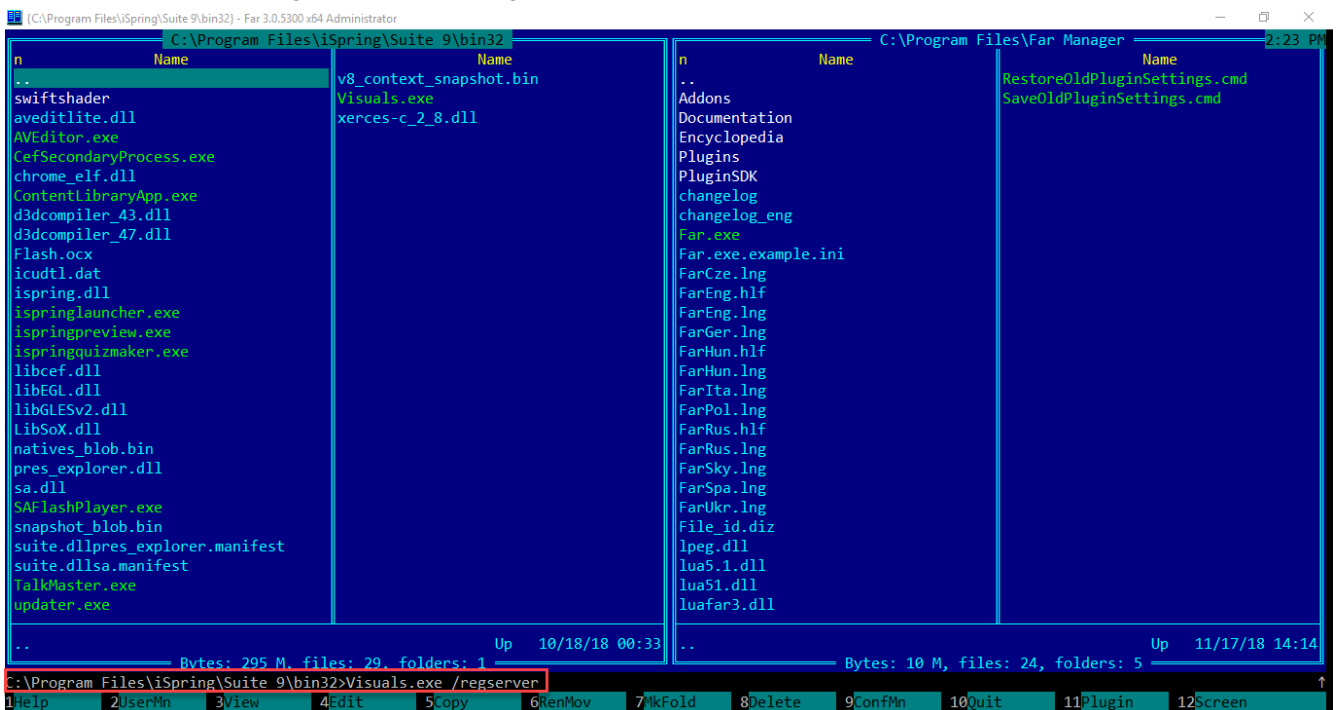


**+ Bước 3:** Nháy chuột phải vào biểu tượng của chương trình và chọn **Run as administrator** để chạy chương trình dưới quyền quản trị

**+ Bước 4:** Nháy đúp chuột vào **...** sau đó chọn **iSpring** => chọn **Suite 9** (tùy thuộc vào phiên bản iSpring Suite thầy cô đang sử dụng) => chọn **bin32**



+ **Bước 5:** Nhập lệnh `visuals.exe /regserver` vào sau đó ấn `Enter` và thoát khỏi chương trình là xong.



Lỗi này thường chỉ xuất hiện khi thầy cô cài iSpring Suite trên [Windows 10](#) hay Windows 11, còn nếu thầy cô cài trên Windows 7 thì sẽ không bị lỗi này.

# Quay màn hình bằng Screen Recording trong iSpring Suite

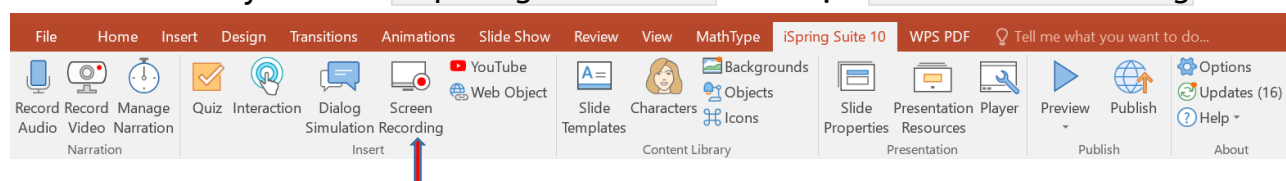
Chức năng **Screen Recording** trong **iSpring Suite** cho phép thầy cô [quay video màn hình máy tính](#) và chèn trực tiếp vào PowerPoint.

Hoặc thầy cô cũng có thể xuất bản ra định dạng `*.wav` tương tự như các [phần mềm quay video màn hình](#) chuyên nghiệp khác như [Camtasia Studio](#), [FastStone Capture](#), [Bandicam](#)...

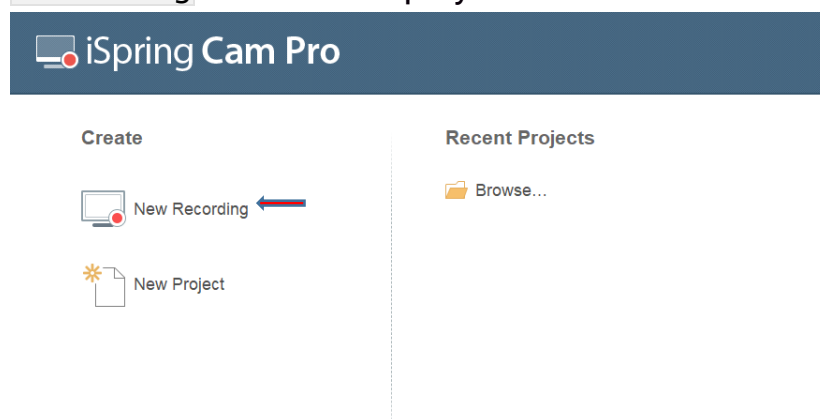
Ngoài chức năng chính là quay màn hình ra thì nó còn cho phép thầy cô tùy chỉnh lại đoạn ghi hình khá chuyên nghiệp.

## I. Các bước quay màn hình máy tính bằng iSpring Suite

**+ Bước 1:** Thầy cô vào **iSpring Suite 10** => chọn **Screen Recording**.



**+ Bước 2:** Cửa sổ **iSpring Cam Pro** xuất hiện thầy cô chọn vào **New Recording** để bắt đầu quay màn hình.

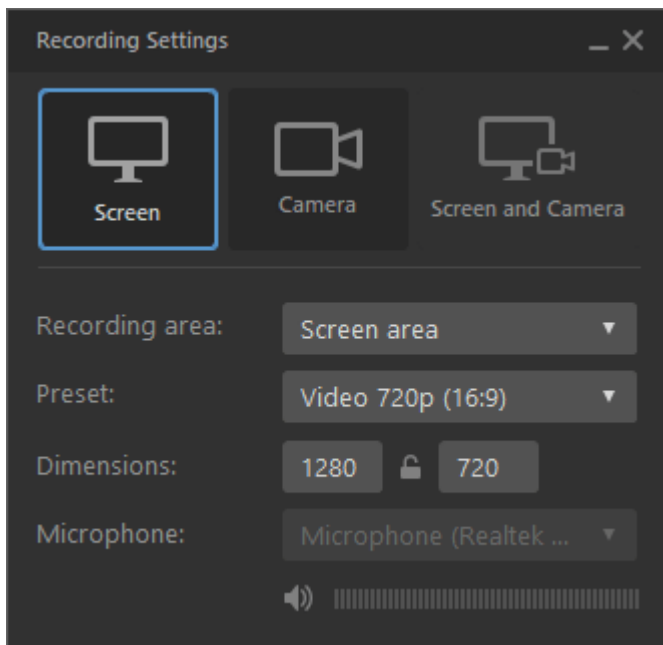



**+ Bước 3:** Hộp thoại **Recording Settings** xuất hiện. Hộp thoại này cung cấp cho thầy cô một số kiểu quay như sau:

- **Screen:** Chỉ quay màn hình.
- **Camera:** Quay hình thông qua webcam.
- **Screen and Camera:** Quay màn hình và quay hình thông qua webcam.

Ngoài ra ở mỗi một kiểu quay còn có một số tùy chọn như sau:

- **Recording Area:** Khu vực quay màn hình thầy cô có thể chọn **Screen Area** hoặc **Full Screen** hoặc **Application**.
- **Dimensions:** Tùy chỉnh lại kích thước khu của khu vực quay màn hình.
- **Microphone:** Thiết lập microphone nếu thầy cô có nhiều microphone thì thầy cô hãy chọn ở đây.

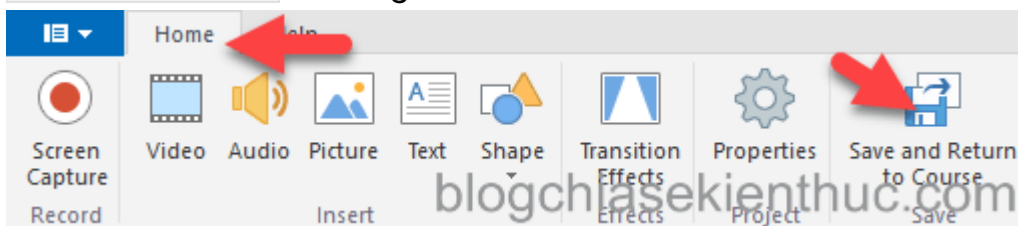


+ **Bước 4:** Chọn vào nút  Start a new recording để bắt đầu quay màn hình.

+ **Bước 5:** Khi quay màn hình xong thầy cô bấm phím **F 10** để dừng quay. Khi đó hộp thoại `ispring suite` và cửa sổ `ispring Cam Pro` xuất hiện.

Tại hộp thoại `ispring suite` thầy cô chọn vào `Add annotations to the screen Recording` nếu muốn thêm các chú thích vào màn hình còn không thì cứ để như mặc định và chọn `continue` là được.

+ **Bước 6:** Tại cửa sổ `ispring cam Pro` thầy cô chọn vào `Home` => chọn `Save and Return to Course` là xong.

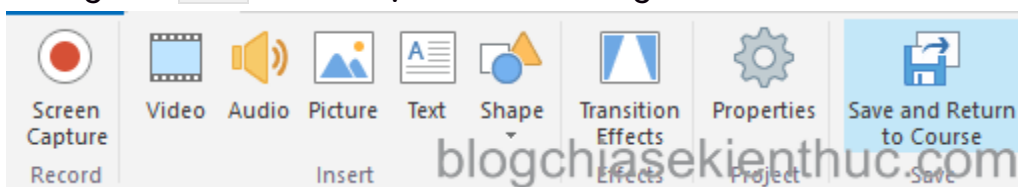


## II. Cách tùy chỉnh đoạn quay màn hình

Cửa sổ `ispring cam Pro` cung cấp cho thầy cô một số chức năng tương tự như các chương trình Camtasia Studio, FastStone Capture, Bandicam... giúp thầy cô dễ dàng tùy chỉnh lại đoạn quay màn hình, cụ thể như sau:

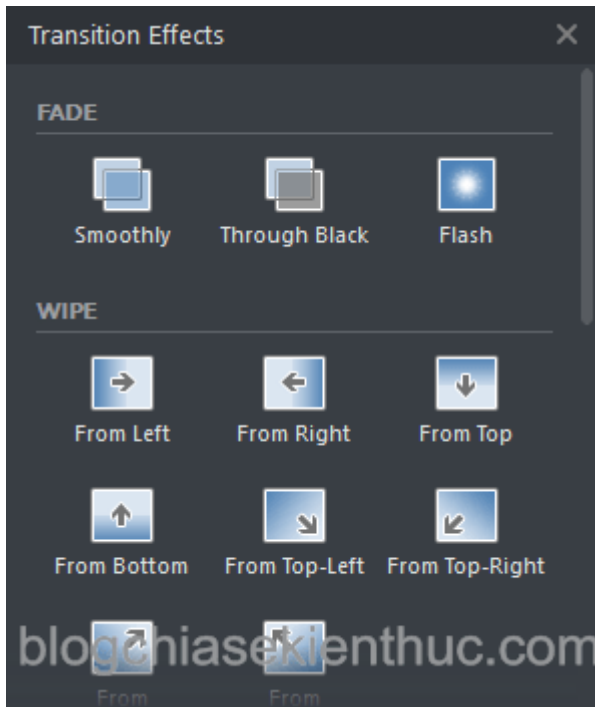
### 1. Home

Trong tab `Home` chứa một số chức năng như sau.



- **Screen Capture:** Quay lại màn hình.

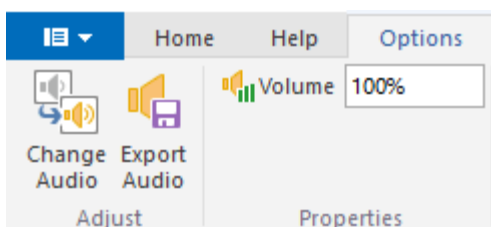
- **Video:** Chèn đoạn phim vào đoạn ghi màn hình.
- **Audio:** Chèn đoạn âm thanh vào đoạn ghi màn hình.
- **Picture:** Chèn ảnh vào đoạn quay màn hình.
- **Text:** Chèn văn bản.
- **Shape:** Chèn shape.
- **Properties:** Cho phép thầy cô tùy chỉnh lại một số thuộc tính như Preset, Dimensions, Color...
- **Save and Return to Course:** Lưu và trở lại với chương trình PowerPoint.
- **Transition Effects:** Hiệu ứng chuyển tiếp.



## 2. Option

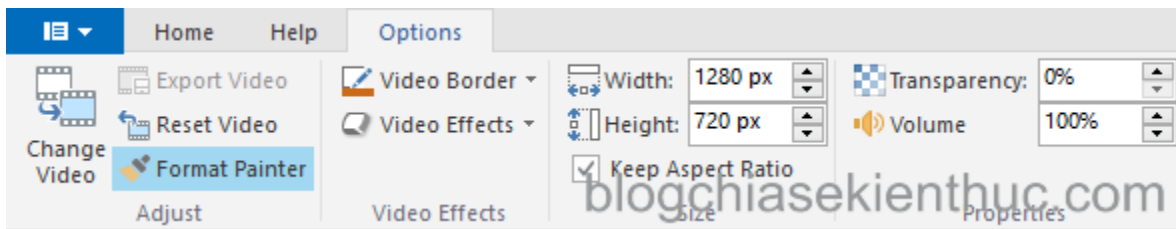
Tùy theo đối tượng được chọn là được chọn là phần **Audio** hoặc **video** của đoạn quay màn hình mà thực đơn này sẽ hiển thị khác nhau.

### 2.1. Đối với Audio

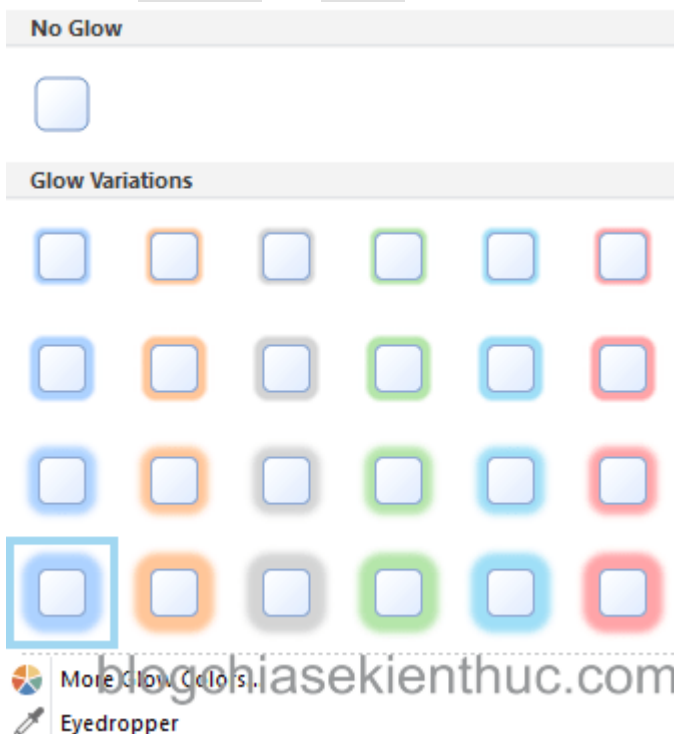


- **Change Audio:** Cho phép thầy cô thay đoạn audio hiện tại bằng một đoạn audio khác.
- **Export Audio:** Cho phép thầy cô xuất đoạn audio hiện tại ra một tệp tin audio độc lập với định dạng đầu ra là \*.wav.
- **Volume:** Tùy chỉnh lại âm lượng của đoạn audio.

## 2.2. Đối với video

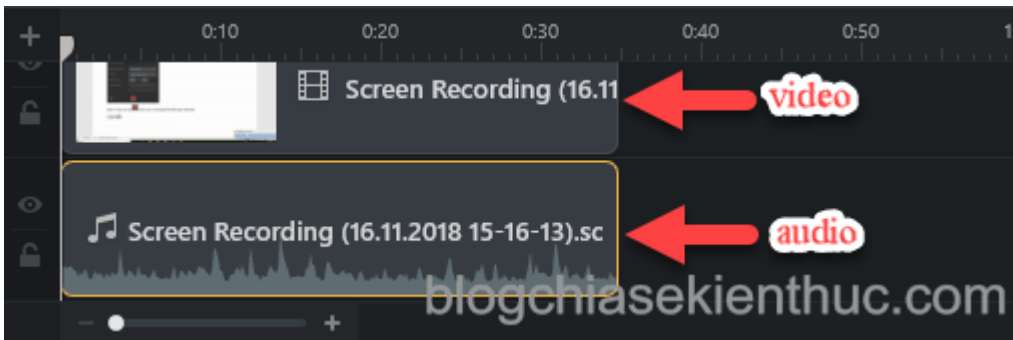



- **Change Video:** Cho phép thầy cô thay đoạn video hiện tại bằng một đoạn video khác.
- **Video Border:** Thiết đặt đường viền cho video.
- **Width:** Tùy chỉnh chiều rộng.
- **Height:** Tùy chỉnh chiều ngang.
- **Transparency:** Tùy chỉnh độ trong suốt.
- **Volume:** Tùy chỉnh âm lượng.
- **Video Effects:** Thiết lập hiệu ứng cho video và ở phiên bản hiện tại chương trình chỉ cung cấp cho chúng ta hai kiểu hiệu ứng là **Shadow** và **Glow**.



### Chú ý:

Để chọn được phần audio hoặc phần video của đoạn quay màn hình thì thầy cô chọn vào phần tương ứng như ảnh minh họa bên dưới.



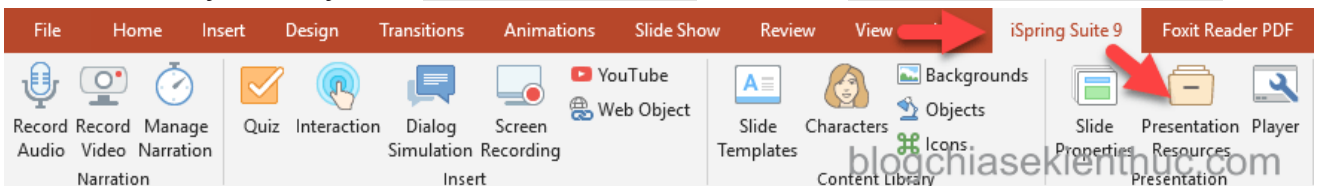
- Để xuất thầy cô đoạn quay màn hình ra một đoạn video độc lập thì thầy cô có thể vào  => chọn **Publish...** => chọn **My Computer** (đặt tên và chọn vị trí lưu) => chọn **Publish** là xong. Đoạn video sẽ có định dạng mặc định là \*.mp4
- Trong quá trình quay màn hình thầy cô có thể ấn phím **F9** để tạm ngừng quay và phím **F10** để dừng quay.

## Cách thiết lập thông tin người dạy trong bài giảng E-Learning

Thông tin của người dạy là rất quan trọng, nó giúp học sinh sẽ biết được ai là người dạy mình và có thể liên hệ được với thầy cô khi cần thiết.

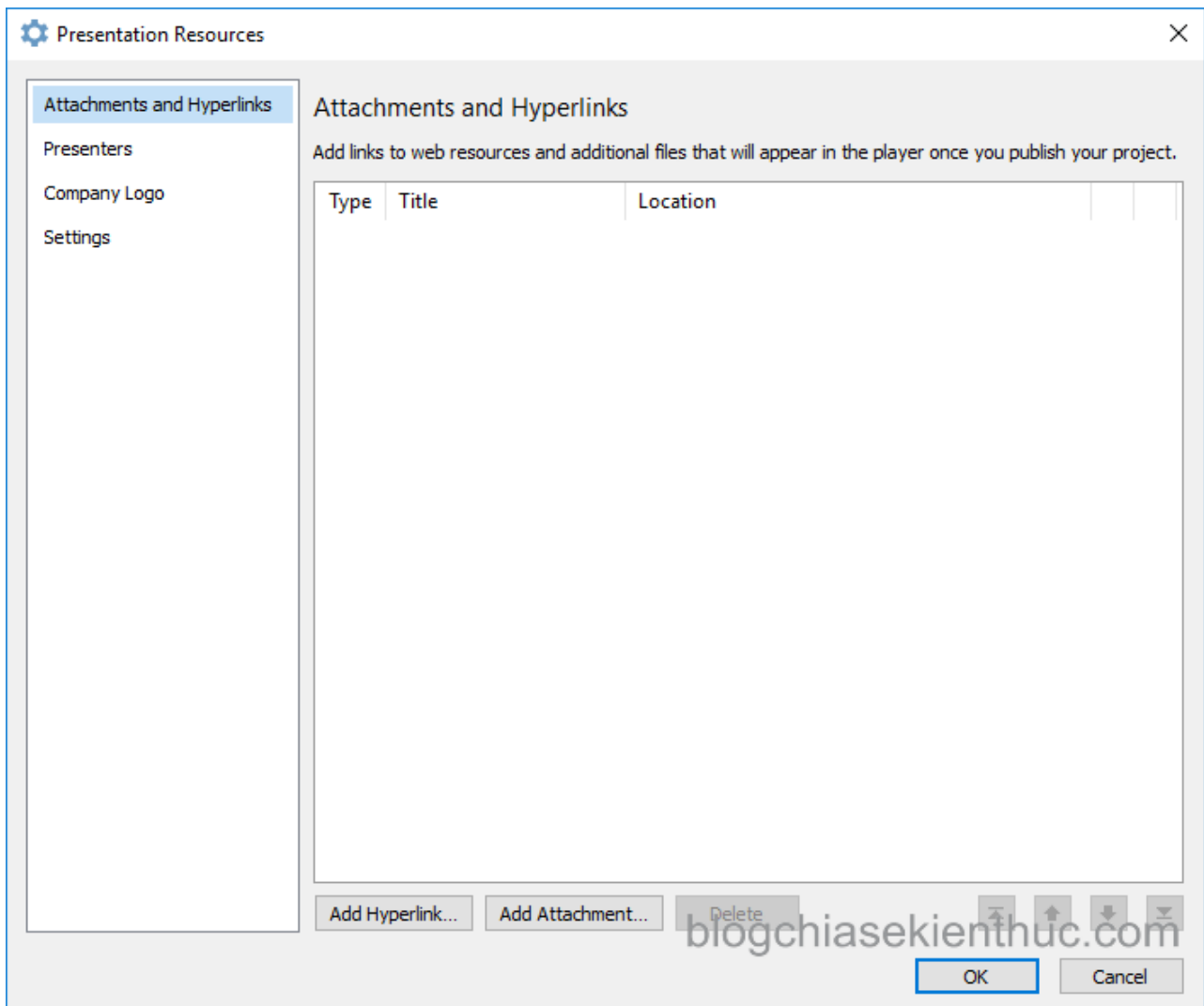
### Thực hiện:

Đầu tiên thầy cô hãy vào **ispring suite 10** => chọn **Presentation Resources**



Hộp thoại **Presentation Resources** xuất hiện với giao diện như hình bên dưới.

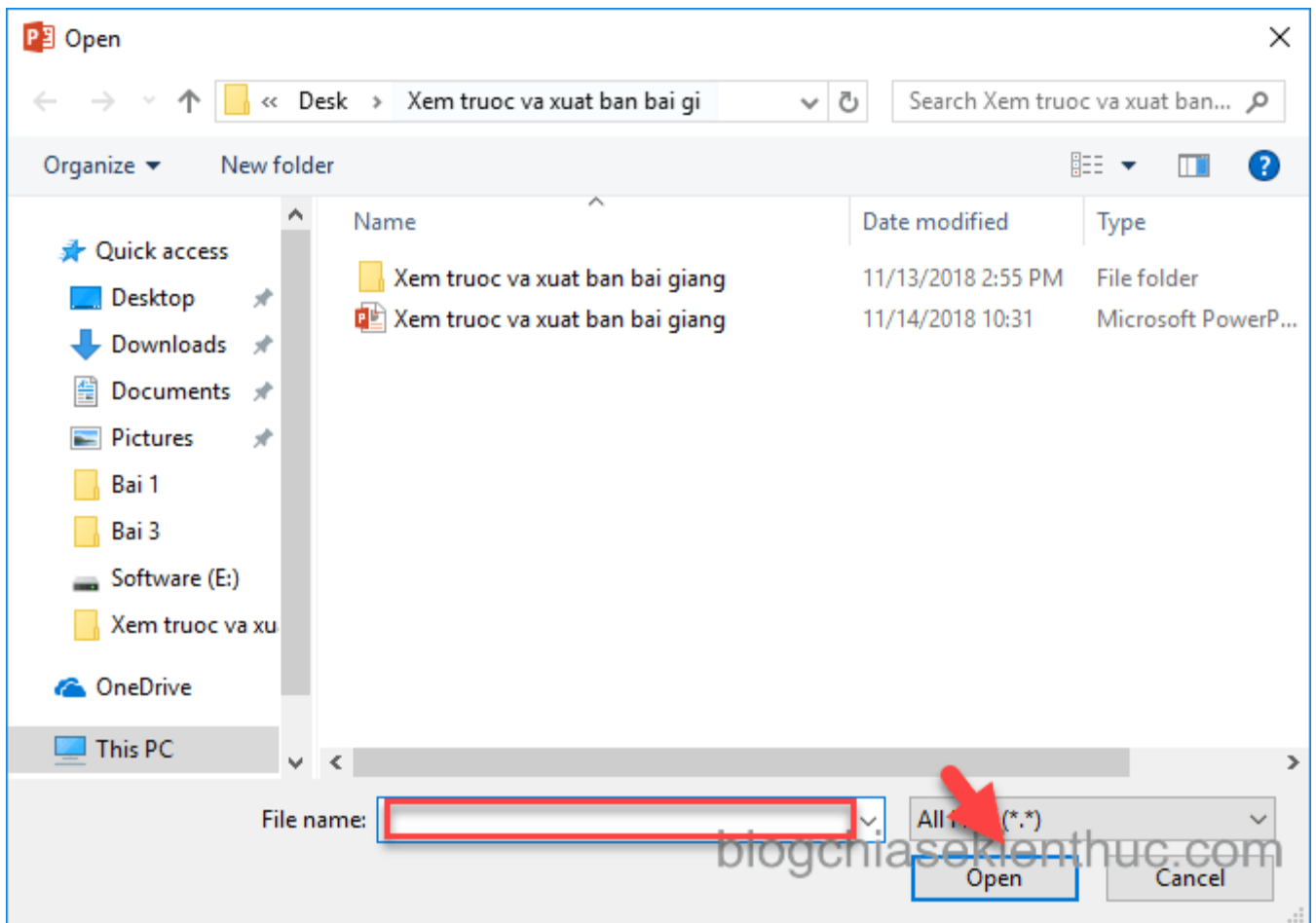
Các thao tác chèn tệp tin đính kèm, siêu liên kết, thiết lập thông tin người dạy và thông tin về trường điều nằm trong hộp thoại này.



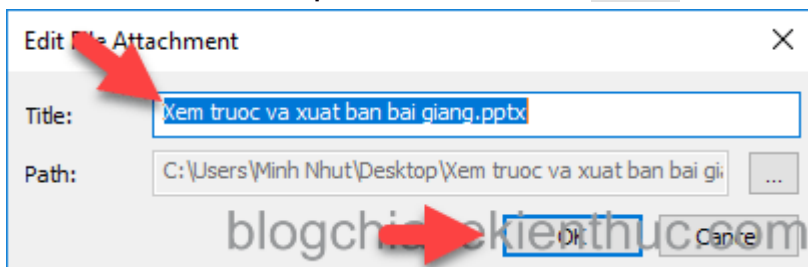
## I. Chèn tệp tin đính kèm và siêu liên kết

### 1. Chèn tệp tin đính kèm vào bài giảng

+ **Bước 1:** Tại hộp thoại `Presentation Resources` thầy cô chọn `Attachments and Hyperlinks` => chọn `Attachments` => hộp thoại `open` xuất hiện thầy cô chọn tệp cần đính kèm rồi chọn `open`.



+ **Bước 2:** Hộp thoại `Edit File Attachment` xuất hiện, thầy cô có thể nhập lại tên đại diện của tệp đính kèm tại ô `Title` => và chọn `OK`.



Sau khi chọn `open` thì hộp thoại `Presentation Resources` sẽ xuất hiện một danh sách chứa các tệp tin được đính kèm.

Thầy cô có thể chọn vào biểu tượng “cây bút” để sửa và chọn vào biểu tượng dấu “x” để xóa

Type	Title	Location		
	Xem truooc va xuất ban...	C:\Users\Minh Nhut\Desktop\Xem truooc va xuất ...		
	2018-11-14_101843.png	C:\Users\Minh Nhut\Desktop\2018-11-14_101843...		

Như vậy là thầy cô đã chèn xong tệp tin đính kèm cho bài giảng của mình rồi đó.

Chương trình iSpring Suite phiên bản 9 hỗ trợ thầy cô chèn tệp đính kèm ở tất cả các định dạng `*, *`. Sau khi chèn thành công khi học thì học sinh có thể tải về tại mục `Tài nguyên`

Select the correct answer option:

- Option 2
- Option 1
- Option 3

blogchiasekienthuc.com

### Chú ý:

Thầy cô không nên lạm dụng chức năng này, mà chỉ nên chèn các tệp tin cần thiết thôi và thầy cô cũng không nên chèn các tệp có dung lượng quá lớn như vậy sẽ làm cho bài giảng của thầy cô rất nặng.

## 2. Chèn siêu liên kết

Các bước chèn siêu liên kết hoàn toàn tương tự với các bước chèn tin đính kèm chỉ khác nhau là ở bước đầu tiên thay vì chọn **Attachments** thầy cô hãy chọn **Hyperlinks**.

**Chú ý:** Khi hộp thoại Add Web Link xuất hiện thầy cô cần nhập chính xác URL và nên nhớ rằng <http://> và <https://> là khác nhau đấy nhé.

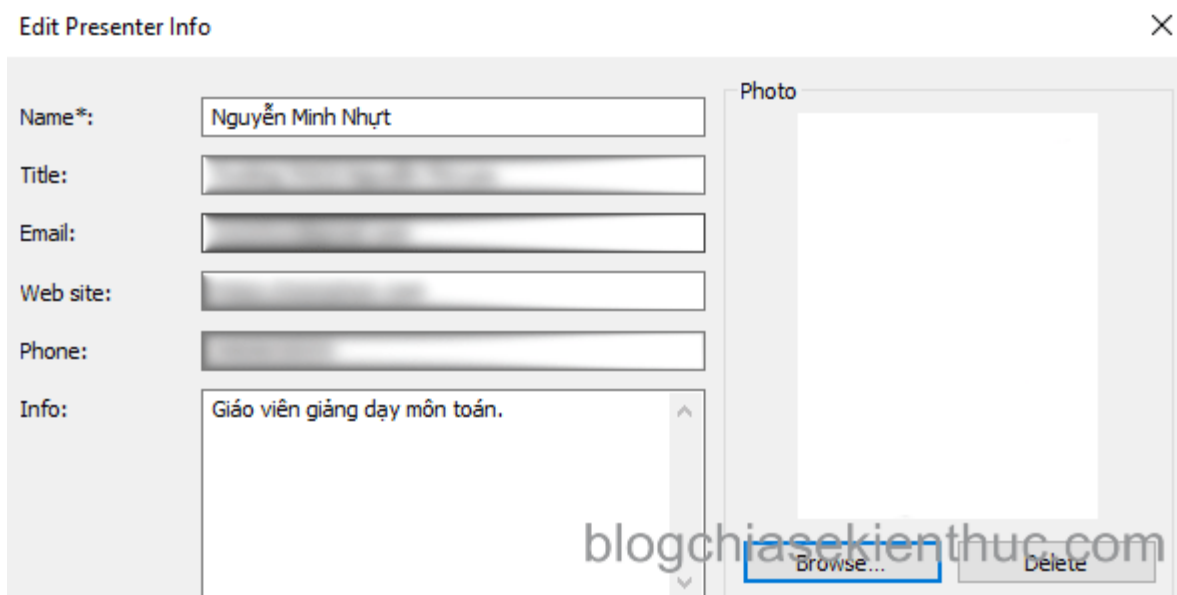
## II. Chèn thông tin người dạy vào bài giảng điện tử

Rồi ! Đến phần quan trọng nhất của bài viết này thiết lập thông tin người dạy.

Chúng ta cần thiết lập các thông tin sau:

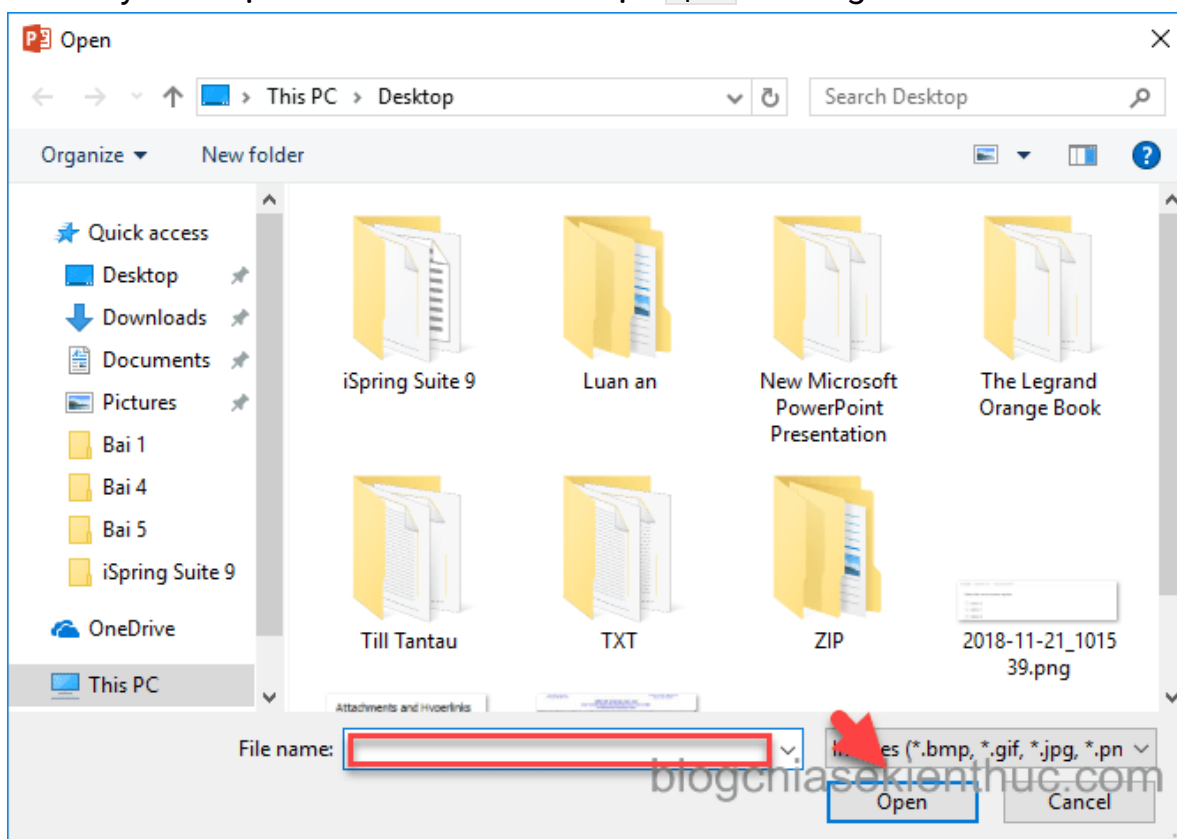
- **Name:** Tên.
- **Title:** Thầy cô có nhập là giáo viên.
- **Email:** Thư điện tử.
- **Wed site:** Trang web.
- **Phone:** Số điện thoại
- **Info:** Thông tin thêm.
- **Photo:** Ảnh.

Các bước thiết đặt được trình bày ngay bên dưới:



+ **Bước 1:** Tại hộp thoại **Presentation Resources** => thầy cô chọn **Presenters** => chọn **Add** hộp thoại **Edit Presenter Info** xuất hiện có giao diện như hình bên dưới

+ **Bước 2:** Lần lượt nhập các thông tin của thầy cô vào như Name, Title, Email, Web site, Phone, Info và thông tin Name là bắt buộc phải có. Nếu muốn chèn ảnh của mình vào thì thầy cô có thể chọn vào **Browse...** => hộp thoại **open** xuất hiện như hình bên dưới.  
=> Thầy cô chọn ảnh cần chèn => chọn **open** là xong.



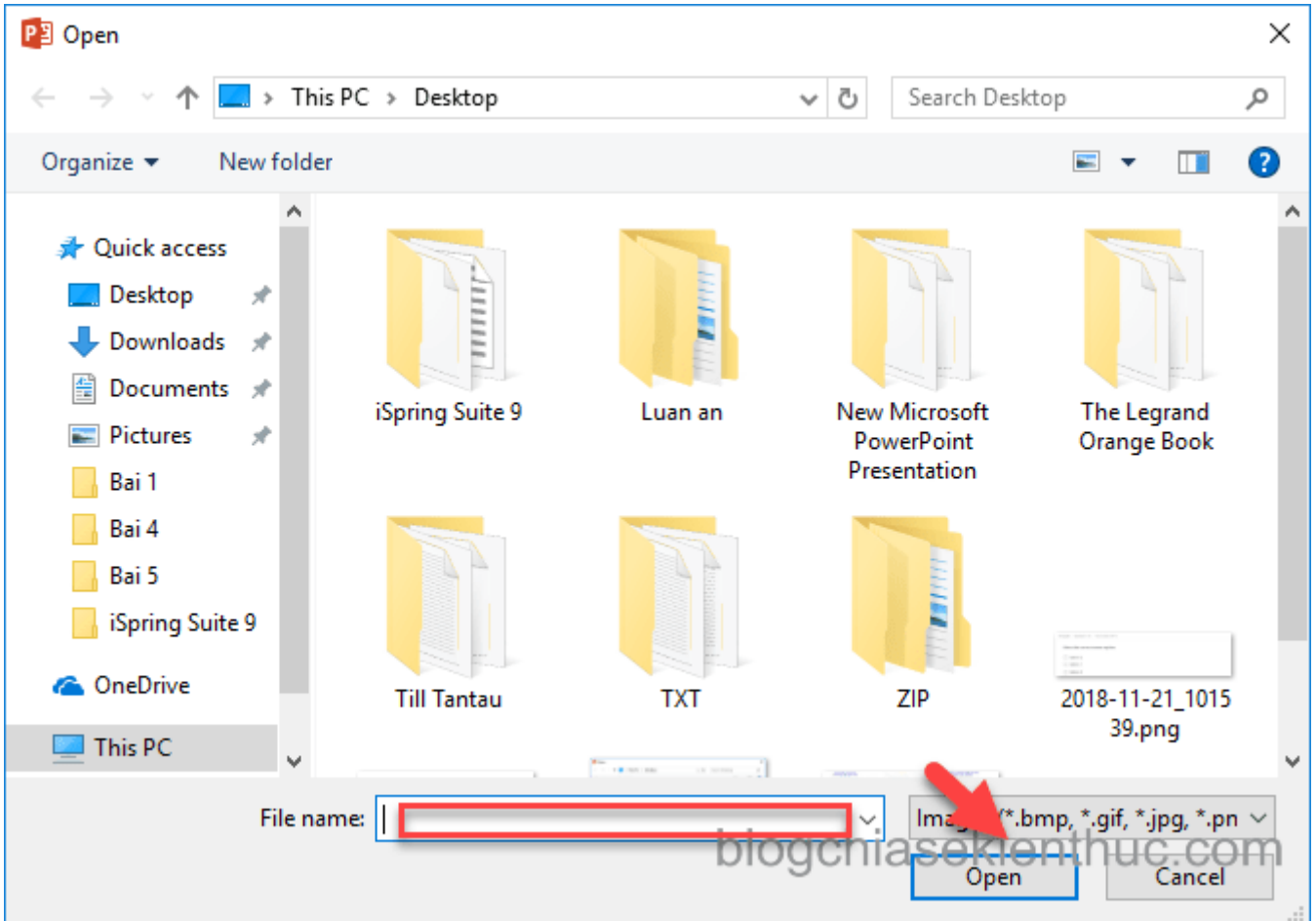
+ **Bước 3:** Chọn **OK**

**Chú ý:** Thầy cô có thêm thêm người dạy thứ 2, thứ 3...vào bằng cách tương tự như mình vừa hướng dẫn nhé.

### III. Chèn Logo vào bài giảng E-Learning

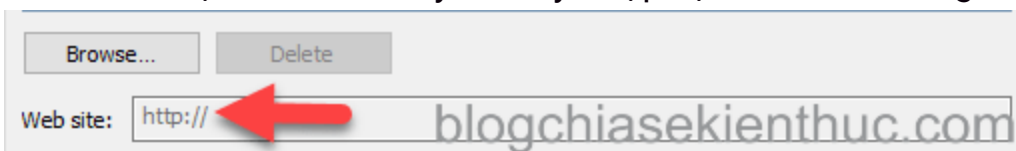
Ngoài thông tin của người dạy, nếu muốn thầy cô có thể thêm thông tin về trường như logo và website vào thì thầy cô có thể thực hiện như sau:

**+ Bước 1:** Tại hộp thoại **Presentation Resources** thầy cô chọn **Company Logo** => chọn **Browse**.



**+ Bước 2:** Trong hộp thoại **open** chọn Logo cần chèn => chọn **open**.

**+ Bước 3:** Tại Website thầy cô hãy nhập địa chỉ của trường mình vào.



**+ Bước 4:** Chọn **OK** để hoàn tất.

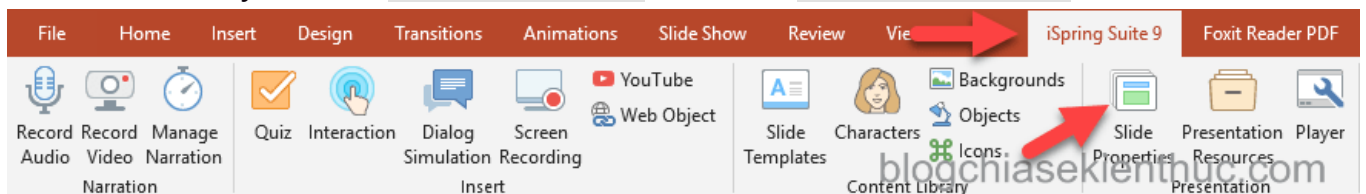
# Cách thiết lập thuộc tính của Slide Properties trong iSpring Suite

**Thiết lập thuộc tính trong Slide Properties** của chương trình iSpring Suite là một trong những thao tác không thể bỏ qua khi soạn thảo bài giảng E-Learning.

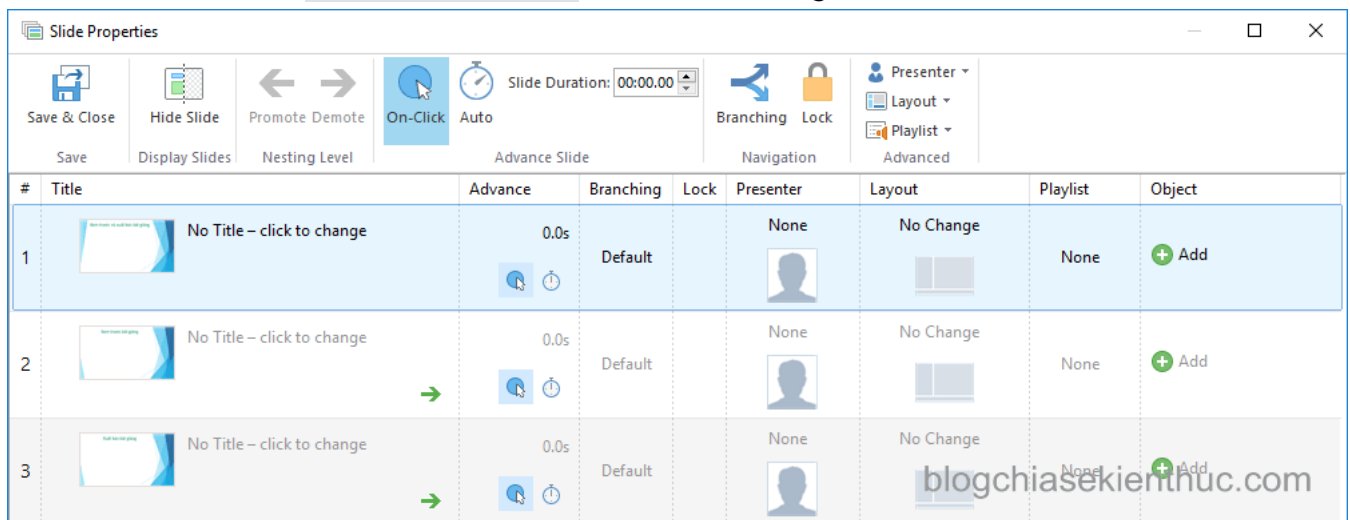
Với Slide Properties thầy cô có thể nhập tên cho Slide, khóa Slide, tùy chọn người dạy cho từng slide, nhạc nền cho slide, ẩn hiện slide...

## I. Các bước thiết lập thuộc tính

**+ Bước 1:** Thầy cô vào **iSpring Suite 9** => chọn **Slide Properties**






**+ Bước 2:** Cửa sổ **Slide Properties** xuất hiện với giao diện như hình bên dưới.












## II. Chức năng và cách thiết lập từng thuộc tính cụ thể

- Thẻ **Title** cho phép thầy cô thay đổi tiêu đề của slide. Nháy chuột vào **No Title - click to change** và nhập tiêu đề mới vào.

1		Xem trước và xuất bản bài giảng
2		Xem trước bài giảng
3		Xuất bản bài giảng

- Thẻ **Advance** cho phép thầy cô thiết đặt thuộc tính On-Click hoặc Auto hoặc cả hai:
- Nếu thầy cô chọn **on-Click** thì khi thầy cô muốn sang slide tiếp theo thầy cô phải dùng chuột.
- Nếu thầy cô chọn **Auto** thì khi slide chạy hết thời gian thiết đặt nó sẽ tự động chạy sang slide tiếp theo.
- Nếu thầy cô chọn cả hai thì một là thầy cô có thể dùng chuột để chuyển hoặc để cho slide tự động chuyển.

Theo quan điểm của cá nhân mình thì nên chọn cả hai:

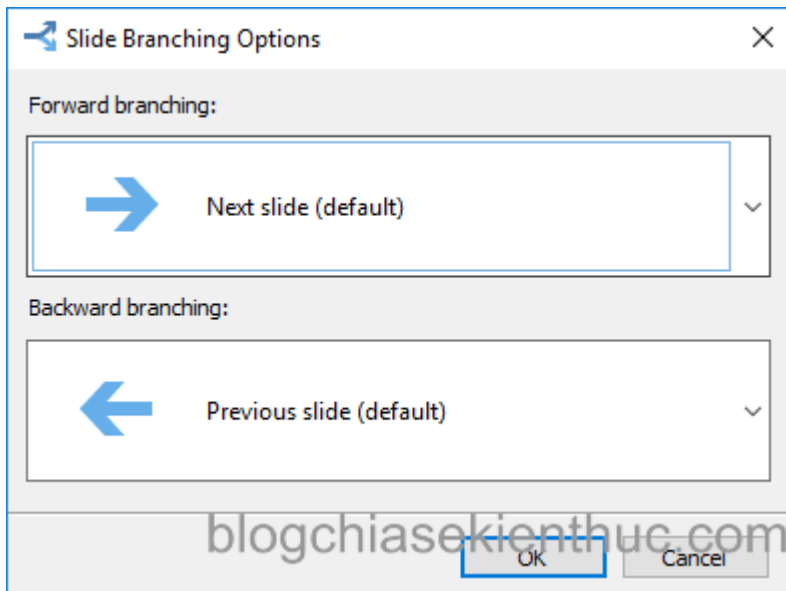
#	Title	Advance
1	 Xem trước và xuất bản bài giảng	5.0s  
2	 Xem trước bài giảng	5.0s  
3	 Xuất bản bài giảng	5.0s  

**Chú ý:**

Thông thường thì chương trình sẽ tự động thiết lập thời gian chuyển giữa các slide cho thầy cô.

Tuy nhiên, trong một số trường hợp thầy cô cần thiết đặt lại thời gian cho mỗi slide cho hơn phù hợp với nội dung trong slide. Cách thiết đặt rất đơn giản là thầy cô chỉ cần chọn vào **0.0s** rồi nhập thời gian thầy cô muốn vào là được.

Thẻ **Branching** cho phép thầy cô chuyển hướng từ slide này sang slide khác. Thẻ này có hai tùy chọn là **Forward branching** và **Backward branching** có nghĩa là chuyển tiếp tới slide và quay về tới slide.



Tùy theo yêu cầu của bài giảng mà thầy cô sẽ chọn là **Forward branching** hoặc **Backward branching** và slide cần tới. Nếu không có gì đặc biệt thì thuộc tính này thầy cô cũng nên để mặc định không tùy chỉnh gì cả.

#	Title	Advance	Branching
1	Xem trước và xuất bản bài giảng	5.0s	Default
2	Xem trước bài giảng	5.0s	Default
3	Xuất bản bài giảng	5.0s	Default

Thẻ **Lock** cho phép thầy cô khóa slide lại và tại slide bị khóa thì thầy cô không thể kéo thanh trước để bỏ qua hoặc chọn **< TRƯỚC** hoặc chọn **TIẾP THEO >** được.



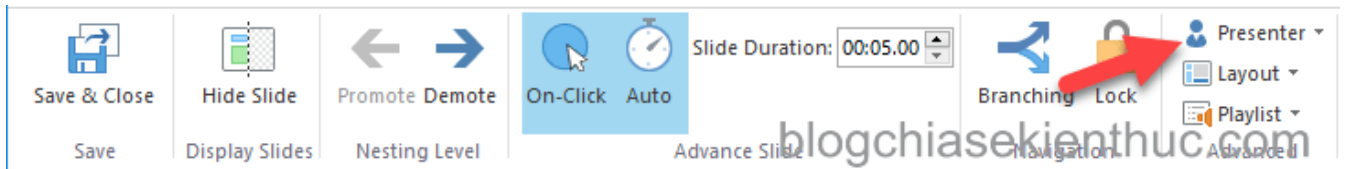
Chẳng hạn mình sẽ khóa slide *Xem trước bài giảng lại* thì khi đó khi bài giảng chạy tới slide này thì người học bắt buộc phải xem hết slide thì mới có thể xem tiếp các slide khác.

Qua slide này đến các slide khác thì thầy cô có thể sử dụng **< TRƯỚC** hoặc **TIẾP THEO >** như bình thường.

#	Title	Advance	Branching	Lock
1	Xem trước và xuất bản bài giảng	5.0s	Default	
2	Xem trước bài giảng	5.0s	Default	
3	Xuất bản bài giảng	5.0s	Default	

Thường thì thẻ **Lock** này sẽ được vận dụng ở một số slide quan trọng của bài giảng và học sinh bắt buộc phải ngồi xem hoặc làm xong thì mới có thể xem hoặc làm các slide tiếp theo.

Thẻ **Presenter** cho phép thầy cô thiết lập thông tin của người dạy. Nếu bài giảng của thầy cô chỉ có một người dạy thì thầy cô có thể thực hiện nhanh như sau chọn tất cả các slide => vào **Presenter** và chọn người dạy là xong.



Còn trong trường hợp bài giảng của thầy cô có nhiều người cùng dạy thì người nào dạy slide nào thì thầy cô chọn tương ứng là được.

#	Title	Advance	Branching	Lock	Presenter
1	Xem trước và xuất bản bài giảng	5.0s	Default		Nguyễn M...
2	Xem trước bài giảng	5.0s	Default		Nguyễn M...
3	Xuất bản bài giảng	5.0s	Default		Nguyễn M...

**Chú ý:** Thông tin người dạy phải được thiết lập trước trong **Presentation Resources**. Chi tiết như thế nào thì thầy cô có thể xem lại bài viết cách [thiết lập thông tin người dạy](#) nhé.

- Thẻ **Layout** cho phép thầy cô tùy chỉnh bố cục của từng slide. Thẻ cung cấp cho chúng ta tất cả có 4 kiểu là:
- No Change

- Full
- No Sidebar
- Maximized Video

Thông thường mình sẽ để như mặc định là `No change`.

Tuy nhiên một số thầy cô thường chỉnh slide đầu tiên là `No sidebar` và các slide còn lại là `Full` hoặc `Maximized Video`.

Cái này thì tùy vào thầy cô thôi, thầy cô muốn slide hiển thị như thế nào thì chọn như thế ấy miễn sao giao diện khi xuất bản thân thiện với học sinh là OK.

#	Title	Advance	Branching	Lock	Presenter	Layout
1	Xem trước và xuất bản bài giảng	5.0s	Default		Nguyễn M...	No Sidebar
2	Xem trước bài giảng	5.0s	Default		Nguyễn M...	Maximized Video
3	Xuất bản bài giảng	5.0s	Default		Nguyễn M...	Maximized Video

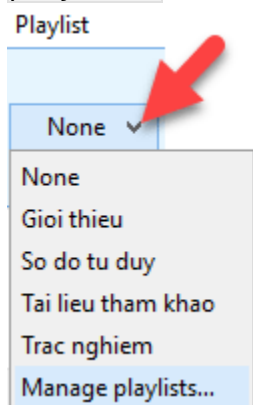
- Thẻ `Playlist` thẻ này cung cấp cho thầy cô một tính năng rất tuyệt vời là thầy cô có thể chèn thêm nhạc nền vào cho từng slide khác nhau.

### III. Cách chèn nhạc nền cho Slide

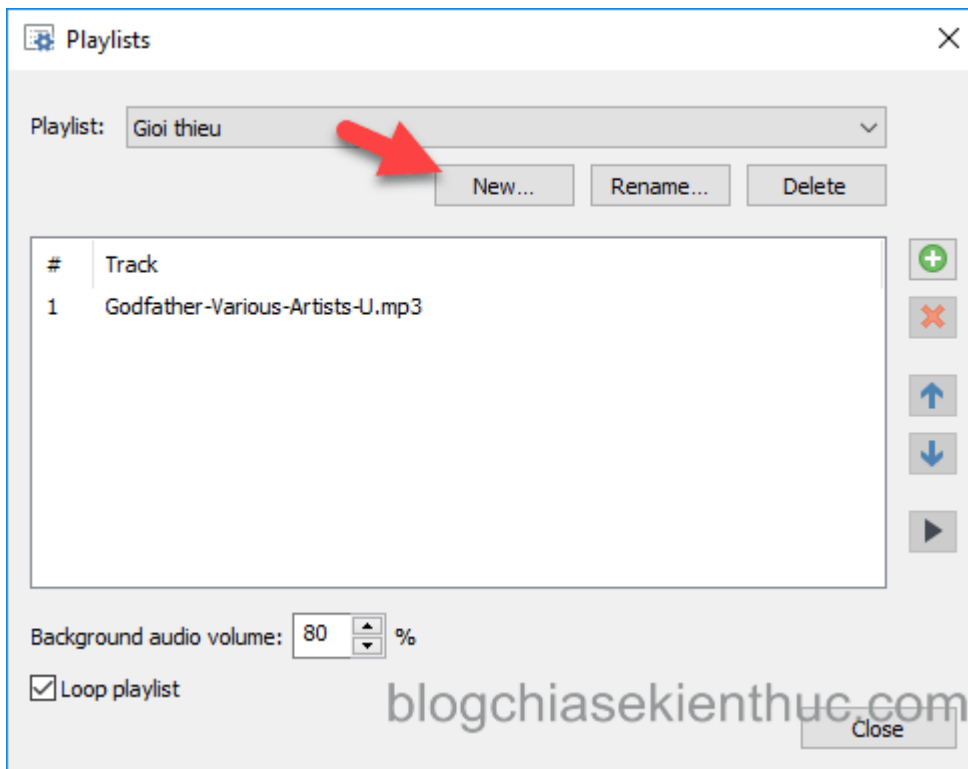
Thầy cô chỉ cần thực hiện theo các bước sau là sẽ có được nhạc nền cho slide rồi thầy cô nhé. Chúc thầy cô thành công!


**+ Bước 1:** Chọn slide cần thêm nhạc nền



**+ Bước 2:** Tại thẻ `Playlist` => chọn dấu mũi tên sổ xuống => chọn `Manage playlist...`



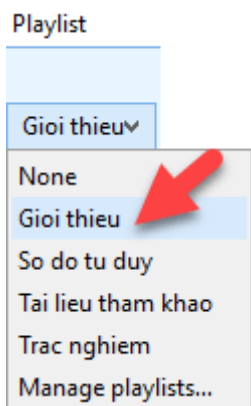
**+ Bước 3:** Hộp thoại xuất hiện thầy cô chọn vào `New...` => nhập tên vào ô `Playlist name` => chọn `OK`



+ **Bước 4:** Chọn vào  để thêm bài nhạc nền vào và thầy cô có thể thêm nhiều bài nhạc nền khác nhau => chọn `Close`.

Ngoài ra thầy cô có thể chọn vào  để xóa một bài nhạc nền hoặc chọn vào  để nghe thử. Nếu muốn tăng giảm âm lượng thì thầy cô có thể tùy chỉnh lại tại ô **Background audio volume**.

+ **Bước 5:** Chọn vào `Playlist` mà thầy cô vừa tạo là hoàn thành.



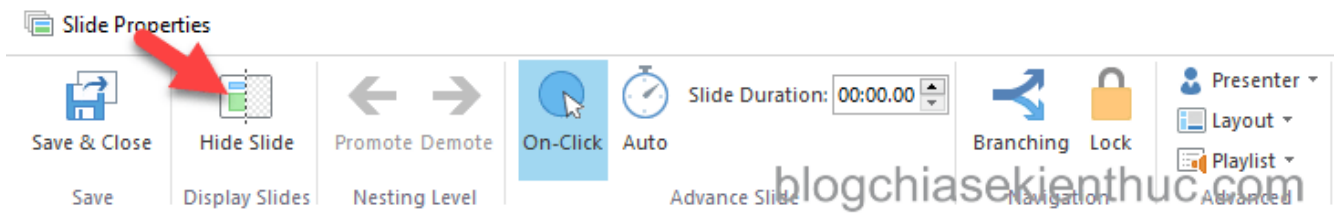
*Chú ý với các slide không có ghi âm thì thầy cô tùy chỉnh âm lượng là 50% còn với các slide có ghi âm thì thầy cô nên tùy chỉnh âm lượng là 30% để tránh tình trạng nhạc nền quá lớn lấn hết lời giảng của thầy cô.*

Đây là kết quả sau cùng khi thiết đặt các thuộc tính cho slide. Thầy cô có thể xem để tham khảo.

#	Title	Advance	Branching	Lock	Presenter	Layout	Playlist
1	Xem trước và xuất bản bài giảng	5.0s 	Default		Nguyễn M... 	No Sidebar 	Gioi thieu
2	Xem trước bài giảng	5.0s 	Default		Nguyễn M... 	Maximized Video 	None
3	Xuất bản bài giảng	5.0s 	Default		Nguyễn M... 	Maximized Video 	None

Cuối cùng là thẻ **object** các thầy cô có thể tự tình hiểu thêm vì thông thường ít khi sử dụng đến.

Ngoài ra nếu muốn ẩn một slide nào đó thì thầy cô hãy chọn slide đó rồi chọn vào **Hide slide** trên thanh công cụ là được.



Cuối cùng, đừng quên chọn vào **save & close** để lưu các thuộc tính vừa thiết lập thầy cô nhé.

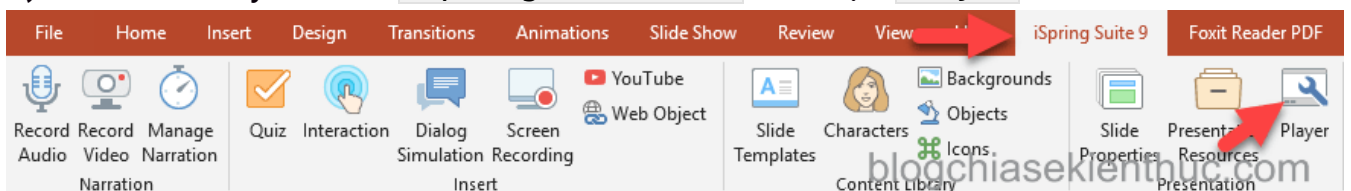
## Cách tùy chỉnh giao diện bài giảng bằng Player trong iSpring Suite

Một bài giảng có giao diện thân thiện sẽ giúp học sinh dễ dàng tiếp thu kiến thức từ đó nâng cao chất lượng giảng dạy.

Với tính năng Player trong iSpring Suite thì thầy cô có thể tùy chỉnh lại Templates, bố cục, màu sắc, ngôn ngữ... một cách rất dễ dàng.

**Có 2 cách để vào Player:**


**+) Cách 1:** Thầy cô vào **iSpring Suite xxx => chọn Player**



**+) Cách 2:** Vào **iSpring Suite xxx => chọn Publish => chọn Universal (Full - Modified)**

## Output Options

Format: HTML5 (for desktop and mobile devices)  
 Use iSpring Play app on mobile devices ⓘ

Player: **Universal (Full - Modified)** 

Size: Scale slide to 75% (960x540)

Quality: For standard delivery

Protection: Not used

Publish: All slides

blogchiasekienthuc.com

### Chú ý:

Cách một chỉ có ở phiên bản 9 trở lên, còn cách hai có thể áp dụng cho các phiên bản khác, cũ hơn. Nếu thầy cô đang sử dụng phiên bản 8 trở xuống thì thầy cô hãy chọn cách thứ hai..

Sau khi thực hiện một trong hai cách trên thì cửa sổ mới có tên **Customize Player** xuất hiện với giao diện như hình bên dưới. Mình sẽ lần lượt giới thiệu và hướng dẫn các thầy cô tùy chỉnh lại tất cả các phần này và có tất cả là bảy phần, cụ thể:

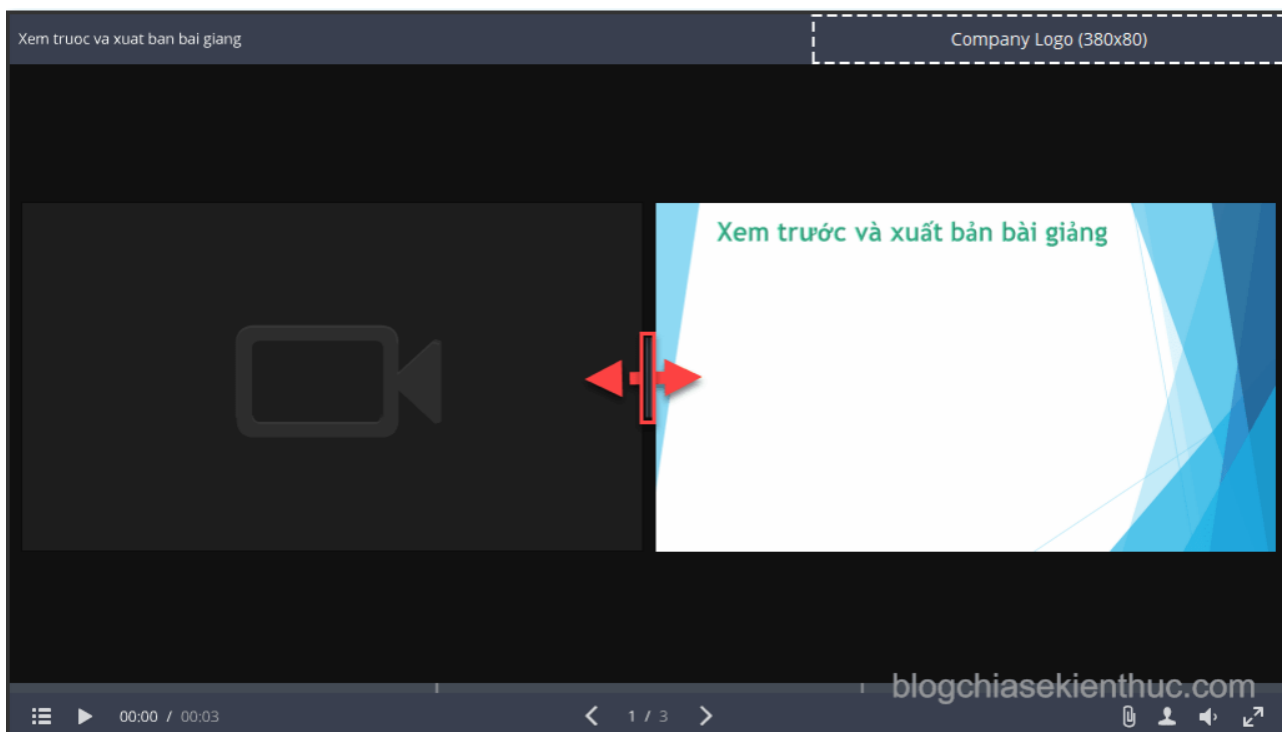
1. Select Player
2. Templates
3. Layout
4. Top bar
5. Bottom bar
6. Color
7. Text Labels

## I. Select Player

Phần **select Player** cung cấp cho chúng ta hai tùy chọn là **Universal** và **video Lecture** tùy thuộc vào nội dung của bài giảng mà thầy cô sẽ lựa chọn cho phù hợp.

- **Universal:** Phù hợp với bài giảng chỉ có ghi âm mà không có ghi hình người dạy.
- **Video Lecture:** Phù hợp cho bài giảng có ghi hình người dạy.

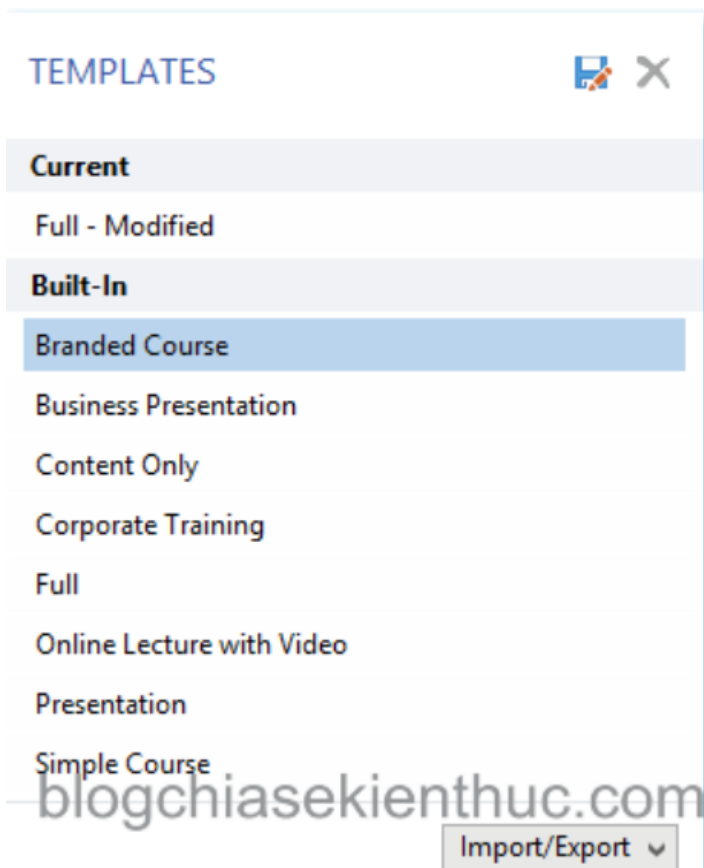
Đây là giao diện của **video Lecture** và thầy cô có thể kéo thả thanh dọc ở giữa để tùy chỉnh lại kích thước cho phù hợp.



## II. Templates

Phần **Templates** chứa các mẫu giao diện được iSpring thiết kế sẵn và nếu thích thầy cô có thể chọn ngay các mẫu giao diện này để sử dụng mà không cần thiết kế lại.

Tổng cộng có tám mẫu giao diện và mẫu Full được chọn mặc định. Chi tiết về tên các mẫu giao diện các thầy cô xem ảnh bên dưới và chọn vào mẫu giao diện mà thầy cô muốn để xem giao diện của nó thầy cô nhé.



Ngoài ra nếu thầy cô thiết kế và tùy chỉnh được một mẫu giao diện đẹp và muốn chia sẻ hoặc thầy cô bè hoặc đồng nghiệp...

Hoặc thầy cô có sẵn một mẫu giao diện đẹp thì thầy cô có thể sử dụng hai tính năng là `Import template` để nhập vào hoặc `Export template` để xuất ra.

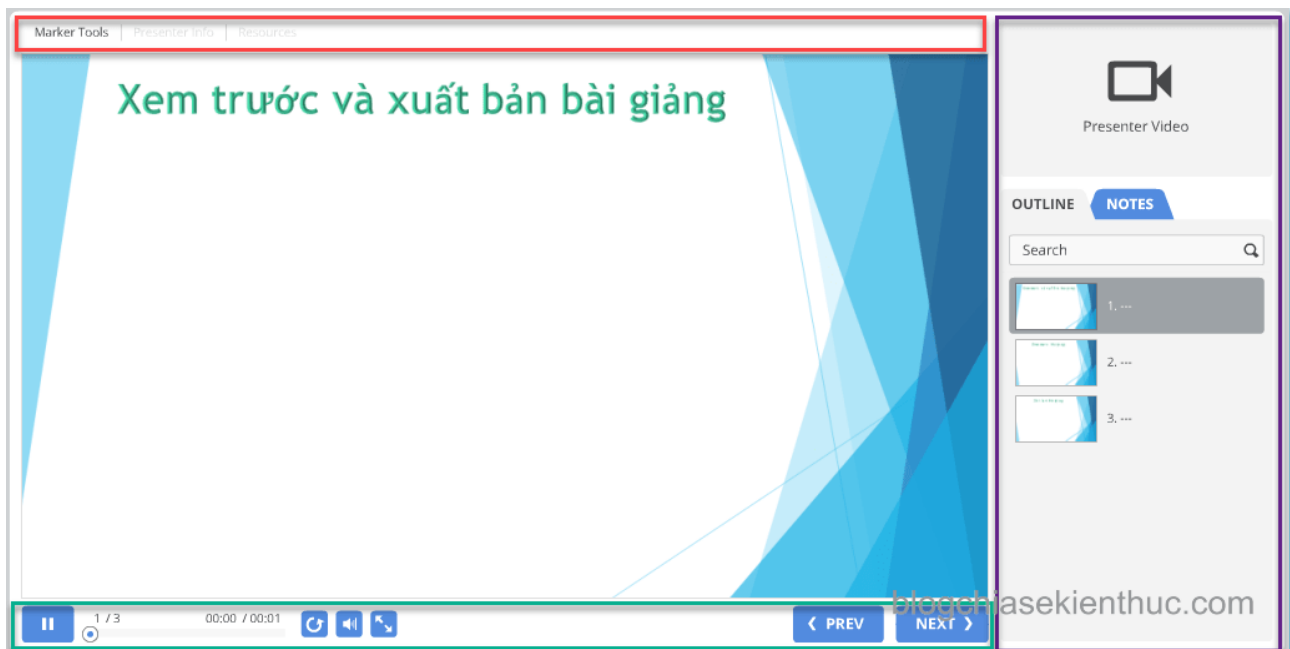
### **Chú ý:**

Mẫu giao diện phải có định dạng là `*.isplayer` thì mới có thể nhập vào được thầy cô nhé.

### **III. Layout**

Phần Layout cho phép thầy cô tùy chỉnh lại bố cục của bài giảng, chủ yếu là chúng ta sẽ tùy chỉnh lại bố cục sao cho nó thân thiện với học sinh là được còn có đẹp hay không là do mắt thẩm mỹ của thầy cô.

**+) Đầu tiên** là thẻ `Player` cho phép thầy cô tùy chọn hiện hoặc ẩn Top Bar, Sidebar, Bottom Bar và vị trí của `Sidebar` là `on the right` hoặc `on the left`.



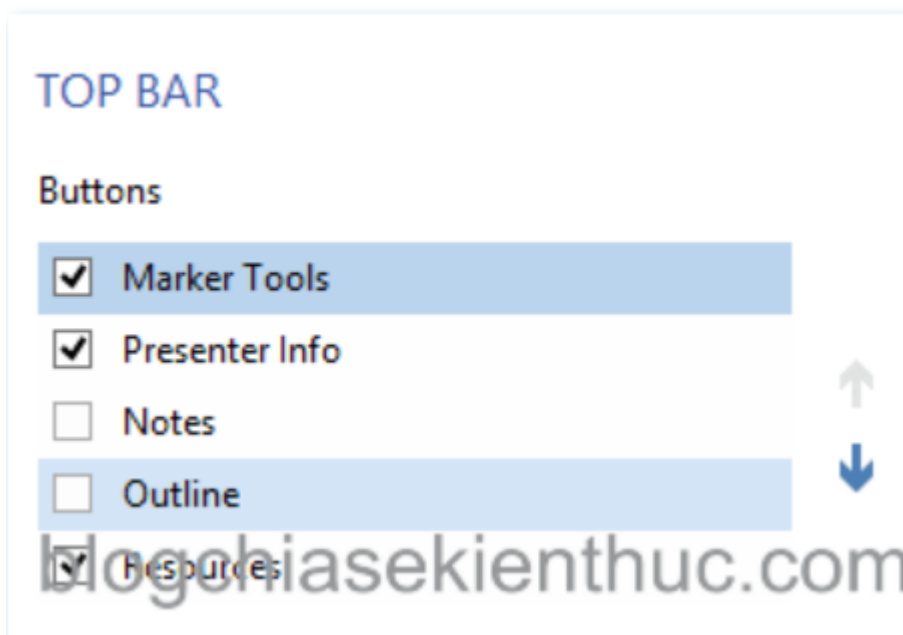
+) **Thứ hai** là thẻ **Features** thẻ này cho phép thầy cô tùy chỉnh vị trí hiển thị của *Outline, Notes, Presenter Video, Presenter Info, Company Logo*.

Muốn hiện thị ở đâu thì thầy cô chọn tương ứng ở đó là được. Nếu không muốn hiện thị thì thầy cô chọn **None**

Chú ý khi thầy cô muốn hiện thị *Presenter Info* thì tại *Presenter Info* thầy cô chọn là *on the sidebar* và tại **Presenter Video** thầy cô chọn là **None**

#### IV. Top bar

Phần **Top bar** cho phép thầy cô tùy chỉnh các nút hiển thị hoặc không hiển thị trên **Top bar** (chọn là hiển thị và ngược lại), cụ thể:



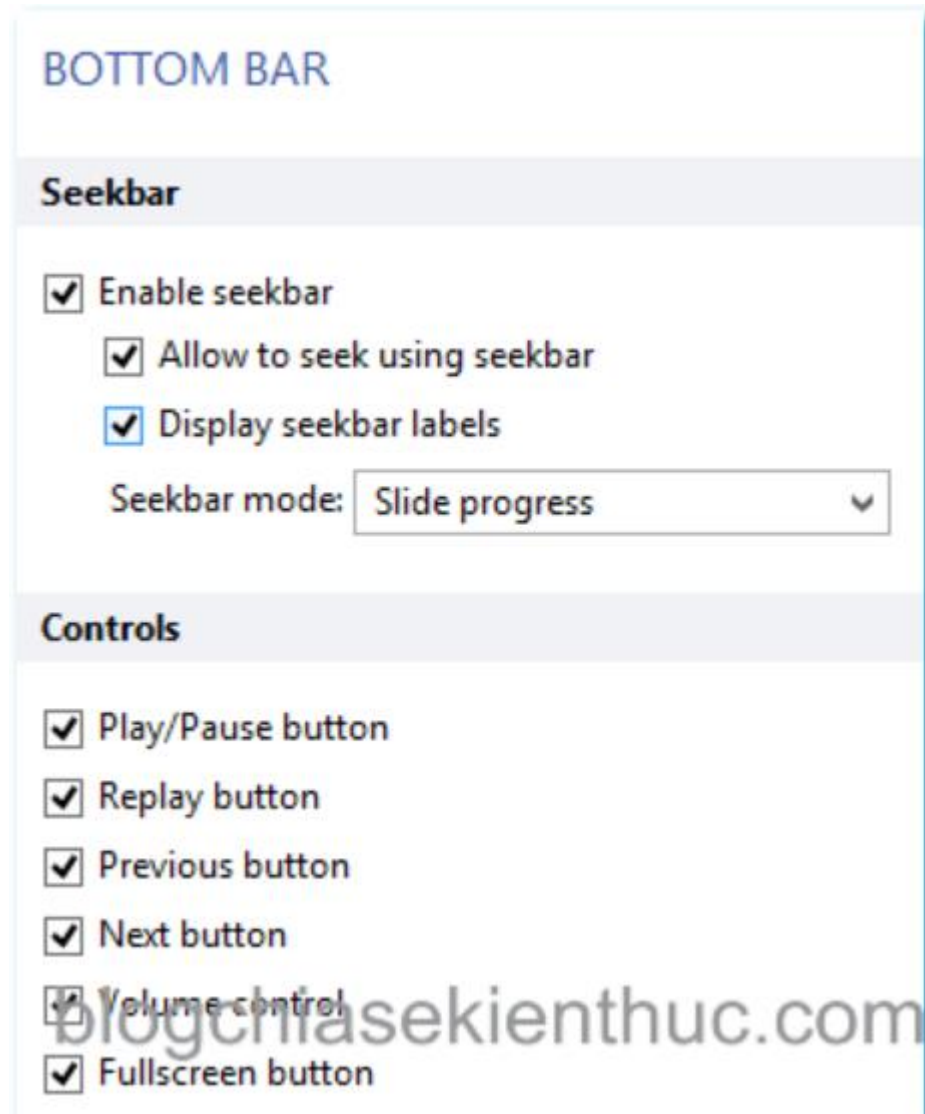
- **Marker Tools:** Công cụ đánh dấu.
- **Presenter Info:** Thông tin người dạy.
- **Notes:** Ghi chú.

- **Outline:** Phác thảo..
- **Resources:** Tài nguyên.

## V. Bottom bar

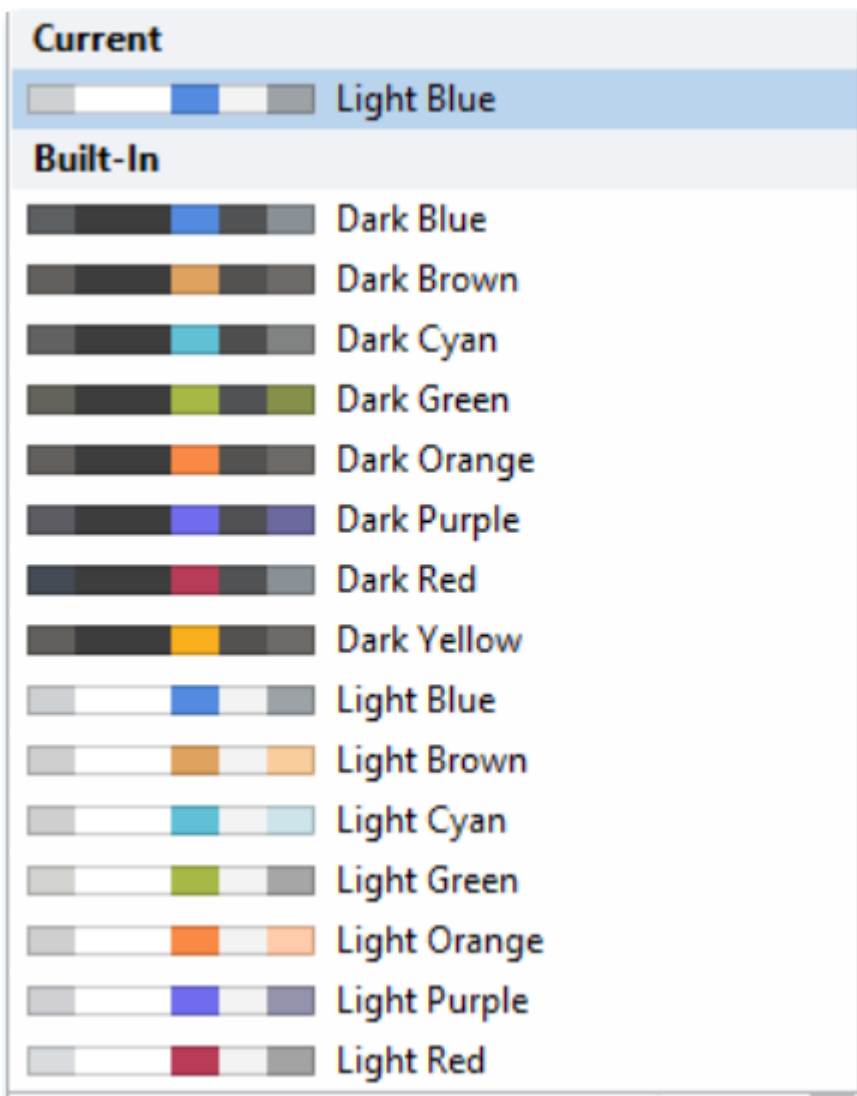
Phần **Bottom bar** tương tự như **Top bar**.

**Bottom bar** cho phép thầy cô tùy chỉnh hiện hoặc ẩn các nút trên nó. Ngoài ra còn cho phép thầy cô tùy chỉnh thêm thẻ **seekbar** tuy nhiên theo quan điểm cá nhân thẻ này thầy cô nên để như mặc định thì sẽ tốt hơn.




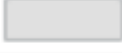




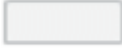

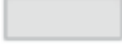






## VI. Colors

Phần **Colors** cho phép thầy cô tùy chỉnh lại màu sắc của giao diện bài giảng. Thầy cô có thể tự chỉnh lại hoặc chọn ngay các mẫu mà chương trình thiết kế sẵn. Tổng cộng ta có tất cả 15 mẫu và mẫu **Light Blue** là mặc định.



Để chọn lại màu sắc theo ý muốn thì thầy cô hãy chọn lần lượt vào các thẻ rồi chọn màu là được. Thầy cô cứ chọn thoải mái chương trình sẽ tự động cập nhật ngay để thầy cô có thể xem thử và thay đổi nếu chưa đúng ý.

Object	Color
<b>MAIN</b>	
Page Background	
Player Background	
Player Text / Icon	
Slide Border	
<b>BUTTON / INACTIVE TAB</b>	
Background	
Text / Icon	
Hover Background	
Hover Text / Icon	
<b>SIDEBAR / POPUPS</b>	
Background	
Text	
Hover Item Background	
Hover Item Text	
Selected Item Background	
Selected Item Text	
Visited Item Text	

## VII. Text Labels

Đây là phần tùy chỉnh lại ngôn ngữ của giao diện và có lẽ là phần quan trọng nhất trong `Player`.

Các phần khác thầy cô có thể để mặc định không cần tùy chỉnh lại cũng được nhưng nếu phần này nếu thầy cô cũng để như mặc định sẽ gây ra không ít khó khăn cho người học.



Hiện tại chương trình `ispring suite 10` chỉ hỗ trợ năm ngôn ngữ bên dưới và `English` là ngôn ngữ mặc định. Để có được giao diện `Tiếng Việt` thầy cô phải tự việt hóa một cách thủ công.

Built-In
English
French
German
Russian
Spanish



**Các bước việt hóa như sau:**

+ **Bước 1:** Chọn vào từng mục cần việt hóa và tiến hành việt hóa. Thầy cô có thể sử dụng [chương trình dịch của Google](#) để hỗ trợ.

## TEXT LABELS

Preset:   



Message Type	Message
<b>Sidebar tabs</b> 	
Outline	MỤC LỤC
Notes	CHÚ Ý
<b>Top Bar</b>	
Presenter Info	Presenter Info
Resources	Resources
Drawing	Marker Tools
Notes	Notes
Outline	Outline
<b>Bottom bar buttons</b>	
Previous slide	PREV
Next slide	NEXT
<b>Search panel</b>	
Default text	Search
Results	SEARCH RESULTS:
No Search Results	No matches found
Cancel search	Cancel
Search in slide text	[Slide text]
<b>Presenter panel</b> 	

+ **Bước 2:** Chọn vào biểu tượng đĩa mềm để lưu gói ngôn ngữ mà thầy cô vừa việt hóa lại để thuận tiện sử dụng cho các lần sau.



Đặt tên gói ngôn ngữ tại ô **Preset name** sau đó => chọn **Save** là xong.

### Chú ý:

- Nghĩa của từ được việt hóa phải phù hợp với ngữ cảnh.
- Không việt hóa các cụm trong dấu % chẳng hạn %USER\_POINTS%
- Không có dấu khoảng cách thầy cô nhé, chẳng hạn như thế này %USER\_POINTS% chứ không phải là thế này % USER\_POINTS %

## Xem trước và xuất bản bài giảng E-Learning trong iSpring Suite

Sau khi soạn xong một bài giảng điện tử thì một trong những công việc không thể thiếu đó là kiểm tra lại bài giảng đó.

Việc kiểm tra lại sẽ giúp thầy cô phát hiện ra các lỗi sai mà thầy cô đã bỏ qua trong quá trình biên soạn.

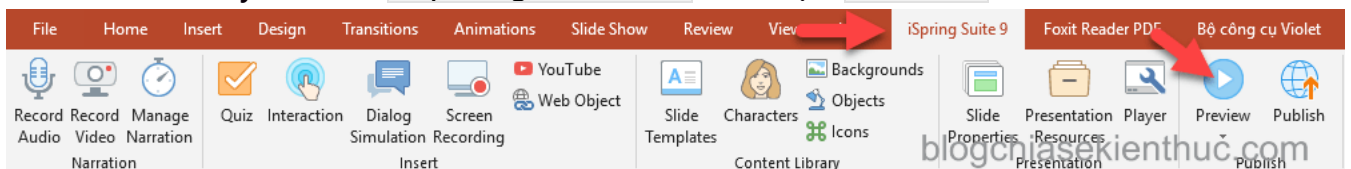
Và cần lưu ý là thầy cô sẽ không thể **kiểm tra bài giảng E-Learning** bằng chức năng Slide Show của PowerPoint được, mà thầy cô phải sử dụng chức năng Preview của iSpring Suite.

Bài viết này sẽ giúp thầy cô hiểu và biết cách sử dụng chức năng Preview của iSpring Suite, ngoài ra cũng sẽ hướng dẫn thầy cô **cách xuất bản bài giảng E-Learning** của mình ra các định dạng như HTML5, ZIP...

### I. Xem trước bài giảng E-Learning

**Để xem trước bài giảng thầy cô thực hiện theo các bước sau:**

**+ Bước 1:** Thầy cô vào **iSpring Suite 9** => chọn **Preview**



**+ Bước 2:** Chọn vào:

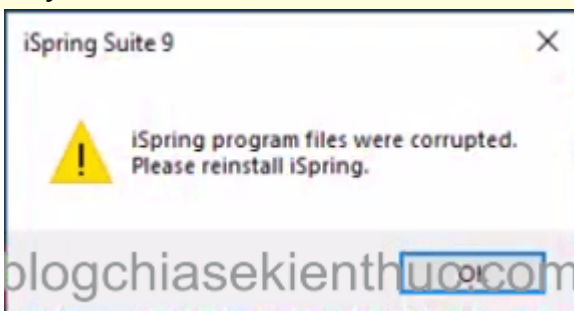
- **Preview from This Slide:** Để xem trước từ Slide được chọn đến slide cuối.
- **Preview Selected Slides:** Để xem trước slide đang được chọn.
- **Preview Entire Presentation:** Để xem trước tất cả các slide.

Sau khi chọn vào một trong các tùy chọn bên trên thì cửa sổ **Presentation Preview** xuất hiện, cho phép thầy cô xem trước slide.

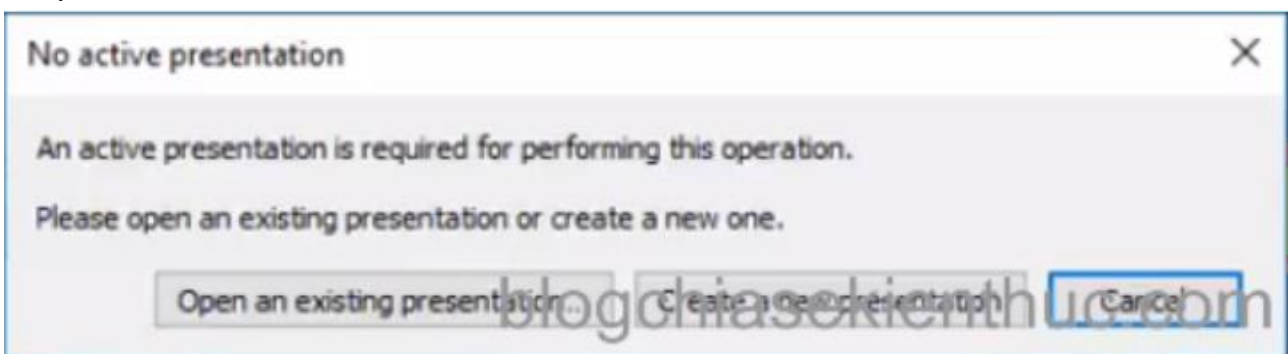


### Chú ý:

Khi tiến hành chọn **Preview** để xem trước bài giảng nếu có các thông báo như hình bên dưới thì thầy cô cứ lưu tệp tin PowerPoint lại và thoát khỏi chương trình rồi sau đó khởi động lại chương trình thì sẽ khắc phục được lỗi này.



Hoặc:

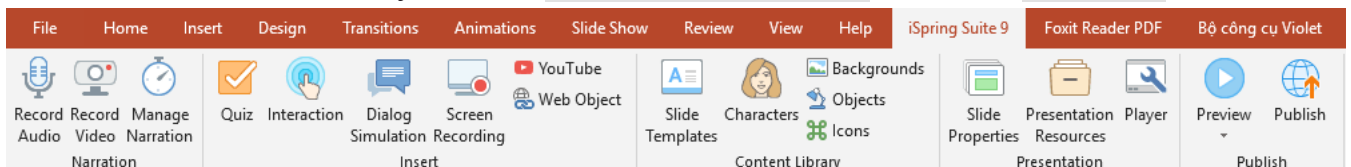


## II. Xuất bản bài giảng E-Learning

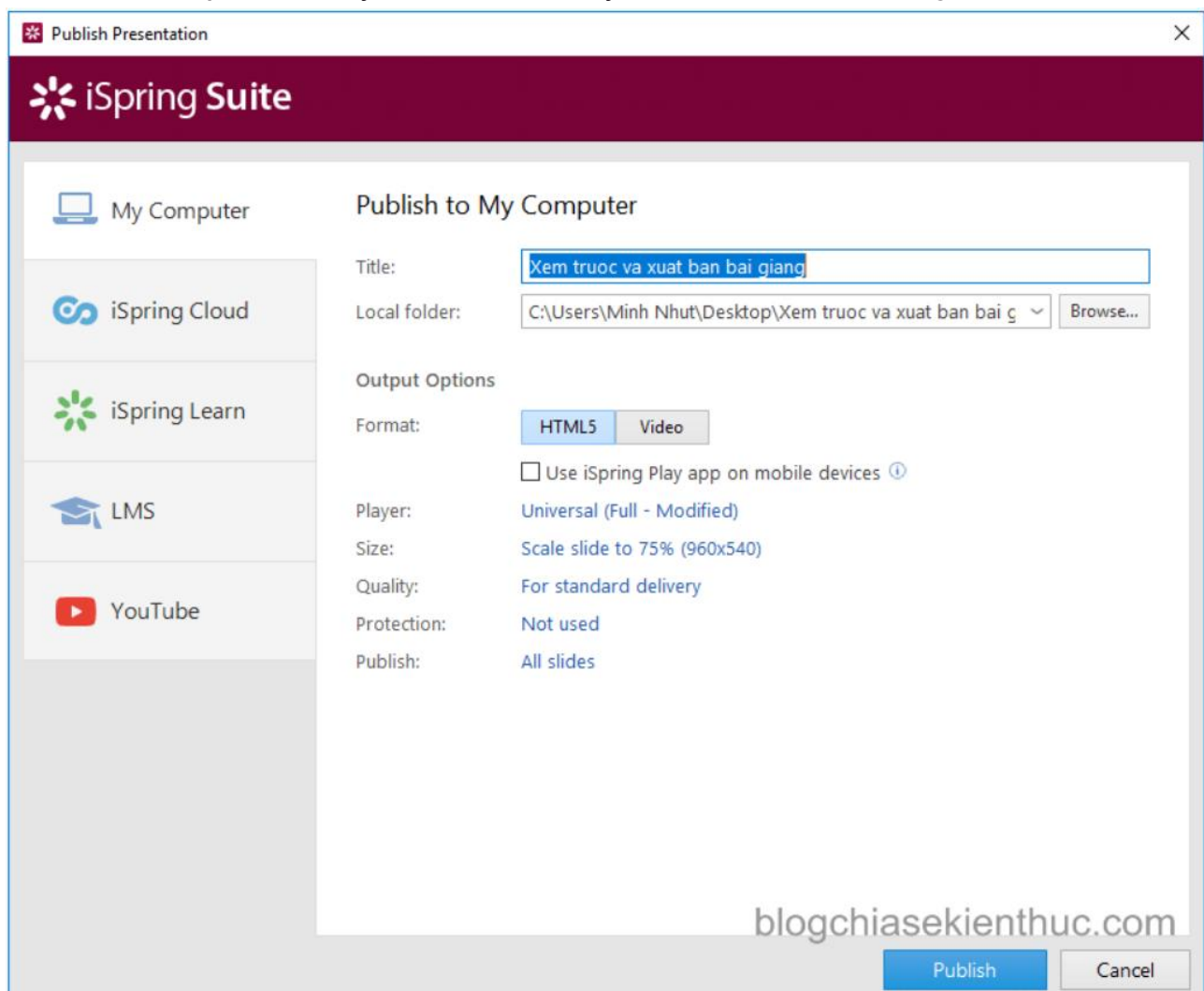
Sau khi đã Preview bài giảng và không phát hiện bất kì một lỗi nào thì bài giảng của thầy cô đã sẵn sàng cho việc xuất bản rồi đấy. Chương trình **iSpring Suite xxx** hiện hỗ trợ chúng ta tất cả bốn kiểu xuất bản.

- **My Computer:** Lưu lại vào trong máy tính
- **iSpring Cloud:** Lưu trên dịch vụ lưu trữ đám mây của iSpring.
- **iSpring Learn**
- **YouTube:** Xuất bản lên Youtube.

**Thực hiện:** Đầu tiên thầy cô vào **iSpring Suite 10** => chọn **Publish**



Sau đó hộp thoại **Publish Presentation** xuất hiện với giao diện như hình bên dưới. Hộp thoại này hỗ trợ cho thầy cô một số định dạng đầu ra như sau:



- **My Computer:** Xuất bản trên máy tính kiểu này thường được sử dụng khi thầy cô muốn lưu bài giảng trên máy tính, chia sẻ đến thầy cô bè, đồng nghiệp, nộp bài dự thi...

- **iSpring Cloud:** Xuất bản đến đám mây iSpring của thầy cô và cách duy nhất để có thể sử dụng được kiểu xuất bản này là thầy cô phải mua nó với 297 đô la trên 1 năm.



Cloud service for sharing your content



Share your presentations and e-Learning courses online with just a couple of clicks!

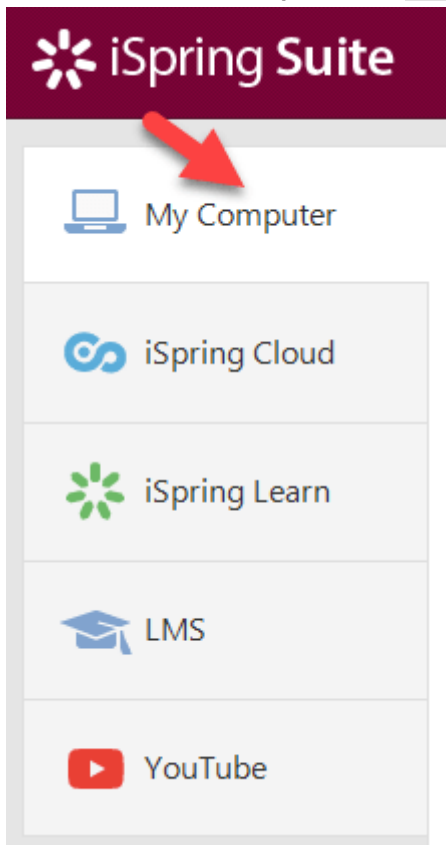
- **iSpring Learn:** Xuất bản đến LMS của iSpring tương tự như iSpring Cloud thầy cô cũng phải mua mới có thể sử dụng kiểu xuất bản này. iSpring Learn có nhiều mức giá khác nhau tương ứng với số người chi tiết xem bản bên dưới.

50 người DỪNG HOẠT ĐỘNG	100 người DỪNG HOẠT ĐỘNG	250 người DỪNG HOẠT ĐỘNG	Tùy chỉnh BẤT KỲ SỐ LƯỢNG NGƯỜI DỪNG NÀO
\$ 167 / tháng 1.670 đô la Mỹ / năm	327 đô la / tháng 3.270 USD / năm	677 đô la / tháng \$ 6.770 / năm	Bạn có thể nhận gói tùy chỉnh cho bất kỳ số lượng người dùng mong muốn nào. Liên hệ với chúng tôi để biết chi tiết.
\$ 3,4 / người dùng / tháng	3,3 đô la / người dùng / tháng	2,8 đô la / người dùng / tháng	
Mua ngay	Mua ngay	Mua ngay	Liên hệ chúng tôi

- **LMS:** Xuất bản đến các LMS khác chẳng hạn có Việt Nam chúng ta thì thầy cô có thể xuất bản ra định dạng HTML5 rồi cập nhật lên các LMS như [hocstructuyen.violet.vn](http://hocstructuyen.violet.vn)
- **YouTube:** Xuất bản đến YouTube.

# 1. Publish to My Computer

+ **Bước 1:** Tại hộp thoại Publish Presentation => chọn My Computer.



+ **Bước 2:** Tùy chỉnh lại các thông số theo yêu cầu, cụ thể:

## Publish to My Computer

Title:

Local folder:

**Output Options**

Format:  HTML5  Video

Use iSpring Play app on mobile devices ⓘ

Player: Universal (Full - Modified)

Size: Scale slide to 75% (960x540)

Quality: For standard delivery

Protection: Not used

Publish: All slides

blogchiasekienthuc.com

- **Title:** Tiêu đề của bài giảng.
- **Local folder:** Nơi chứa tệp tin xuất bản.
- **Format:** Định dạng đầu ra.
- **Player:** Tùy chỉnh lại bố cục của bài giảng.

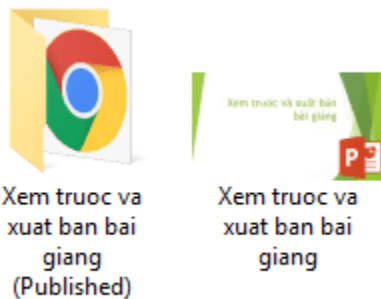
- **Size:** Tùy kích thước.
- **Quality:** Tùy chỉnh lại chất lượng đầu ra của bài giảng như For high-quality representat on, For standard delivery, For low-speed connections.
- **Protection:** Tùy chỉnh các thuộc tính bảo vệ cho bài giảng như Watermark, Password, Time Retrictions, Domain Retrictions.
- **Publish:** Chọn phép thầy cô chọn một slide để xuất bản hoặc tất cả các slide.

Thông thường sẽ để như mặc định không tùy chỉnh thêm gì hết.

**+ Bước 3:** Chọn vào **Publ ish** để chương trình tiến hành xuất bản và nhanh hay chậm phù thuộc vào cấu hình máy tính của thầy cô.

Sau khi chương trình tiến hành Publish xong thì của sổ **Presentat ion Preview** xuất hiện cho phép thầy cô xem trước bài giảng.

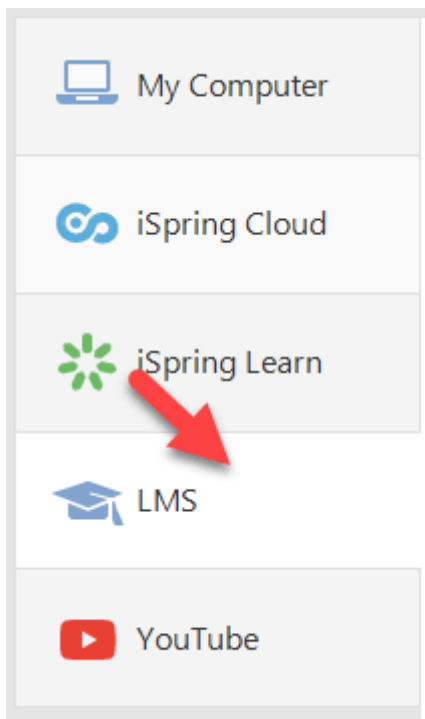
Thầy cô có thể xem nếu thích sau đó đóng cửa sổ này lại và vào thư mục mà thầy cô đã chỉ định thì thầy cô sẽ được một thư mục xuất bản như hình bên dưới.



Nếu muốn xem thì thầy cô vào thư mục **...(Published)** => chạy tệp tin **Index** là được nha các thầy cô.

## 2. Publish for LMS

**+ Bước 1:** Tại hộp thoại **Publ ish Presentat ion** => chọn **Publ ish for LMS**



**+ Bước 2:** Tương tự như **Publish to My Computer**. Tuy nhiên đối với kiểu xuất bản này còn có thêm mục **LMS profile** với các tùy chọn như:

- SCORM 1.2
- SCORM 2004
- AICC
- Experience API
- cmi5

... Và thầy cô cần chọn đúng **LMS profile** mà máy chủ hỗ trợ thì sau này khi đăng lên mới chạy được (thông thường chọn SCORM 2004).

#### Publish for LMS

Title:

Local folder:

#### Output Options

Format: HTML5 (for desktop and mobile devices)  
 Use iSpring Play app on mobile devices ⓘ

Player: [Universal \(Full - Modified\)](#)

Size: [Scale slide to 75% \(960x540\)](#)

Quality: [For standard delivery](#)

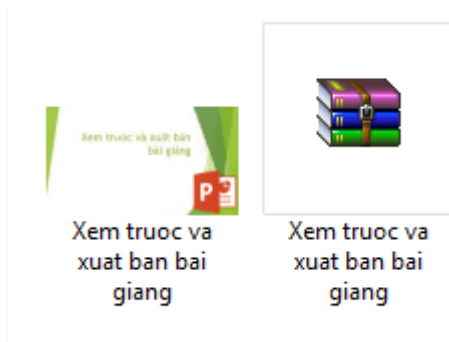
Protection: [Not used](#)

Publish: [All slides](#)

#### Learning Course Options

LMS profile:

**+ Bước 3:** Chọn vào **Publish** để chương trình tiến hành xuất bản nhanh hay chậm phù thuộc vào cấu hình máy tính của thầy cô. Trong trường hợp này tệp tin xuất bản của thầy cô sẽ là một tệp tin nén với định dạng là **\*.zip**



### III. Đưa bài giảng lên trang hocstructure.violet.vn

**+ Bước 1:** Tại hộp thoại **Publish Presentation** => chọn **Publish for LMS**

**+ Bước 2:** Tại tùy chọn **LMS profile** thầy cô chọn là **SCORM 2004** => chọn **Customize**

Learning Course Options

LMS profile: SCORM 2004

Customize...

blogchiasekienthuc.com

**+ Bước 3:** Hộp thoại **Learning Course** xuất hiện tại tùy chọn **Course Information** thầy cô chọn là **SCORM 2004** và **4th Edition** => chọn **Save** => chọn **Publish**.

Learning Course

Course Information

Type: SCORM 2004 4th Edition

Title: Xem trước và xuất bản bài giảng

Lesson title: Xem trước và xuất bản bài giảng

Description:

Identifier: 6C44E889-BBF9-4956-8135-B4F4CFA3F8F3

Keywords:

Progress and Completion

Rate slides: No Lesson duration: 01:00:00

Rate quizzes and simulations: No Terminate lesson: No

Max score: Not defined Show message: No

Passing Score: Not defined

Customize... ? Learn more about progress and completion settings

Save Cancel

blogchiasekienthuc.com

+ **Bước 4:** Truy cập vào địa chỉ <https://hoctructuyen.violet.vn/> và đăng nhập vào tài khoản của thầy cô, nếu chưa có thì thầy cô hãy đăng kí một tài khoản => chọn **Đưa E-learning** lên nhé.



+ **Bước 5:** Chọn và điền đầy đủ các thông tin theo yêu cầu sau đó chọn => **Lưu lại**

**Đưa e-learning từ máy tính lên thư viện**

Đưa vào thư mục: [Gốc](#) > [Bài giảng khác](#) > [Dạng khác](#) > [Chọn thư mục khác...](#) (i)

Tiêu đề:

File dữ liệu:  Không có tệp nào được chọn (iii)

Ảnh đại diện:  Không có tệp nào được chọn

Nguồn:  (Nếu tự làm thì không cần nhập)

Nội dung:   
Đường dẫn: p

blogchiasekienthuc.com

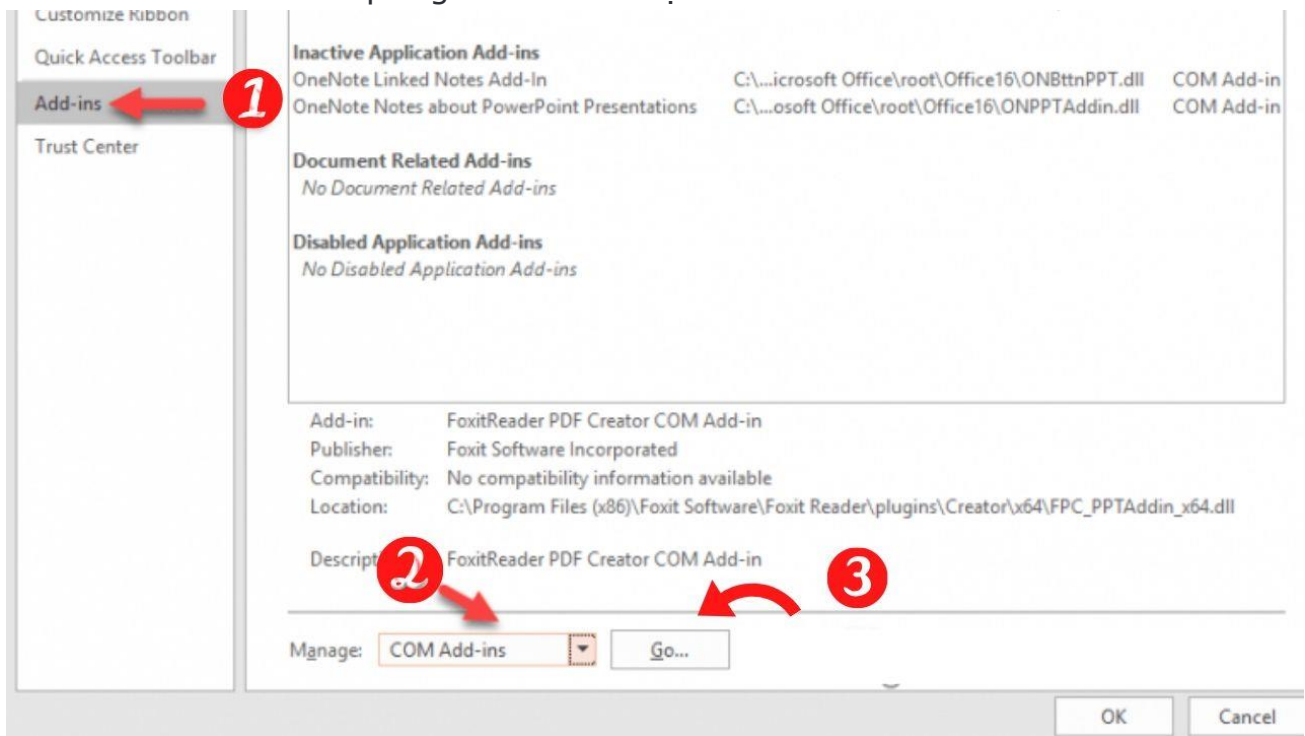
Đợi một chút đợi dữ liệu cập nhật lên máy chủ là xong.

## Một số lỗi thường gặp và cách khắc phục

Dưới đây là một số lỗi thường gặp và cách khắc phục khi sử dụng iSpring Suite:  
**Lỗi ẩn công cụ iSpring Suite trong PowerPoint:** là lỗi khi mở PowerPoint trên thanh công cụ không xuất hiện biểu tượng của iSpring Suite. Để khắc phục lỗi này thầy cô có thể tham khảo cách sau:

- Bước 1: vào File => chọn Options
- Bước 2: Chọn Add-ins => tại thẻ Manager chọn COM Add-ins => chọn Go...

- Bước 3: Tích vào iSpring Suite => chọn OK



Các bước khắc phục lỗi ẩn công cụ iSpring Suite trong PowerPoint